

DOÃN QUỐC SỸ

gìn vàng

giữ ngọc

SÁNG
TẠO

**gìn vàng
giữ ngọc**

doãn quốc sỹ

**gìn vàng
giữ ngọc**

doãn quốc sỹ

bìa: *Sáng Tạo*

trình bày: *Muon Phuong*

nguồn: *Internet*

gìn vàng
giữ ngọc

DOÃN QUỐC SỸ

MỤC LỤC

Khu vườn bên cửa sổ	9
Căn nhà hoang	73
Tiền kiếp	95
Cái chết của một người	123
Hương nhân loại	137
Chiếc chiếu hoa cạp điều	163
Gìn vàng giữ ngọc	185

KHU VƯỜN BÊN CỬA SỔ

I.

Em chắc chị còn nhớ mười lăm năm trước đây, hồi gia đình nhà ta ở Cầu Giấy, ngoại ô Hà Nội, và chị là cô gái vừa đôi tám tuy đã biết trang điểm mà còn quanh quẩn dưới gối cha mẹ. Đạo đó em mới lên tám. Phải, em lên tám, Linh bên hàng xóm, hơn em hai tuổi, lên mười. Chị còn nhớ Linh chứ? Trước đấy đã nhiều lần chị quàng cho Linh chiếc khăn xanh để gọi Linh là “Cô bé quàng khăn xanh”, và cho em chiếc khăn đỏ để gọi em là “Cô bé quàng khăn đỏ”. Ba, mẹ và cả chị nữa chỉ cho em chơi với Linh thôi, vì Linh thùy mị hiền lành, ăn nói lễ phép. Hễ thấy em chạy nhảy toir tả là ba mẹ hay chị mắng: “Con gái gì mà như con trai, sao chả trông gương Linh cũng là con gái mà lúc nào nó đi đứng cũng dịu

10 | Doãn Quốc Sỹ

dàng!” Em động nói to cười lớn là đã bị mắng: “Con gái gì mà như con trai, sao chả bắt chước Linh cũng là con gái mà nó ăn nói thùy mị bao nhiêu!”

Cả nhà quý Linh; còn em, khỏi phải nói, em quần quít bên Linh suốt ngày; Linh hầu như cũng chỉ biết có em, chỉ chơi với em.

Chị còn nhớ chứ, ngày ba Linh đổi đi Thanh Hóa, em và có lẽ cả Linh nữa, chẳng bao giờ lại ngờ rằng có ngày hai đứa phải xa nhau. Một tuần trước đó, ba mẹ Linh vẫn thường nhắc chuyện “sắp ra đi” với ba mẹ chúng ta bằng giọng buồn rầu. Em không một giây thắc mắc, em đã hiểu thế nào là xa nhau đâu. Rồi một buổi chiều, em ngồi chơi búp-bê với Linh ở góc phòng khách, em thấy bàn ghế nhà Linh đi đâu hết, chiếc đồng hồ trăm cầm vẫn treo trên tường đi đâu mất, chỉ thấy ở góc cửa ra vào, sắt tường, tới bốn năm chiếc va-li lớn xếp chồng lên nhau. Em và Linh mừng rằng bớt đồ đạc đi như vậy càng dễ đùa nghịch. Buổi tối lúc em đã lên giường buồn ngủ riu mắt thì ba mẹ Linh sang nói với ba mẹ đại ý: “Trông

hai đứa lũn cữn chơi với nhau mà thương, giả sử được đổi đi gần đây chúng tôi dám xin phép hai bác mang cháu cùng đến ở với cháu Linh ít lâu, đỡ tội nghiệp!”

Sớm hôm sau, như thường lệ em chạy sang nhà Linh. Cửa đóng! Em gọi Linh, không thấy Linh thưa mà cũng chẳng thấy ai thưa. Lúc đó em mới nhận thấy thêm trước cửa có chiếc khóa lớn mạ kền. Me cũng vừa đến âu yếm dắt em về và nói:

– Linh đi từ năm giờ sáng với ba me Linh rồi con ạ. Sáng nay con ăn gì nào, con ăn bánh sữa nhé?

Me nói với ba:

– Dễ bây giờ tàu đến Phủ Lý rồi ba nó nhỉ, liệu mấy giờ thì đến nơi?

Ba đáp:

– Phải hơn mười giờ mới tới Thanh Hóa được!

12 | Doãn Quốc Sỹ

Rồi mấy lần nữa em chạy sang nhà Linh, chiếc khóa mạ kền vẫn đó. Em hỏi mẹ liệu trưa Linh có về không; mẹ lắc đầu bảo còn lâu. Em hỏi mẹ còn lâu là đến bao giờ, mẹ đáp là Tết. Trí óc non nớt của em dạo đó nhắc em nhớ lại là bao giờ cũng phải chờ lâu lắm mới có một lần Tết, nên khi nghe mẹ trả lời “đến Tết” em rụng rời. Quả nhiên đến trưa em vẫn thấy chiếc khóa mạ kền treo nguyên chỗ cũ. Em về nằm vật trên giường, quay mặt vào tường. Mẹ nói thầm với ba vừa đi làm về:

– Nó nhớ Linh đấy, thương quá! Em thấy ghen cổ.

Mẹ hỏi:

– Con nhớ Linh phải không?

Nước mắt giàn giụa, em không trả lời, càng nép vào tường và mím chặt hai môi lại để khỏi bật khóc.

Mẹ ngồi xuống, với tay kéo em quay lại, ôm em lên lòng và trong khi em gục vội lên vai òa khóc, mẹ yên lặng vuốt tóc em.

Hình như hôm đó trời nhiều mây thì phải vì ánh sáng âm u. Và nhiều gió nữa. Ba ra xoa má em rồi âu yếm nói:

– Lớn lên con sẽ biết đời còn nhiều biệt ly con ạ! Em chưa hiểu lời ba nói nhưng có điều em cảm thấy chắc chắn: em biết sợ cô độc từ đấy.

(Về sau em được chị cho biết theo như thơ của ba mẹ Linh gửi về thì Linh cũng úp mặt vào thành ghế tựa hỏa tẩm tức khóc suốt từ Hà Nội đến Thanh Hóa.)

“Đời còn nhiều biệt ly con ạ!” Quả có thể, càng lớn em càng hiểu lời ba. Biệt ly với cô giáo, biệt ly với bạn cùng lớp cùng bàn, biệt ly với người thân yêu: ngày chị lên xe hoa, rồi từ đấy chị theo chồng nay đây mai đó, có khi hàng năm chị em mới gặp nhau một lần.

Dù đã biết bao lần lòng em phải thắt lại vì biệt ly làm em cô độc, nhưng thú thật với chị cảm giác buồn nhất, thấm thía nhất khiến em nhớ lâu nhất – có lẽ nhớ mãi mãi – vẫn là cảm giác cô độc đầu tiên, ngày xa Linh. Những cuộc biệt ly

14 | Doãn Quốc Sỹ

sau chỉ là những bông hoa sầu muộn nở thêm từng mùa, cuộc biệt ly đầu là chính thân cây hoa. Hoa nở rồi hoa tàn, hình như mỗi độ hoa nở rồi hoa tàn như vậy chỉ để thân cây có dịp thêm lớn, đứng xa trông cũng rõ.

II.

Gia đình Linh đi được hai năm thì một gia đình mới đến ở, gia đình này về sau cũng thân với gia đình nhà nhưng không có con gái, chỉ có Đạm, cậu con trai lớn, hơn tuổi cả anh Minh của chúng ta và học hơn cả anh Minh một năm ở trường Thuốc. Không hiểu chị còn nhớ anh Đạm không, riêng em bao giờ em cũng giữ một niềm kính mến anh Đạm. Anh cao, thật là cao, da trắng, tóc hơi gợn sóng. Có lần anh cúi xuống vừa nói chuyện vừa làm điệu rất có duyên với anh Minh, anh nói một cách say mê rằng sau này khi học đến năm thứ năm thì được phép mổ, anh sẽ làm việc một cách say mê, đầy rung động vì công tác cứu người đó theo ý anh cũng là một công tác nghệ thuật. Đến nay nhiều khi anh Minh còn nhắc đùa lời kết luận của anh Đạm ngày đó: “Không phải nghệ thuật vị nhân sinh mà trái lại

16 | Doãn Quốc Sỹ

nhân sinh phải vị nghệ thuật! Ở đời này cái gì cũng phải có nghệ thuật mới được!”

Sau hai năm kháng chiến, ngày anh Minh đưa chị em mình chuyển dịch từ Tuyên Quang về Thái Nguyên với ba mẹ, chị nhớ chứ, chúng ta lại gặp anh Đạm ở một cái quán khoét sâu vào sườn đồi ngay bờ sông Lô. Khi đó anh Đạm đang ăn trứng vịt luộc. Anh bắt tay anh Minh mời mỗi người ăn một quả trứng luộc. Anh hăm hờ khuyên chúng ta nếu có ăn quà thì nên ăn trứng luộc vì có nhiều vitamine A và B. Anh lại cúi xuống vừa nói chuyện vừa làm điệu rất có duyên với anh Minh về chuyện mổ xẻ. Giấc mộng mổ xẻ của anh đã thành rồi! Vì hoàn cảnh kháng chiến nên mặc dầu mới học năm thứ năm anh đã thực sự được mổ từ năm thứ tư, mà mổ khéo! Anh kết luận giọng tự đắc ra mặt: “Nhất định không sinh viên y khoa một nước nào trên thế giới có thể sánh nổi với sinh viên Việt Nam về phương diện thực hành mổ xẻ.”

Rồi chia tay. Có ai ngờ một tháng sau anh Đạm bị tử thương trong một trận oanh tạc của

phi cơ địch ở chân đèo Khế, Vĩnh Yên. Từ đấy mỗi khi nhà ăn trứng luộc em lại nhớ đến anh Đạm. Bao giờ em cũng vẫn giữ một niềm kính mến đối với anh Đạm.

Tại sao em nhắc lại chuyện biệt ly thuở nhỏ với Linh rồi một chút ít về anh Đạm như vậy? Vì em vừa tái ngộ với Linh! Cuộc tái ngộ đó vui hay buồn, trong sáng hay âm u, cởi mở hay dè dặt em cũng không biết nói thế nào cho đúng, xin chị cứ tiếp tục nghe câu chuyện. Năm lên bảy lên tám em cứ bị ba mẹ và cả chị nữa mắng cả ngày về tội “ăn nói như đàn ông... chạy nhảy như đàn ông.” Nhưng, chị biết đấy, kể từ năm lên mười trở đi em trở thành nhu mì hẳn, rồi càng lớn đức tính đó càng đi tới quá độ thành nhút nhát, điều này rất có thể đem lại thiệt thòi cho em. Về phần Linh, Linh cũng khác xưa, khác ngược hẳn với em, ngày nay Linh hoạt bát, sắc sảo. Ngay cả khi nói chuyện với phái mạnh, Linh cũng giữ phần chủ động dẫn dắt mọi người hòa theo câu chuyện. Em biết có những anh bạn thật là nhút nhát mà cũng không hề cảm thấy lúng túng khi nói chuyện với Linh, bởi câu chuyện của

18 | Doãn Quốc Sỹ

Linh bao giờ cũng thành thực cởi mở, rất vui, rất bay bướm. Đã khéo gợi chuyện, Linh còn hiểu rộng câu trả lời, biết được những điều người đối thoại muốn nói mà không nói hoặc chỉ nói được một phần nhỏ. Chị ơi, Linh chỉ hơn em có hai tuổi thôi mà em cứ nghĩ rằng cho đến ngày em gấp đôi tuổi Linh bây giờ, chưa chắc em đã khôn ngoan bằng Linh. Phải chăng vì Linh đã được đi nhiều? Đi một ngày đàng học một sàng khôn!

Ba năm trước đây, hồi đó Linh đã là giáo sư Anh văn tại trường Trung học công lập nọ, Linh được Bộ Quốc gia Giáo dục cử đi Mỹ theo lớp tu nghiệp trong bảy tháng, khi về Linh lại ghé ở Paris hai tuần. Mãi đến năm ngoái, khi ba từ Đà Lạt đổi xuống Sài Gòn, em mới gặp Linh ở Đại học Văn khoa. Linh đã học tới năm thứ ba, sắp thi Cử nhân giáo khoa Anh văn. Lúc hai đứa nhận ra nhau vui đến muốn chảy nước mắt. Lập tức chúng em đi lại thăm nhau luôn. Cũng vì chúng em mà các cụ mới biết để nối lại dây liên lạc xưa, ôn lại chuyện cũ để cùng cảm động thành thật. Linh còn nhiều lần tâm sự khá tỉ mỉ với em về một chuyện tình duyên và cho em xem nhiều

ảnh. Với Linh – cũng như với mọi người – em thường chỉ nghe nhiều mà nói ít, riêng với Linh em còn nặng tự ti vì chẳng được đi đây đi đó như Linh.

Thế rồi... Đầu mỗi biến cố bắt đầu từ đây chị ạ.

Ngày đó em gặp “chàng”.

“Chàng”, chị để cho em được nói vậy, nghe xưa lắm, em biết, nhưng khi viết riêng để chị đọc em ưa dùng chữ đó vì mỗi lần thốt lên như thế em bồi hồi tưởng như còn đương ôm chàng và được chàng ôm em. Em chẳng cần phải nói tên chàng, em chẳng cần phải tả hình dáng chàng, em chỉ cần nói với chị: Chàng đã xuất hiện như một cơn gió lốc bằng ánh sáng và khi ra đi cuốn theo hồn em.

Hôm đó chàng lái xe đưa người bạn tên là Hùng đến Đại học Văn khoa đón Thi, vị hôn thê của Hùng. Thi cùng học lớp Dự bị Văn khoa với em. Khi hai người đến, lớp vừa tan, trời bắt đầu đổ mưa, các anh cùng lớp vội vã ra về, hầu hết

20 | Doãn Quốc Sỹ

các nữ sinh viên – chừng mười chị – nán lại chờ ngớt mưa. Thi giới thiệu hai người với các chị em.

Hùng nói với chàng:

– Trời mưa lớn quá không ra xe được, chờ một lát vậy nhé.

Chàng cười nhìn tất cả chúng em nói đùa:

– Phòng học đẹp như thế này, trời không mưa cũng còn chẳng muốn về hưởng chi là trời lại mưa.

Câu chuyện trở nên vui ngay vì ai nấy tìm lời trêu cặp tình nhân sắp thành đôi: Hùng – Thi. Tiến cười không kịp ngớt, nhiều khi át cả tiếng mưa.

Thấy Hùng ra nhìn mưa qua cửa kính, một chị chế:

– Chắc anh Hùng đang đếm xem có bao nhiêu hạt mưa rơi.

Chàng tiếp:

– Và « Mưa bao nhiêu hạt thương nàng bấy nhiêu » phải không Hùng?

Hùng khua tay:

– Rồi đây Quân y sẽ chỉ thông gia với Văn khoa, tôi mở đầu chiến dịch.

Rồi quay sang nói với chàng:

– Cậu cũng nên kén vợ Văn khoa đi.

Chàng đáp:

– Được lắm, trăm sự xin nhờ các chị đây làm mối cho. Quân y là nước Tấn, Văn khoa là nước Tấn, ngàn năm giao ước kết đôi chứ sao.

Chúng em cũng bật cười tuy ai nấy cùng hơi ngượng. Trong câu chuyện, em biết chàng đã học xong năm thứ năm Quân y chuyên ngành giải phẫu (trên Hưng hai lớp). Hiện chàng là Y sĩ Trung úy trong đại đội Quân y Biên Hòa. Vì có xe riêng, chàng thường sớm tối đi về: chàng ở Sài Gòn với chú thím. Cha mẹ chàng còn sống, nhưng lại ở ngoài Bắc. Nguyên sau khi đã ký

22 | Doãn Quốc Sỹ

Hiệp định Genève phân chia lãnh thổ, chàng đã phải theo trường vào Sài Gòn trước, cha mẹ hứa sẽ vào sau nhưng rồi các cụ ngại tuổi già, ngại chuyển dịch, ở lại.

Trên mưa lớn đã ngớt chỉ còn mưa bụi. Chàng mời nội người lên xe để đưa về tận nhà, nhưng mấy chị nhà gần cảm ơn rồi đi trước. Lên xe chỉ còn em với hai chị bạn, không kể cặp Hùng – Thi.

Le ra chàng phải đưa Thi về trước, chàng bỗng đề nghị.

– Bây giờ mới có chín rưỡi mà chắc chiều nay thứ bảy cũng chẳng ai học hành gì, chi bằng các anh chị đi xem trại của tôi ở gần cầu Bình Lợi cách đây 12 cây số thôi.

Thấy mọi người im lặng ra chiều đồng ý, chàng kết luận hỉ hả:

– Các anh chị thỉnh thoảng nên ra khỏi Sài Gòn một lát để thấy rằng nắng gió đồng nội đẹp và rộng biết chừng nào.

III.

Khi xe bắt đầu chạy, chàng giải thích:

– Xin các chị chờ tưởng xe này đã là của tôi. Một anh bạn com-măng được chiếc xe mới bèn gán “hần” cho tôi với giá ba vạn trả làm mười tháng. Tôi mới dùng xe được ba tháng, nghĩa là mới trả được ngót một phần ba. Lẽ ra số lương của tôi cũng không thể cáng đáng nổi việc sử dụng ô-tô, cũng may Đại tá giám đốc Nha Quân y biết tôi phải đi đi về về con đường Sài Gòn – Biên Hòa nên hàng tháng cấp cho bông xăng. Kể cả khi phải cho xe vào ga-ra chữa, Đại tá cũng châm chước cho như vậy.

Em nói đùa (mãi tới lúc đó em mới dám nói đùa với chàng):

– Vậy ra đây là một “bán công xa” đó.

24 | Doãn Quốc Sỹ

– Chị nói đúng! - Chàng đáp - Thường thường thì xe làm đẹp người, đặc biệt hôm nay vì có các chị nên quả là người đã làm đẹp cho xe rất nhiều.

Chàng vội buông chân ga rồi từ từ dừng lại theo lời yêu cầu của Thi Tiệp trên đường qua nhà, Thi muốn tắt về cất sách vở và mang theo vài thức trái cây sẵn có.

Nhà Thi là một villa khá lớn gần cuối đường Pasteur, phải qua một con đường trải cuội, hai bên trồng hoa và ít cây ăn quả rồi mới đến căn nhà chính hai tầng, ngoài cùng là hàng rào sắt, trên cửa sổ có treo tấm bảng nhỏ vẽ hình đầu chó béc-dê với hàng chữ: “Coi chừng chó dữ.”

Khi Thi đã đẩy cửa thoăn thoắt bước vào, chàng hỏi Hùng:

– Thật là thâm nghiêm kín cổng cao tường nhé, lại thêm có chó béc-dê nữa vậy mà không hiểu sao ông Kim Trọng Hùng nhà tôi vẫn gặp gỡ nàng Kiều được. Kim Trọng thời nguyên tử có khác!

Mọi người cùng tiếp lời giễu Hùng, trong khi Hùng làm vẻ trơ, gật gù ngâm:

Mấy lần cửa đóng then cài,

Đầy tường hoa rụng biết người ở đâu.

Thi ra xe, tay xách lẫn quả nặng.

Chàng nói:

– “Người” đã ra kia rồi!

Xe chạy, chàng vừa lái vừa nói chuyện với Hùng, câu chuyện chuyển hướng hẳn sang chuyên môn. Chàng kể tuần qua chàng vừa làm một *opération césarienne* (mổ dạ con lấy đứa trẻ).

Hùng nói:

– Thuộc về “ca” nào?

– Cas: *Présentation de l'épaule négligé!* Người đàn bà đau đẻ ba giờ rồi mới được mang đến nhà thương. Tới nơi, một cánh tay đứa trẻ đã thò ra, mạch người mẹ lên tới 100, và nghe tim đập của cái thai tới 160 không đều, nước ối xanh vì có lẫn cứt su.

26 | Doãn Quốc Sỹ

Vẫn chăm chú nhìn thẳng về phía trước điều khiển tay lái chàng tiếp tục kể lướt việc mổ tử cung, cứu được cả mẹ lẫn con. Đứa bé được mấy nữ phụ tá (không biết các cô đẹp không, em tự hỏi) vừa dùng bình dưỡng khí, vừa làm cử động hô hấp nhân tạo; chỉ năm phút sau bé đã khóc thét lên được, khuôn mặt từ màu xám ngoét chuyển dần sang màu đỏ hồng như những trẻ thường.

Lúc kể chuyện chàng như biến thành một nhân vật khác, giọng chàng say mê, trang trọng, quên hẳn chúng em ngồi bên dưới, rõ ra là một thanh niên nhiệt tâm yêu nghề. Y như anh Đạm?

Sau cùng chàng hỏi Hùng:

– Cậu có biết cuộc giải phẫu đó tôi làm xong trong bao lâu không?

– Một giờ rưỡi! - Hùng đáp.

Chàng lắc đầu khuôn mặt tươi hẳn, cải chính:

– Kể từ lúc bắt đầu đánh thuốc mê, rồi mổ tới tử cung lấy thai, rồi khâu tử cung, khâu phúc mạc péritoine, khâu bắt thịt bụng bằng chỉ ruột

mèo catgut, rồi khâu lần da ngoài cùng bằng chỉ lim: một giờ năm phút đúng!

– Chà! - Hùng thốt lên - Giỏi đấy!

Em đưa mắt nhìn hai bàn tay chàng trên tay lái. Bàn tay chàng khéo, chàng luôn luôn vui tươi như vậy, chắc ai lên bàn mổ cũng đỡ lo. Cao quý thay đổi bàn tay kia đã mổ, đã băng bó cho bao vết thương của đồng loại.

Em chợt lên tiếng hỏi chàng:

– Chắc anh mổ giỏi lắm rồi nhỉ?

Chàng đáp:

– Thực ra tôi cũng chưa được phép mổ đâu chị ạ, chỉ phụ thôi, đây là được bác sĩ yêu và tin đứng chúng kiến cho phép thực tập.

Qua cầu Băng Kỵ được một quãng, chàng dừng xe lại rồi nói:

– Xin các vị chờ tôi vài phút, lần nào qua đây tôi cũng mua thêm một hai cây nhỏ để mang lên trại trồng.

28 | Doãn Quốc Sỹ

Anh Hùng bỗng lượm lên một tấm ảnh rớt ngay chỗ chàng ngồi và cười lớn:

– Cha cha! Nhà người chụp với những cô nào mà cùng xinh đẹp như nhau cả thế này?

Em nghe mà lạnh người, trời đất như nhào đổ. Tiếng chàng cười hồn nhiên rồi nói:

– Đúng, cô nào cũng “mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười” cả!

Chiếc ảnh truyền nhanh đến tay mọi người, trong khi chàng giải thích:

– Tấm ảnh kỷ niệm ngày sắp thi sát hạch cuối năm thứ tư đó. Mấy tên đó ở chung buồng tại Đại học xá với tôi. Ôi chao! Trông thẳng nào thẳng nấy gây vêu vì học.

Tấm ảnh đến tay em sau cùng. Đó là tấm ảnh màu chụp bốn anh - trong số có chàng - cùng bạn pyjama trong phòng học. Chàng mặc pyjama trắng gấu viền chỉ xanh, mái tóc xõa, và khu-

ôn mặt có gầy hơn ngày nay đôi chút. Khi em ngừng lên trao trả bức ảnh, không biết vô tình hay hữu ý, chàng nhìn em giây lâu, miệng như có mím cười rồi mới sang bên kia đường, vào nhà bán cây.

Mưa đã tạnh hoàn toàn, ánh nắng le lói làm xe hấp nóng. Trên đường trường các xe lớn nhỏ đủ cỡ qua lại vun vút để lại chút bụi cuốn và mùi xăng say nồng. Mùa xuân như lên men trong lòng em, chẳng biết có lên trong lòng chàng?

Chàng say mê với nghề chàng chọn y như anh Đạm. Với anh Đạm ngày xưa, em kính mến vì là bậc đàn anh của ông anh cả mình; với chàng ngày nay không quá xa em về tuổi tác, chỉ hơn em năm tuổi là cùng, có lẽ em cũng kính mến như đã kính mến anh Đạm, nhưng em cảm thấy chàng như một trái chín vừa tầm em với. Em không dám tự kiểm soát rõ ý nghĩ hơn để khỏi ngượng ngùng mà thấy rằng em đã mơ chuyện lứa đôi với chàng từ lúc đó. Tiếng máy phóng thanh gần đấy hát bài gì quen quen. À phải, em nhớ ra rồi, bài hát ru “Le loup et la biche” (Con sói và con

hương cái) mà ngày xưa anh Đạm vẫn hát làm vui cho em. Làm sao mà bài hát ru này chuyển sang lời Việt lại thành bản tình ca? Lời ca rằng:

Đời người là một kiếp sầu,

Thương yêu nhau quên hết sầu đau...

Lời yêu đương phổ vào vài hát ru cũ, nên khúc tình ca thoát thai từ đó cũng nhuộm màu sắc nhẹ nhàng đơn giản và cảm động. Khi chàng mang cây ra xe thì Hùng, Thi và hai chị bạn em đương nói đến chuyện Elizabeth Taylor thành góa bụa vì chồng vừa bị nạn máy bay và chuyện vị quốc vương trẻ Ba Tư buộc lòng phải ly dị nàng Soraya vì nàng không có con.

Chàng làm bộ ôm đầu thở dài rất náo nuột:

– Ồi chao, một tháng có tới hai người đẹp đau khổ thì mình vui sao được!

Thế là câu chuyện bắt đầu vui cùng với xe bắt đầu chạy. Điệp khúc bản tình ca còn kịp đuổi theo nhẩn nhủ em một lần cuối:

Đời người là một kiếp sầu,

Thương yêu nhau quên hết sầu đau...

IV.

Khi mọi người bắt đầu rẽ theo đường đất nhỏ vào trại, chàng lại giải thích:

– Xin các chị chờ tưởng trại này đã là của tôi. Nguyên vùng này trước là của nhà binh Pháp mua để dự định lập Trung tâm huấn luyện cho quân đội Việt Nam. Nhưng sau Hiệp định Genève, chính phủ miền Nam tự do đòi quân đội viễn chinh phải rút lui hết. Khoảng đất nhỏ 22.500 mét vuông này tôi sang lại của chủ cũ, còn đợi ngày chính phủ cho nhân viên địa chính tới đo và bắt đóng thuế lúc đó mới thiệt hẳn là của mình.

Hiện có một gia đình nghèo tới ở trại, chàng để họ được toàn quyền hưởng lợi về chăn nuôi hoặc hoa màu do chính họ xuất vốn hoặc khai phá, hàng tháng chàng cấp cho họ thêm 1.500 đồng trả công trông coi trại.

Trại là khu đất vuông mỗi chiều 150 mét có hàng rào dây thép gai vây quanh; chính giữa là một căn nhà vuông khá rộng, tường bằng ván, mái lợp lá dừa nước. Mùi đất mới xới, mùi cỏ mục, mùi phân hòa lẫn thành một mùi đặc biệt quyến rũ của cuộc sống khỏe mạnh nơi trang trại. Mọi người theo chàng đem hai cây mới mua tới hố đào sẵn hạ thổ; một cây măng cụt và một cây măng cầu xiêm. Các cây ăn quả trồng thành bốn hàng.

Đã tới quá nửa trại được trồng như vậy. Rồi mọi người tản mát đi về cuối trại, riêng em vẫn đứng nguyên chỗ cũ bên chàng. Chàng chỉ cho em xem những lạch nước mới đào quanh trại, chiếc ao lớn mới đào sát cổng vào, màu nước khắp nơi đỏ như rỉ sắt vì còn nhiều chất phèn. Chàng trù tính dùng tro cây goòng bón đất trong một năm để khử phèn. Rồi đây nước sẽ trong, ao sẽ thả sen và thả cá.

Người cha của gia đình nghèo vừa đi đâu về thân mật tới chào chàng và em bằng hai tiếng “ông, bà”. Chàng vội vàng giới thiệu với ông rằng

34 | Doãn Quốc Sỹ

em là bạn học đến thăm trại. Chúng em vào thăm đứa con trai lớn của ông, mười hai tuổi bị nhức đầu. Chàng lấy thuốc Aspirine, rồi cả chàng lẫn người cha phải vừa ngọt vừa xăng mới khiến được thẳng bé uống.

Chàng quay lại lắc đầu nói với em:

– Thường thường cái anh con trưởng bao giờ cũng ngốc nghếch như vậy, chính tôi cũng là con trưởng đấy chị ạ, lắm khi mình tự nhận thấy mình có ngốc nghếch thế nào ấy.

Em chỉ biết thốt lên:

– Trời, anh mà ngốc nghếch!

Em tiếp tục theo chàng ra sân, chàng chỉ cho em chỗ đất cao mà chàng dự định làm nền bếp. Chúng em ngắt bốn hàng những xoài, ổi, roi, cam, măng cầu, măng cụt... chàng mới trồng. Em nhìn cao trên vai chàng một chút... Em nghiêng đầu ngắt những luống đất màu đã gieo ngô, em trù mẩn nhìn luống sắn đã cao được gang tay, những lá non xanh mướt, cuống lá màu đỏ, toàn

thể luống sản non mềm rung rinh một cách thơ ngây theo gió. Tình em quý chàng cũng vậy.

Em cố xua đuổi mà không được ý nghĩ sẽ là vợ chàng, rồi em có những đứa con xinh, em may cho chúng thứ quần áo trắng có viền chỉ màu xanh, y như bộ py-jama chàng mặc chụp trong ảnh mà em được xem khi nãy. (Ngày đó chắc là những hàng cam, măng cầu, măng cụt... đã lớn.) Chúng đẹp như em, thông minh như chàng, đuổi nhau dưới hàng cây đó. Chàng hẳn nhìn em sung sướng. Em có làm gì khiến chàng phải phật ý đâu?!

Nền trời cao xanh thẳm, bên dưới mây trắng trải loăng tung đột thành vẩy tê tê. Một chiếc phi cơ bốn máy bơm giữa khoảng đó, thanh thoi như con cá no mồi. Chẳng biết những người ngồi trên ấy nhìn xuống có thấy em với chàng đứng bên nhau gần mấy gốc chuối với tiếng những lá khô sột soạt theo gió?

Em nhớ lại một câu vè thuở xưa:

Sột soạt như lá chuối khô,

Đồn rằng xóm chợ có cô chưa chồng.

Mọi người đã từ cuối trại tới, ai nấy tìm một ghế gấp ngồi dưới hàng hiên. Thi chạy qua đầu hiên bên kia xách lẵng hoa quả lại gọt gọt cắt cắt... Chiếc radio chạy bằng pin phát thanh tin tức quốc tế. Không khí đông người vui nhộn một cách đáng tiếc nhưng rồi em nghe cũng quen... Tiếng chàng xen với tiếng mọi người... Chàng phân phát hoa quả cho từng người và tuyên bố là theo ý chàng con gái Việt Nam có hai điều đẹp nhất: lúc khóc và lúc ăn quà. Lúc khóc người con gái Việt thường quay đi sợ làm đau khổ người khác, đó là cái đẹp tinh thần; lúc ăn quà người con gái Việt thường hết sức nhỏ nhẹ, đó là cái đẹp thể chất. Cái đẹp thứ nhất lẽ cố nhiên chàng rất khó có dịp gặp, giờ đây chàng đành chiêm ngưỡng cái đẹp thứ hai vậy.

Thi nói đùa:

– Thì bây giờ anh đi tìm cô nào ưng ý rồi bảo người ta khóc cho mà lau nước mắt.

– Đồng ý. - Chàng đáp - Tôi vẫn cho là phái mạnh chúng tôi bao giờ cũng thô lỗ cục cằn so với phái đẹp các chị, duy có một cử chỉ khiến sự hiện diện của người đàn ông trên cõi đời này còn đáng kể ấy chính là - nói ra khi xấu hổ - cái cử chỉ lau nước mắt cho người đẹp.

Thì cười lắc đầu:

– Thế thì xấu hổ thật!

Chàng hỏi Hùng:

– Chẳng hay Kim Trọng Hùng đã mấy lần lau nước mắt cho nàng Kiều Thi?

Thì vội đánh trống lảng:

– Thôi đi ông tướng, chờ lau nước mắt cho tôi thì anh Hùng thất nghiệp to.

Chàng mỉm cười với tay cầm ống nhòm đưa lên mắt rọi về phía xa. Thấy em nhìn theo, chàng trao ống nhòm cho rồi nói:

– Chị nhìn về phía bờ sông sẽ thấy rõ một rừng thấp, đó là những cây dừa nước, lá thường dùng để lợp nhà.

Bên rừng dừa em còn thấy những cây mầu đơn dại mọc theo bờ ruộng, hoa đỏ ối. Hạ ống nhòm xuống em thoáng thấy có những nụ cười ranh mãnh. Chàng không để ý nói tiếp:

– Chị trông xem có cánh bướm trắng tiến từ từ, thấp thoáng sau những lá dừa.

Em đưa ống nhòm lên nhìn chăm chú để khỏi lúng túng vì những nụ cười kia.

Tiếng chàng bên em:

– Trông cánh bướm khép nép như chiếc quạt xòe để che mặt mỹ nhân.

Tiếng nhạc ở radio đồn dập như gió đuổi. Em theo dõi cánh bướm. Em không trông thấy dòng nước nhưng một niềm vui băng khuâng tràn đến khiến em tưởng như có trông thấy hai bờ sông rộng, bãi cát trắng tinh.

Có thể nói chuyến đi chơi trại này đã đem lại cho em một cảm giác hoàn toàn đẹp. Kể ra thì em có thể trách chàng một điểm, đó là lúc chàng

đứng ở đầu hiên nói chuyện riêng với Hùng. Chẳng biết Hùng nói gì, chàng vui vẻ đáp rất khẽ:

– Con trai như con tàu khao khát đường thiên lý, mỗi hình bóng đẹp mình gặp là một nhà ga, có lẽ nhà ga nào cũng là một hình ảnh đẹp của nghỉ ngơi nhưng không vì thế mà con tàu quên đi để lại được dịp đỗ ở một nhà ga khác.

Nghe chàng nói như thế em đã muốn giận! Chàng tưởng nói khẽ em không nghe thấy, sự thực có điều nào chàng nói có thể nghe thấy được mà em bỏ qua đâu! Nhưng thôi chuyện khó chịu nhỏ đó em cũng chẳng nghĩ đến. Thường thường đàn ông họ vẫn chảnh mắng, kém tế nhị so với đàn bà về lời ăn tiếng nói như vậy, chị nhỉ?

Ở trại về xe qua nhà mình trước nhất. Xuống xe, em chào tất cả mọi người rồi vội vã đi vào như thế vì em về quá muộn, sự thật em muốn ỉn lấy trọn vẹn kỷ niệm tươi đẹp của cuộc đi chơi trại bất ngờ này.

Bây giờ trên xe vắng em, thế nào những người còn lại chẳng kiểm lời chế chàng.

Buổi tối em đi xem kịch với ba ở rạp Thống Nhất. Màn mở như mở ra cả một chân trời và khi màn buông xuống, màu nhung hồng như nhuộm hồng cả niềm vui của em. Chiều chủ nhật hôm sau em đưa hai em nhỏ đi xi-nê. Hồn em như thấm vào màu xanh của da trời của nước, của cây cỏ; màu đá cằn cỗi như bị từ chối và bị đẩy ra khỏi hồn em. Ở rạp xi-nê ra, tiếng phi cơ trên cao như tỏa rộng cùng ánh nắng chiều thành tiếng reo vui trùm lấy thành phố. Sớm thứ hai, trên đường đến Đại học, em say mê ngắm những hàng cây thẳng vút như những hàng cột bất tận của một thánh đường mệnh mông.

Cho đến ngày – cách đó một tuần sau – em đi dự tiệc cưới Hùng, Thi.

o O o

Tiệc trà ngày cưới Hùng, Thi vào hồi tám giờ rưỡi thứ Bảy, tổ chức tại Câu lạc bộ Sĩ quan đường Thành Thái Chợ Lớn, có khiêu vũ. Chàng nhận ra em và chào em trước, đồng thời Linh cũng tới

với một số chị bạn cùng lớp. Sau đó từng cá nhân cảm thấy bị chìm ngấm trong đám đông quan khách với những lời chào đón thăm hỏi khách sáo. Lúc bắt đầu khiêu vũ, em và một số các chị em không biết nhảy bảo nhau ngồi khuất một góc phòng.

Em giật mình thấy Linh tươi cười đi vào giữa đám người đang hướng về Linh đây về chào đón, trong số có chàng. Linh bỗng như quyến lấy chàng, hai người luôn luôn đối diện nhau. Linh vừa nói vừa làm điệu khi nhanh khi chậm, chàng cũng vậy, thỉnh thoảng cả bọn cười rộ. Em không thể ngồi yên chỗ cũ, em làm bộ lững thững dọc theo bàn tiệc đi về phía đó. Em bắt được câu cuối cùng chàng nói:

– Yêu Hà Nội, tôi yêu cả cái hay lẫn cái dở của Hà Nội. Hơn thế tôi còn ớn những cái xấu bởi tôi biết chính vì những cái xấu đó mà Hà Nội thêm đẹp.

Linh ý chừng nói tiếp câu chuyện dang dở:

– Nhưng Paris quả có một linh hồn, có một

trái tim, ai đã biết Paris, khi xa, lòng không khỏi vương vấn mãi.

À ra mọi người đương bàn về các thủ đô.
Chàng cười hỏi tiếp ngay:

– Còn chị, hiển nhiên là chỉ có một linh hồn và có một trái tim rung động dễ thương gấp bội, chẳng hay đã khiến ai xa mà lòng còn vương vấn mãi chưa?

Linh đáp chẳng hề luống cuống:

– Điều đó chắc chỉ người nào đó hiểu thâm thôi, tôi làm sao biết được?

Khoảng phòng hơi tối, Linh bật nốt mấy ống đèn nê-ông. Một người reo:

– A... Cám ơn chị Linh cho ánh sáng!

Chàng nói:

– Chính chị là ánh sáng rồi, hà tất phải cho thêm ánh sáng làm gì!

Rồi hẳn đã biết Linh học ban gì, chàng vừa nhúu lông mày vừa tìm cách dịch dần câu đó sang

Anh vẫn.

You're light itself... What's the use... in having... anymore of it.

Linh nghiêng đầu rất tinh nghịch cảm ơn một câu bằng tiếng Anh trơn tru.

Hai người đó gặp nhau chẳng ai cần phải gọi chuyện ai!

Âm nhạc nổi lên. Từng cặp mời nhau xuống piste.

Chàng với Linh thành một cặp.

Em biết em đẹp nhất trong đám chị ạ, em đẹp hơn cả Linh nhưng em

thua Linh mất rồi. Với đàn ông, chỉ đẹp thôi không đủ! Em không bao giờ dám trách Linh lẳng lơ, thường thường Linh hồn nhiên như vậy nhưng trong trường hợp này sự hồn nhiên đó có hại cho em và đã đem ưu thế về cho Linh. Em ngồi xuống một chiếc ghế thấp để tiện theo dõi hai người.

Đã có một số không biết nhảy lác đác ra về. Dứt bản nhạc, chàng và Linh còn quay giỡn thêm một vòng ở giữa piste.

Chàng cúi xuống nói gì với Linh, em thấy Linh cười rất tươi - bao giờ nụ cười của Linh cũng tươi - rồi gật đầu. Hai người đi về phía cửa lớn. Chàng dừng lại trước bàn hoa quả nhắc lên một chùm nho trao cho Linh, chàng cầm thêm hai trái táo lớn vừa toan rảo bước thì lũ bạn cũ ủa tới xúm quanh. Hình như họ chế gì thì phải, em thấy Linh cười chao chát, chạy lại tắt mấy ống nê-ông mà khi nãy Linh bật sáng, rồi nói khá lớn khiến chỗ em ngồi cũng nghe rõ: “Đã thế tôi đòi lại ánh sáng!” Thế là hai người đi vút ra cửa, tiếng hò la của các bạn đuổi theo.

Em như mất hồn đứng lên và cũng tiến ra cửa. Em còn dừng lại tì tay ở cột hiên chờ cho chàng và Linh ra tới xe. Linh nói gì... Chàng nhường Linh cầm lái. Chiếc xe chuyển động rồi bon bon chui vào hàng cây thẳng tắp của con đường đi ra ngoài châu thành.

Em ngẩng nhìn trời. Trăng rằm đã lên cao nên càng nhỏ bé, càng u sầu như cô bé lạc đường giữa rừng mây. Cứ như vậy... cứ như vậy... Khi ngẩng lên cao nhìn trăng, khi cúi xuống nhìn bước chân lững thững, em như mang nỗi niềm chua xót mông mênh của mình đi vào một nỗi niềm trống trải mênh mông hơn của vũ trụ.

Chàng đưa cho Linh chùm nho... Chùm nho thường tượng trưng tình yêu của người đàn ông. Chùm nho đôi khi mất cắp vài quả nhưng người đàn bà không để ý đến vì nếu chỉ mất đi vài quả, chùm nho vẫn như còn nguyên. Em mất cả chùm nho chị ạ, em mất chàng... em mất chàng. Chẳng cần phải tưởng tượng em cũng biết rõ hai người cho xe chạy dưới trăng, hai bên đường mờ mờ đồng ruộng. Tới một quãng nào đó, chàng hẳn bảo Linh cho xe dừng trên bờ cỏ... Hai người đó chẳng ai phải gọi chuyện? Họ có biết bao chuyện làm vui nhau. Trái táo xanh, chùm nho đỏ mọng... Họ nhìn mà là ăn, nhưng lúc ăn chưa chắc họ đã nhớ ra vị của từng thứ vì họ còn mãi cười đón lời nhau.

Em, em của chị. Một con bé hiền lành đáng thương. Kể từ ngày lên chức Thanh tra Học chính, trong bao năm em chỉ biết ba đổi đến đâu thì cùng với mẹ và các em theo đến đấy. Hồi ba ở Huế, vào những chiều đẹp trời em thường thơ thẩn dọc theo quãng Phú Văn Lâu vừa ngắm dòng sông Hương êm rộng vừa nhâm ôn bài hoặc nghĩ vợ vắn. Sau ngày em đỗ Trung học đệ nhất cấp, ba đổi đi Đà Lạt. em tiếp tục theo Trung học đệ nhị cấp. Ở Đà Lạt em từng đã lẳng lẳng trồng hoa Dahlia là thứ hoa em thích trồng; thường lẳng bẻ cành Oeillet cắm vào bình ở buồng học, thứ hoa em ưa cả hương lẫn sắc; thường lẳng lẳng ngắt những bông pensées đẹp nhất, màu lạ nhất ướp vào sách, thứ hoa rất xinh, rất thơ mộng mà em ưa nhìn rất gần.

Có vụ hè ba cho em xuống Nha Trang đổi không khí, ở đấy em chỉ chọn những lúc bãi biển vắng người để đi dạo theo và nhìn những vết chân còn in rõ trên nền cát ẩm. Em vừa đỗ xong Tú tài phần hai thì ba xuống Sài Gòn. Ở đây, mỗi khi đi tới đường phố nào có lẽ cỏ, em thường chú ý em khóm trinh nữ lá xanh hoa tím: khi tìm thấy, em

vui mừng như bắt được bạn hiền rồi cúi xuống dùng tay - không bao giờ em dùng chân - tình nghịch chạm khẽ để được thấy các cành xanh e lệ sụp lại. Rồi ghi tên vào Đại học Văn khoa... rồi gặp chàng... rồi đêm dự trà vũ mừng cặp Hùng, Thi. Em chị như vậy mà Linh như vậy... Em thật mất chàng!

Trái táo xanh, chùm nho đỏ mọng... Họ nhìn mà là ăn, nhưng lúc ăn chưa chắc họ đã nhớ ra hương vị của từng thứ...

Chẳng biết chỗ cỏ vệ đường nào họ ngồi bên nhau, ánh trăng nào động nơi đó, ngọn gió nào khiến giọng nói câu cười của chàng và Linh quyện lại với nhau rồi vang ra xa chút ít?

VI.

Em cam chịu nhẫn nại đợi ngày nhận thiệp báo hỉ và đi phù dâu Linh? Có lẽ nào? Em chưa hề một phút quên là em đẹp hơn Linh. Tới trường cũng chẳng muốn tìm gặp Linh nữa. Buổi tối hôm đó em không ngồi bàn học, em ngồi trước radio đón nghe một chương trình ca nhạc, lòng nhủ lòng nếu gặp lại bản tình ca ngày nào trên đường đi trại, ấy là điểm em chiếm lại chàng.

Em chiếm lại bằng cách nào nhỉ? Chàng hốt hoảng nhớ lại em đẹp hơn Linh và đến tận trường em em? Nếu không... em biết nhà chàng, em sợ gì mà không đi qua nhà chàng, chỉ đi qua thôi! Nhưng... bản tình ca không gặp! Có tiếng giới thiệu kết thúc chương trình ca nhạc là bản Moulin rouge. Điệu nhạc ngậm ngùi nỉ non tựa hồ

mình kể lể với mình, buồn như cảnh hai người yêu phải xa nhau và càng xa nhau càng yêu nhau nhiều, càng yêu nhau mãi. Vừa đúng một tuần qua, sau ngày lễ cưới Hùng, Thi, buổi chiều thứ bảy hôm đó em thoáng thấy chàng từ một tiệm trà đường Tự Do ra. Chàng thoát dừng lại ngoài vỉa hè dáng như ngơ ngác khiến em động lòng rồi vô tình đi về phía em. Chẳng hiểu sức mạnh huyền bí nào đẩy em đi ngược chiều để gặp chàng mà không xuôi chiều như chính ra em phải đi. Nhưng chỉ đi được vài bước thì em lúng túng... em lúng túng quá... cho đến lúc chàng tới. Cũng may chàng ngẩng đầu nhận ra em ngay.

– Kia chị Huyền.

Em dừng lại - em chỉ đợi có vậy - và chào chàng.

– Chị đi đâu lên đây thế?

Giọng chàng hỏi thực trang nhã và ân cần. Nhưng chỉ trang nhã và ân cần thế đâu có đủ với em? Em đáp:

50 | Doãn Quốc Sỹ

– Tôi lên đây tìm mua mấy thứ nhưng không có anh ạ.

– Bây giờ chị về chứ?

– Dạ.

– Để tôi đưa chị về, xe tôi ở trước Tòa Thị sảnh, như vậy có tiện không ạ?

Biết nói thế nào? Em đáp liêu:

– Dạ.

– Xin mời chị quay lại với tôi.

Em quay lại đi bên chàng dập dìu như một vật gì bình bông từ ngoài khơi đương bị các lớp sóng tuần tự xô dần vào bờ.

– Tiệc cưới Hùng, Thi hôm nọ, chị nghĩ sao?
- Chàng hỏi.

Em quên sao được tiệc cưới đó và em biết nói gì bây giờ? Em yên lặng.

Chàng tiếp:

– Vui đấy chứ chị?

Vui với chàng, đâu với em! Tuy nhiên em cũng đáp:

– Dạ vui!

Suy nghĩ một chút chàng hỏi (nghe chàng hỏi mà em lạnh người):

– Chị biết chị Linh?

– Dạ chị Linh là bạn thân với tôi từ thuở nhỏ.

– Chị Linh cũng học Văn khoa?

– Vâng, hết niên học này chị ra Cử nhân giáo khoa Anh văn. Trước đây chị đã sang Mỹ gần bảy tháng.

Em đã vào trong xe ngồi bên chàng. Khi xe bắt đầu chạy chàng hỏi:

– Tôi cũng nghe nói vậy, nhưng sao chỉ có gần bảy tháng?

– Dạ vì đấy chỉ là lớp tu nghiệp. Chị Linh cùng các bạn đồng khóa thoát đến Austin theo

52 | Doãn Quốc Sỹ

học ở University of Texas ba tháng, rồi đi tiểu bang khác, hình như Rhode Island thì phải, để thăm các trường cùng quan sát cách thức dạy và công việc tổ chức lớp học của từng địa phương. Tuần lễ cuối cùng mọi người về Washington họp bàn tại cơ quan giáo dục nêu những nhận xét của mình và làm tờ trình.

Em chợt mỉm cười, khuôn mặt em chắc cũng vụt sáng và em tiếp:

– Sau đó mọi người được mười lăm ngày tự do, chị Linh dời Washington trên bờ Đại Tây Dương, ngày đêm lái xe vượt theo hướng Tây tới California trên bờ Thái Bình Dương để gặp anh Huy.

Chàng hỏi:

– Anh Huy nào thế chị?

– Anh Huy người yêu của chị Linh - em đáp bằng một giọng rất bình thản - anh Huy học ở trường Caltech tức California Institute of Technology.

– Một trường kỹ thuật?

– Vâng, anh Huy học về kỹ thuật hàng không và chuyên về phản lực cơ thì phải.

Em thấy chàng lái quanh sang lối khác vắng hơn nhưng đường về vì vậy xa hơn nhiều, rồi hỏi:

– Như vậy chị Linh phải thuê xe?

– Không Linh học kinh nghiệm của các bạn đã từng ở Mỹ về, sang tới đó chị xin thi lấy bằng lái xe khác có giá trị quốc tế rồi mua lại một chiếc Chevrolet du lịch cũ có ba trăm đô-la - gọi là cũ nhưng thực ra còn tốt chán. Rồi trong những khoảng thời gian ở Austin thủ phủ xứ Texas, hoặc khi sang tiểu bang Rhode Island, hoặc khi về Washington, hễ có thì giờ rảnh là chị kéo một lô bạn lên xe đi xem thành phố, rồi ra ngoại vi châu thành. Vào những ngày nghỉ cuối tuần chị tổ chức đi thăm các danh lam thắng cảnh ngay tiểu bang chị ở, hoặc các tiểu bang lân cận. Chị nói những bản đồ chỉ dẫn bán cho khách du lịch của họ rõ ràng lắm không thể lạc đường được.

Chàng đã cho xe chạy sang hướng khác tự lúc nào. Em làm như không chú ý và coi nó là một cuộc ngẫu nhiên đi chơi quanh thành phố. Chàng hỏi:

– Khi rời Washington đi California chắc chị Linh đi một mình ?

Em mỉm cười - chàng không biết - và đáp:

– Vâng, chị đi một mình. Ngày đi đêm nghỉ, có khi đi thêm một phần nửa đêm hôm trước, hoặc dậy sớm đi từ nửa đêm về sáng hôm sau, cứ như vậy xe chạy sáu ngày liền mới tới California. Chị đã vượt hơn ba ngàn dặm qua nhiều tiểu bang Kentucky, Missouri, Kansas, Colorado...

Em không quên kể một vài chi tiết mà em còn nhớ như có lần đêm khuya đường vắng tưởng không ai kiểm soát, Linh dận hết ga cho xe chạy vun vút nuốt đường thiên lý, lập tức có mô-tô của Cảnh sát công lộ rượt theo bắt dừng lại. Vì thấy Linh là phụ nữ, hơn nữa phụ nữ ngoại quốc nên họ không biên phạt, chỉ nhắc lại cho Linh hay dù đường vắng Linh cũng không nên cho tốc

lực vượt mức tối đa hạn định. Khi xe Linh qua miền núi các tiểu bang Colorado, Utah và Nevada ban đêm, thỉnh thoảng ánh pha rọi vào tấm biển có chữ ‘DIP’ báo trước một quãng đường lòng chảo. Linh khẽ dận chân phanh, xe lao xuống rồi chồm lên ngay với ánh đèn vút chéo như ánh mắt một con vật bất kham trong khi toàn lò xo xe nhún nhảy hết mức. Chị ạ, tự nhiên trí em vụt sáng, em kể thật hấp dẫn, lúc đó chưa chắc tài kể chuyện của Linh đã ăn đứt em. Tại sao thế chị nhỉ? Chị cũng đừng hỏi tại sao các chi tiết tuần tự đến đầy đủ và linh động như vậy; những gì Linh kể một lần, những gì Linh kể nhiều lần, em cũng không rõ, chỉ biết lúc đó em y hệt một học sinh đọc xong đề thi rồi vận dụng hết khả năng ký ức để tự so sánh mà lượm lấy mọi tình tiết cần thiết. Em tiếp tục kể chuyện hai người gặp nhau ở Caltech, cùng nhau đi Los Angeles qua Hollywood. Tiện dịp nghỉ cuối tuần, Huy đưa Linh đi xuống một thành phố nhỏ miền Nam: El Paso, rồi qua cầu biên giới sang thành phố Juarez của Mỹ Tây Cơ; ở đây vì thấy cuộc sống hỗn độn, nhất là bầu không khí ăn chơi phóng túng quá lộ liễu

56 | Doãn Quốc Sỹ

nên Linh đòi về ngay. Vì kíp ngày Linh không thể cùng Huy trở lại California, hai người chia tay ở El Paso, Huy lên xe hỏa. Tới Washington gửi bán xe xong, Linh còn được nghỉ một ngày mới lên máy bay đi Paris và ở lại đó hai tuần trước khi về nước.

Suốt câu chuyện chàng chỉ lẳng lặng nghe, thỉnh thoảng khẽ gật gù nhưng không hỏi lại một câu nào. Những lúc em ngừng nói chỉ còn thấy tiếng máy chạy đều đều, tới khi em kết thúc câu chuyện chàng mới thốt ra câu: “Chị Linh lái xe giỏi thật!” rồi cho xe theo đường gần nhất đưa em về nhà.

Chị ạ, sự thực em thuật lại y hệt lời Linh nhưng cố tình không kể đoạn cuối là năm tháng sau Linh nhận được thư Huy báo còn tiếp tục học ở Caltech chưa biết bao giờ về. Biết ý, Linh coi cuộc tình duyên đến đây là hết. Dạo đó nghe Linh thuật xong em có hỏi sao Linh không viết thư chất vấn cho tường tận. Linh cười hơi đượm vẻ chua chát và đáp:

– Hỏi lại làm gì hở Huyền? Tình yêu như hương của hoa không phải là thứ đi ăn xin mà có. Trong tình yêu một bên thiếu tự trọng thì cả mối tình đó chỉ còn là một thứ hoa hữu sắc vô hương chẳng còn gì cao quý nữa. Có thể còn lâu Huy mới về nước thật, nhưng điều chắc chắn là Huy đã có người yêu khác rồi. Hỏi mà làm gì, Huyền?

Thái độ của Linh thật cao đẹp, càng về sau này em càng thán phục thái độ đó, nhưng giờ đây ngồi bên chàng em tạm xóa nhòa hình ảnh Linh trong trí. Xe đã dừng hẳn trước nhà, em mở cửa bước ra tay còn vịn vào thành kính để cúi xuống nói với chàng.

Em nói:

– Rất cảm ơn anh đã đưa về. Hôm nay quá muộn mất rồi chắc anh không còn thì giờ rồi, hôm nào thông thả mời anh lại chơi.

Mọi khi nghe nói vậy thế nào chàng chẳng đáp đùa vài lời nhưng lần này trái lại chàng cũng khách sáo như mọi người, tâm trí chàng hẳn còn bị hút vào những tình tiết em vừa kể.

Em buông tay khỏi thành xe nhưng cúi xuống nhắc một lần nữa:

– Gặp dịp thông thả thế nào cũng mời anh lại chơi. Ba mẹ tôi bao giờ cũng rất quý các bạn bè của con cái.

Rồi em lùi lên vỉa hè mỉm cười đứng nguyên chờ cho xe chàng đi. Em không vội vã vào ngay như lần trước, em cần để chàng ngắm em, ngắm riêng em lúc này vào đúng giây phút chàng tương đối điềm tĩnh hơn cả, chàng sẽ thấy riêng em đẹp hơn Linh chứ.

Quả nhiên chàng chú ý nhìn em lâu... Đến lượt chàng mỉm cười chào em lần cuối.

Xe ra đi. Bịn rịn.

VII.

Em mang máng biết rằng mình bắt đầu có ưu thế nhưng em không ngờ ưu thế sớm được cụ thể hóa: Ngay chiều hôm sau, em mặc áo cánh vô tình ngồi quay lưng ra cửa đường chăm chú mở tập báo tranh ảnh thì có tiếng đập khê trên cửa sắt gấp. Quay lại em nhận ra chàng và chiếc xe của chàng đỗ bên kia đường. Vài lời xã giao thường lệ trao đổi trong khi em vội vàng lúng túng mở cửa sắt. Khi đã bước vào, chàng vừa giúp em đóng cửa sắt lại, vừa mỉm cười hóm hỉnh giây lâu mới nói:

– Khi đóng cửa sắt tôi có cảm tưởng đóng một lồng chim.

Em cười tiếp:

– Anh nói đúng, nhà tôi đứng ở ngoài trông như một lồng chim vuông thật là vuông.

Chàng hơi cúi xuống.

– Trong đó nhốt một con chim xinh!

Em không dám nhìn chàng chỉ chớp mắt và cúi xuống thấp hơn.

Chàng tiếp:

– Điều lý thú là trong khi đóng lồng chim lại tôi đã tự ý nhốt thêm cả mình vào nữa.

Không ngờ chàng bước xa thế! Em vẫn im lặng nhưng ngược mắt nhìn chàng hơi mỉm cười để tỏ rằng em không hề phật ý. Em chưa kịp mời, chàng đã ngồi xuống, tay khẽ nâng một bông hồng hơi ngả ở bình hoa. Chắc là mãi đến dịp nói chuyện này chàng mới biết trên em còn người anh cả đã ra bác sĩ từ lâu hiện ở Đà Lạt, còn chị hiện theo chồng ở Cần Thơ, dưới em còn hai em nhỏ một trai, một gái sắp đi học về. Chàng rất tiếc lần này đến thăm nhà mẹ lại đi vắng và ba lại đi thanh tra các trường Trung học lục tỉnh ít nhất hai tuần nữa mới về. (Sự thực mẹ lúc đó ở trong nhà, em biết tính mẹ ít thích tiếp người lạ nên phải nói là người đi vắng.)

Nói chuyện được một lúc khá lâu, chàng đứng dậy thân mật đi quanh phòng khách ngắm tủ sách, ngắm bức sơn dầu của họa sĩ Duy. Chàng dừng lại bên cửa sổ kéo tấm màn xanh và reo khế:

– Trời, khu vườn xinh chưa kìa?

Em cũng nói rất thích khu vườn đó bởi lẽ gần dị khu vườn ở ngay sát cửa sổ nên chẳng khác gì khu vườn của nhà.

Chàng khen cây hoa ngâu lá nhỏ, khen cây roi còn thấp như vậy mà đã sai quả, khen luống hoa hồng, khen giậu bìm bìm có những bông hoa tím, màu tím mà chàng rất ưa... Chàng bỗng kết luận:

– Thực ra khu vườn tự nó cũng chẳng có giá trị, khu vườn sở dĩ đẹp vì ở ngay bên nhà người đẹp.

Em táo bạo nhìn chàng rồi mới cúi xuống mỉm cười vì em nghĩ chàng quả là con cá đã cắn câu và đương tưng bừng lôi miết chiếc phao trên mặt hồ xôn xao gợn sóng.

Chàng xin phép em ra về. Sự thực em cũng muốn chàng ra về. Tâm hồn em yếu đuối lắm, hạnh phúc ủa dồn dập làm em hết hoảng. Em còn đương mãi suy nghĩ như vậy thì đã tiễn chàng tới cửa. Chàng dừng lại và nói khế câu sau cùng:

– Một trong những bốn phận cao quý của người đàn bà là đẹp dịu dàng, tôi chưa thấy ai làm đủ bốn phận đó bằng... Huyền.

Em mím miệng giữ nụ cười, lắc đầu nhưng không nói.

Em quay vào ngay, không nhìn theo chàng nữa.

Chị nhĩ nếu hôm trước em không gặp chàng từ tiệm trà đường Tự Do ra, nếu trong lúc đưa em về chàng không hỏi về Linh thì chắc chẳng bao giờ tự nhiên em nói về Linh và như vậy chắc chắn em mất chàng vĩnh viễn. Đó là do ngẫu nhiên có lẽ với Linh thì đúng! Hay do một run rủi tiền định, trời thương em hiển lành? Có lẽ với em, em nên nghĩ thế thì hơn chị nhĩ.

Tuy em luôn luôn tự nhủ em được quyền

chiếm hữu chàng vì em gặp chàng trước tiên, nhưng dầu sao em vẫn thấy là mình có lỗi với Linh. Em đã kém thắng thắn trong cuộc tranh chấp này. Em không thêm ra, cũng không bố trí lại thứ tự câu chuyện mà Linh đã tâm sự nhiều lần với em, nhưng em đã khôn ngoan - có thể gọi là khôn ngoan được không? - ngừng lại vào lúc rất nên ngừng để kịp thời dập ngay ngọn lửa yêu đương chàng mới nhóm với Linh, và khi xuống xe - bản tính thật hiền lành mà sao chỗ này em đã khôn ngoan đến tuyệt luân, đời người chỉ cần một lần khôn ngoan đúng lúc như vậy đủ nắm vững hạnh phúc chị ạ - em đã đứng nguyên chỗ cũ để hình ảnh duy nhất của em đi thẳng vào tim chàng, cho tới lúc xe chàng bịn rịn chuyển bánh. Ngọn lửa Linh vừa tắt, ngọn lửa em nhóm ngay, hơi ấm còn lại trong tim chàng về Linh chỉ khiến ngọn lửa mới về em càng chóng nồng đượm.

Nay ưu thế đã thực tế chênh hẳn về em, hồi tâm nghĩ lại em thấy rằng có lẽ mình đã hèn, có thể là hèn lắm chứ? Điều đáng quý ở Linh là tuy đã từng đau đớn vì bị người tình phụ nhưng khi nhìn đời, giao thiệp với đời Linh không hẹp hòi

nhuộm cả vạm sự qua màu sắc mỗi tình vỡ lở của mình. Trong thâm tâm, Linh buồn thành thực, nhưng bề ngoài Linh cũng vui thành thực, buồn vui lẫn lộn cùng thành thực như nhau và có lẽ vì giữ kín cái buồn bên trong nên vẻ vui bên ngoài càng quyến rũ với một mãnh lực khó tả. Thực hiếm có một tâm hồn phức tạp một cách đáng yêu như Linh, người bạn của em, người bạn tự thời thơ ấu, người bạn mà khi xa nhau em đã nằm quay vào tường nhắm mắt lại để thấy rằng mình cô đơn rồi khóc òa trên vai mẹ. Và về phần Linh, Linh đã úp mặt vào thành ghế tẩm tức khóc suốt từ Hà Nội vào Thanh Hóa. Nhưng rồi em nghĩ xuê xoa, em tự nhắc thầm một lần nữa. Em đã gặp chàng đầu tiên, em gặp chàng trước Linh. Và với sắc đẹp của Linh, với vẻ quyến rũ của Linh, lúc nào bên lề cuộc đời Linh chẳng thường trực có biết bao kẻ xô tới quỳ dâng hạnh phúc. Quỳ dâng hạnh phúc! Phải hạnh phúc! Ở mà đã chắc đâu em nắm được hạnh phúc? Hãy tưởng tượng từ biệt em xong ra khỏi đầu phố chàng gặp Linh. Đã từng ân cần lịch thiệp với em, ai cấm chàng không sẵn sàng ân cần lịch thiệp với người khác,

nhất người khác đó lại là Linh? Chàng dừng xe chào và mời Linh lên. Chị ơi, hai người đó mà lại ngồi bên nhau có ai cần phải gọi chuyện ai đâu! Họ giống lời, họ giống chữ, kẻ này tung, người kia hứng, cách họ nói chuyện lão luyện như đùa. Ai cấm họ dừng xe trước cửa hiệu hoa quả? Lại những trái táo xanh mịn, những chùm nho đỏ mọng. Nếu ưu thế đã dễ dàng được thì ưu thế cũng dễ dàng mất. Có gì bảo đảm cho em chiều nay chàng không gặp Linh? Có gì bảo đảm cho em mai hoặc một chàng không gặp Linh? Có gì bảo đảm chàng sẽ trở lại thăm em một ngày gần nhất? Em đã bắt được hạnh phúc đâu? Chưa, em chưa bắt được hạnh phúc chị ạ.

VIII.

Em chưa bắt được hạnh phúc! Em chưa phải hối hận đã kém thắng thắn với Linh. Nếu hành động lại có lẽ em còn em thắng thắn hơn thế nữa.

“Con trai như con tàu khao khát đường thiên lý, mỗi hình bóng đẹp mình gặp là một nhà ga, có lẽ nhà ga nào cũng là một hình ảnh đẹp của nghỉ ngơi, nhưng không vì thế mà con tàu quên đi để lại được dịp đỗ ở một nhà ga khác.”

Em tưởng đã quên ngay lời nói đó, đến nay thì nó vang lên dần vạt hơn bao giờ hết. Em chưa bắt được hạnh phúc chị ạ.

Hai ngày bốn chồn qua đi... Ngày nào đến Đại học em cũng chú ý tìm gặp Linh, nhưng không gặp! Chẳng hiểu là chệch giờ hay Linh nghỉ vì có

hẹn với chàng. Trưa hôm đó ở trường về u già ra mở cửa cho em và nói:

– Có ông nào vừa lúc nãy tới hỏi cô rồi để danh thiếp lại.

Đó là tấm danh thiếp của chàng với mấy dòng chữ viết ngả (lần đầu tiên em đọc chữ chàng):

Chị Huyền,

Tôi tới thăm mà chị chưa về. Không sao, chiều nay xin lại đến. Hồi sáu giờ, chị Huyền nhé.

Thân.

Sáu giờ! Đúng giờ em phải có mặt tại nhà cậu Cả ở tận cuối đường Phan Đình Phùng, gần khu Bàn Cờ để tiếp khách, giúp cậu mợ trong dịp ăn hỏi chị Khang. (Me đã phải đến với cậu, mợ từ sáng sớm rồi.) Em sẽ đến muộn chút ít. Em được dịp trang điểm. Như vậy em vừa đẹp duyên rũ lên bội phần và vẫn kín đáo cho chàng hay em nhũn nhặn, chỉ trường hợp đích đáng em mới trang điểm như thế. Màu Bruyère N°58 em thoa lên má tự nhiên như chính màu má em ửng

hồng, nhưng màu Rose Camélia em tô lên môi tươi thật là tươi.

Quả nhiên chàng đến đúng giờ, em đã mặc áo dài, chiếc áo màu dịu dàng nhất của em. Em làm ra vẻ vội vã mở cửa... “lồng chim”. Vừa mở cửa em vừa nói lý do vì sao em ăn mặc tề chỉnh như thế, nhưng em khuyên chàng cứ ngồi chơi, bởi tới bảy giờ em mới có mặt ở nhà cậu mợ cũng vừa. Chàng bước vào... “lồng chim” để cùng em thành đôi uyên ương, chính tay em phải đóng cửa lại. Chàng đứng sững trước mặt em... Trời, lần này trông chàng đứng sững vậy em mới yên chí chị ạ, em thật yên chí là từ nay em không thể mất chàng nữa. Em quả có lỗi với Linh! Em quả đã không thẳng thắn trong cuộc tranh chấp này, mặc dầu Linh không hề biết một chút gì về chỗ em không thẳng thắn nhưng em cũng thầm cầu khẩn Linh tha lỗi cho em. Em xin lỗi Linh, em xin lỗi cả em nữa. Linh hãy nhường chàng cho em. Em sợ cô độc lắm rồi, em yếu đuối quá, mất chàng e rằng em sẽ cô độc vĩnh viễn mất.

Em mời chàng ngồi chàng mới ngồi. Em

chỉ cho chàng những bông hồng em mới thay ở bình vừa tắm tay chàng với. Chàng cười và ngắm theo. Em có cảm tưởng em làm chủ cuộc đàm thoại, lần này chính em là người dẫn dắt cuộc đàm thoại. Chúng em vẫn nói chuyện nhưng vờ lơ đãng nhìn về phía khác vì em biết chàng không hề rời mắt ngắm em. Rồi chàng đứng dậy đi về phía cửa sổ. Em biết chàng ra ngắm khu vườn bên kia. Chàng khẽ gạt tấm màn xanh, em tiến lại. Chàng nhìn sang, vẻ chăm chú đấy mà sự thực chàng nhận thấy gì đâu, em biết thế, chàng còn tâm địa nào mà nhận thức màu này sắc nọ! Chàng bỗng quay lại nhìn em, vẻ mặt trang trọng một cách vừa đau khổ vừa... buồn cười, rồi tiến vội lên nắm lấy tay em. Em hốt hoảng gỡ tay ra một cách yếu ớt, em nói, giọng bối rối lắm, em biết, nhưng không vì thế mà kém phần cương quyết. Em quên lời em nói rồi, nhưng đại ý em xin chàng đừng làm thế em sợ lắm, em không thể chiều chàng trừ khi chàng quyết định hỏi em làm vợ. Chàng đáp ngay bằng giọng hời hả rằng chính vì vậy mà chiều nay chàng đến báo với em là thứ Bảy tuần sau chú thím chàng sẽ đến hầu chuyện

70 | Doãn Quốc Sỹ

với ba mẹ, nhưng chàng cần hỏi ý kiến em trước. Chị có thấy không chàng chưa kịp hỏi, em đã lỡ nói mất rồi! Chàng ôm em, ôm chặt lắm. Giả sử chàng buông em ngay lúc ấy thì em chẳng thể đứng vững được. Chàng cúi xuống... chàng hôn em... Hình như em đã chờ phút này tự kiếp nào, tự bao nhiêu kiếp trước, xa lắm mà cũng gần lắm chị ạ. Em không chàng hôn em bao lâu - khoảng đó làm gì có thời gian mà đo? - chỉ biết khi mỗi chàng rời khỏi môi em, em đã đứng vững được mặc dầu em còn ở gọn trong tay chàng. Không những em đứng vững được em còn rất tỉnh táo để cười và nói khẽ: “Trời ơi, anh làm lột cả môi em.”

Chàng cũng đáp rất khẽ: “Nhưng tình chúng ta thăm lại!”

Bao giờ chàng cũng trả lời nhanh như vậy. Chàng buông em ra - làm sao chàng vội buông em ra?

– Anh về em nhé, - Tiếng chàng thoảng bên tai em.

– Sau cuộc gặp gỡ chiều thứ Bảy giữa chú thím và ba mẹ (chàng gọi ngay là ba mẹ cho gần gũi tự bây giờ, chị ạ) anh sẽ đến thăm em luôn và cùng em đi chơi phố.

Rồi chàng vội vã tự mở cửa, tự khép cửa, hấp tấp ra xe... (Em biết chính chàng cũng cảm động nhiều.)

Em đứng nguyên chỗ cũ. Không nằm trên giường mà sao như đương ngủ thấp thỏm, từng mảnh mộng đẹp toi tả như những cánh hoa rời chưa hóa thành bướm. Bức màn của chàng kéo để nhìn sang khu vườn bên kia còn lệch lạc. Một cành lá xanh rung động... một nhánh hồng thấp thoáng nghiêng... khu vườn càng đẹp khi nhìn qua màn cửa lệch lạc... hình như mái tóc em cũng xô lệch... hình như cả tâm hồn em cùng xô lệch... Giờ đây môi em còn bóng rẫy môi chàng...

Em thắng cuộc thật ư hờ chị?! Em thắng cuộc thật ư hờ chị?!

CĂN NHÀ HOANG

Tặng Mai Thảo

Chỉ còn ít ngày nữa tới ngày làm lễ cưới thì tôi giận Loan.

Giận ghê lắm! Ngày nay ôn lại chuyện cũ tôi cũng không nhớ vì sao đã giận Loan đến mức ấy. Cũng có thể là tại tôi đã cất lời khen say mê một cô bạn nào của Loan nên Loan vụng về trả thù lại bằng cách khen một chàng trai nào đi ngang đường là hào hoa phong nhã. Cũng có thể là tại Loan đã vô ý nhắc đến người con trai hàng xóm mê nàng tự thưở nàng mới mười lăm và nhân một dịp theo mẹ đi chùa Hương, anh chàng đã nhập bọn theo nàng suốt trên con đường từ Chùa Ngoài vào Chùa Trong tương tự trường hợp bài thơ “Đi Chùa Hương” của Nguyễn Nhược Pháp.

Cũng có thể tại Loan đã nhắc lại chuyện hồi nàng còn là nữ sinh nội trú trường Đồng Khánh, có anh chàng si tình yêu nàng đến nỗi đêm nào cũng vào mười hai giờ khuya là anh chàng tới đi đi lại lại mấy phút bên dưới khoảng cửa sổ phòng ngủ và thối sáo rất thiếu nhã bài Sérénata bất hủ.

Vì quá yêu Loan tôi chẳng muốn một hình bóng chàng trai nào còn sót lại trong trí Loan dù chỉ là những bóng qua rất mờ nhạt bên lề cuộc đời nàng.

Các bạn còn lạ gì trong thời gian yêu đương này đôi bên thường méch lòng vì những cơ rất sâu xa tế nhị như thế, sâu xa tế nhị đến nỗi nhiều khi cả đôi bên cùng ngỡ ngàng quên mất nguyên nhân chính mà chỉ còn biết thi nhau phát triển sự giận hờn để dẫn vạt nhau cho hả niềm yêu.

Trở lại chuyện tôi với Loan. Nguyên nhân lần giận nhau đặc biệt đó tôi quên rồi, nhưng cảm giác giận nhau tôi còn nhớ đến bây giờ và chắc chắn là nhớ đến hết đời. Đó là thứ cảm giác ghen ngào nơi cổ, không nuốt được thức ăn nhưng nuốt chửng đêm trường, càng giận càng

thấy người yêu mình đẹp, càng thấy người yêu đẹp càng giận hờn hơn nữa, để có dịp thử thách uy thế của mình cùng sắc đẹp đó. Và trong khi chờ cho tới lúc được dịp làm lạnh nhau thì mối hận tình kia quả hết như lời Nguyễn Du:

“Sầu dài dằng dặc bao giờ cho nguôi.”

Ngày đó Uyên - em họ tôi - và vợ hắn - người môi giới đầu tiên cho cuộc tình duyên - đã tìm hết cách để hòa giải, nhưng cả hai đều thất bại. Riêng với tôi, việc can ngăn đó còn như lửa cháy đổ dầu thêm. Đã ba ngày qua đi rồi, tôi nhất định không chịu tìm gặp Loan. Sang ngày thứ tư tôi đi lang thang ngay từ sớm, thoát quanh hồ Thuyền Quang, rồi lên đường Cổ Ngư giữa hai hồ Trúc Bạch và Hồ Tây, rồi về hồ Hoàn Kiếm. Khoảng bốn giờ chiều, từ hồ Hoàn Kiếm tôi ngược lên Hàng Buồm tạt vào ăn tại một tiệm Tàu. Tôi nhận thấy bàn phía trước có người con gái mặc áo dài màu xanh nhạt. Từ cách gảy đũa mãi rồi mới gắp một chút thức ăn đến cách uể oải bưng chén cơm lên miệng chứng tỏ nàng đương có điều gì lo nghĩ lắm.

“Phải - tôi nghĩ thầm - mặc chiếc áo màu sáng tươi như vậy đâu phải để đi ăn hiệu một mình!”

Vì nhìn phía sau tôi chỉ thấy một phần tư khuôn mặt của nàng: má nàng đầy đặn, thấp thoáng một sống mũi thẳng và một khóe mắt bồ câu.

Người đàn bà đi cô đơn trong đám đông không sao, nhưng ngồi ăn một mình trong tiệm trông sao mà tội nghiệp!

Nàng vừa ăn vừa ngẫm nghĩ, nhìn ra xa lơ đãng như đương ngóng chờ một người mà nàng biết không bao giờ lại. Biết đâu nàng chẳng cùng một tâm sự với Loan hiện đương bị tôi làm mất hất hủi?

Tôi hốt hoảng đứng dậy trả tiền, ra khỏi tiệm rào bước... Nhưng khi vừa đặt chân tới cửa nhà Loan, lòng tôi bỗng ngượng hân. Vào để làm gì bây giờ?

Gặp Loan định nói gì bây giờ?

Thế là tôi lại đi thẳng, nhưng càng xa nhà Loan, lòng càng bịn rịn rõ rệt.

– Reo đi con! Reo: “A bố vợ sắp lấy vợ rồi!”

Tôi cười chào Huynh và vuốt má đứa nhỏ trên tay Huynh. Huynh là bạn học cũ của tôi. Hẳn lấy vợ đã được hai năm và đã có con trai đầu lòng từ năm ngoái. Ngay từ khi tôi vừa quen Loan, hẳn đã định ninh dặn sau này tôi có con gái phải gả cho con trai hẳn để “Chúng mình làm thông gia” - lời hẳn thường nói.

Tôi không thể dừng lại lâu hơn, và khi đã đi được một quãng, tiếng Huynh nựng con còn đuổi theo:

– Reo đi con! Reo: “A bố vợ sắp lấy vợ rồi!”

Vô tình tới nhà Uyên! Nghe tiếng vợ chồng Uyên reo mừng tôi mới sực nhớ ra Uyên đã mời tôi đến ăn “bữa cơm chiều đặc biệt” khoảng bốn giờ để còn kịp lên đê Yên Phụ hóng mát.

Gia đình cặp vợ chồng trẻ này vẫn có lệ mời ăn vào những giờ kỳ quặc: khi thì ăn bánh cuốn

78 | Doãn Quốc Sỹ

vào mười giờ sáng, khi đi ăn nem vào ba bốn giờ chiều, khi đi ăn bánh ngọt uống nước trà vào mười một mười hai giờ khuya, gọi là bữa ăn “đặc biệt”.

Vợ Uyên nói:

– Anh Sơn vào đây còn kịp “đét-xe”. Đến giờ là ăn liền, chúng tôi không chờ anh đâu, anh đừng lo chúng tôi giận.

Uyên đứng dậy kéo ghế mời tôi ngồi rồi làm giọng nghiêm trọng khôi hài:

– Tôi đổ anh bữa cơm hôm nay còn thiếu ai nào?

Uyên vừa nói dứt lời thì Loan bùng đĩa cam từ trong ra, dáng ngượng ngập.

Cả nhà cùng cười.

Tôi cười theo. Rồi vui vì thấy kế hoạch của Uyên đổ vỡ gần trọn. Thế nào hẳn chẳng đã rập tâm bố trí để chúng tôi cùng ngồi đối diện nhau. Chẳng lẽ suốt bữa ăn tôi và Loan chỉ nhìn nhau

im lặng? Nhất là hắn đã chuẩn bị những lời nói khích. Tôi đã vô tình mà hóa ra hay quên không đến đúng hẹn.

Bữa ăn tối lúc dùng đồ tráng miệng rồi thì còn kéo dài được bao!

Uyên ra mở tủ lấy cravate thắt rồi nói:

– Chương trình vẫn tiếp tục như thường, để tôi xuống garage cho xe ra.

Vợ Uyên sẽ vỗ trán:

– Hôm nay gái già này xin phép ở nhà. Hơi nhức đầu!

Uyên chặc lưỡi:

– Được, thiếu cô thì chợ vẫn đông như thường! Nào xin mời anh Sơn, chị Loan ra trước cổng đợi tôi.

Tôi chẳng nói gì, thủng thẳng ra khỏi phòng, xuống thêm. Loan nán lại. Khi Uyên cho xe lùi tới cổng, nàng từ trong nhà mở cửa bước ra. Tôi giật mình bối rối vì thoáng nhận thấy Loan đã

vội vã thoa lại chút hồng trên má, và chút thắm trên môi. Vì nước da Loan trắng mịn nên màu trang điểm dậy lên, đẹp đến nỗi tôi có cảm tưởng nếu chụp ảnh bằng phim thường, những màu sắc quý giá đó vẫn rờn rợn tỏa lên thành một vẻ gì quyến rũ. Khi Loan xuống thêm, tia mắt chúng tôi thoáng chạm nhau. Môi Loan hơi chúm lại. Loan vẫn thường có tật hể gặp điều gì bối rối thì chúm môi lại, buổi đầu chúng tôi gặp nhau cũng vậy. Hôm đó biết tôi đang ngắm nàng nên nàng cứ chúm môi thối hoài tách nước mà tôi biết đã nguội từ lâu; nàng chăm chú thối như thế để gạt những gợn bọt mà nhìn trộm hình tôi dưới đáy tách. Tôi yêu Loan tha thiết ngay từ đấy.

Tiếng Uyên bên ngoài:

– Xin mời hai họ nhà trai nhà gái lên xe đi thôi, chiều rồi.

Tôi ngồi bên tay lái Uyên, Loan ngồi dưới.

Vừa lúc đó một người bạn buôn tói. Vin ngay lấy dịp may Uyên làm bộ rối rít:

– Thôi anh Sơn đưa chị Loan đi nhé tôi phải ở lại bàn với ông bạn đây một việc cần, rất cần.

Hắn mở cửa xuống xe, kéo tôi lại trước, tay quàng phía sau sang bên kia để vừa mở cửa xe vừa bảo Loan:

– Mời chị lên ngồi bên anh Sơn, kéo người ta lại bảo anh Sơn là tài xế mà chị là bà chủ.

Khi cửa xe đóng rồi vẫn tiếng hắn bông lớn:

– Xăng tôi mới đổ đầy ắp, hai ông bà có thể đưa nhau ra biển Đông tát cạn rồi về cũng vừa.

Tôi mở máy và rồ ga cho át tiếng giễu của Uyên. Loan ngồi bên, yên lặng. Xe theo phố Quan Thánh, rẽ vào đường Cổ Ngư, lên đê Yên Phụ qua Nghi Tàm, qua rặng ổi Quảng Bá...

Đến ngã ba Xuân Tảo tôi toan cho xe xuống dốc theo đường ven hồ về Yên Thái thì tiếng Loan nói khẽ:

– Anh cho xe đi thẳng tới đồn binh bỏ không kia. Đó là khoảng đê rộng nhất, cỏ xanh mướt.

Ven đề có hai ngôi nhà gạch một tầng, phía trước có mấy chiếc xe hơi, một số nam nữ áo quần thanh lịch đương đứng tản mạn đây đó hóng gió bên những cọc xi-măng cốt sắt quét vôi trắng, trước dùng để chằng dây thép gai.

Tôi vừa dừng xe, Loan mở vội cửa reo mừng chạy lại gặp cô bạn học cũ. Hai người đâu phải đôi bạn chí thiết. Cô bạn kia chỉ là một cái cọc xuất hiện rất hợp thời cho Loan níu lấy trong lúc nàng gần chết đuối trong cái im lặng nặng nề của tôi từ Hàng Nón đến đây.

Nghe tiếng Loan cố tình nói riu rít và cười khanh khách, tôi động lòng trắc ẩn rồi hối hận vô cùng về thái độ cứng rắn đến như tàn nhẫn của mình vừa qua. Tôi muốn tiến lên nhập bọn cùng hai người để nhân đó âu yếm nói lân sang với Loan, nhưng Loan đã kéo bạn ra tít góc bãi cỏ.

Tia sáng cuối cùng vừa tắt. Những đám mây ngồn ngộn như núi, phía trời Tây còn nhuộm màu hồng rực nhưng rồi dịu đi rất mau, mấy phút sau ở nơi đó chỉ còn lại một vài vệt sáng huyền ảo. Trên cao bóng một con cò bay không có gió

mà cánh nghiêng nghiêng xiêu đổ. Mấy lùm cây đặng xa đương chuyển từ màu xanh thẫm sang màu tím. Lúc đó tôi mới chú ý đến hai căn nhà hoang: cửa sổ, cửa ra vào đóng kín mít. Tuy cùng là một tầng nhưng căn nhà ngay trước mặt tôi thì cao ráo, bề thế, ý hẩn là nhà ở của viên chỉ huy đồn, còn căn kia thấp hơn ý hẩn là nơi làm việc của các nhân viên văn phòng. Cả hai căn nhà còn tốt nguyên tuy chân tường đã sẫm màu rêu và khoảng cao đôi chỗ vừa bị lở.

Có tiếng nói cười thanh thanh... Loan cùng cô bạn vừa tiến tới bên tôi, cô bạn dịu dàng cúi chào, tôi đáp lễ. Hẩn là Loan sợ bạn sẽ theo phép lịch sự để nàng lại trả tôi nên tuy đã khoác tay nhau Loan còn nắm lấy cổ tay bạn và dìu bạn tiến thẳng lên sát căn nhà hoang.

Tiếng cô bạn kể:

– Có một thời quận Yên Thái đóng ở đây với một trung đội pháo binh toàn người Việt do một Trung úy người Việt chỉ huy. Một đêm kia đồn bị Việt Minh tấn công chớp nhoáng viên Trung úy bị tử thương ngay từ phút đầu, ông Quận trưởng

84 | Doãn Quốc Sỹ

lần được vào một hầm bí mật, em gái ông, một nữ sinh luống cuống bị Việt Minh bắt dẫn ra khỏi đồn. Sớm hôm sau người ta tìm thấy xác nàng dưới vệ đê, cổ họng bị đâm nát. Sau đó quận Yên Thái chuyển về gần chợ Bưởi, trung đội pháo binh chuyển lên đồn Chém Vẽ, đồn này bỏ hoang từ đấy.

Cô bạn hạ giọng:

– Người ta bảo oan hồn cô gái vẫn hiện về trong căn nhà này vì vậy không ai dám ở.

Tiếng Loan rất khẽ:

– Trông căn nhà hoang buồn quá nhỉ!

Dáng Loan sưng sờ, tôi cũng vậy. Trước căn nhà hoang, trên con đê cao, vào lúc trời ngập gió chiều chắc Loan cũng như tôi cùng thấy lòng tê tái. Sự ngăn cách càng ai oán khi chúng tôi vẫn gần nhau vẫn thương nhớ nhau. Khuôn mặt Loan hơi nghiêng lại chắc là để đưa mắt nhìn tôi. Chúng tôi như Ngưu Lang, Chức Nữ đương bất chấp không gian vượt hờn ra vô hạn, bắc một nhịp cầu tương tư theo tiếng gọi thăm thăm của

thần giao cách cảm. Loan và cô bạn đã ra tới góc xa. Nhìn xuống cánh đồng do phù sa bồi, tôi nghĩ đến con sông phiêu lưu đã đổi dòng nhưng chút hồn lãng tử còn lưu lại nơi đây, gặp khi trời chiều rộng rãi, gió chiều hiu hắt, cánh đồng chợt chuyển mình trong âm thanh rào rạt để biến thành con sông ảo giác. Đến lúc đó tôi mới thật thông cảm với bốn câu thơ hoài cổ của Trần Tế Xương:

Sông kia rẫy đã nên đồng

Chỗ làm nhà cửa, chỗ trồng ngô khoai

Đêm nghe tiếng ếch bên tai

Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi dò.

Tiếng xe hơi nổ, tiếng bánh xe lăn: người ta bắt đầu ra về.

Ý nghĩ trở lại căn nhà hoang, tôi tiến lên mấy bước và nhận thêm rằng khoảng giữa hai căn nhà hoang, sâu vào một chút là căn nhà tranh lụp xụp nhưng có ánh lửa và khói lên ở gian bếp. Đó là túp lều của một gia đình nghèo hay của người có nhiệm vụ trông coi hai căn nhà hoang?

Một con lợn nái đang ve vẩy đuôi bên hàng rào nửa chắn phía trước túp lều. Về hoạt động của con lợn, tiếng máy nổ đều, tiếng bánh xe lăn rạo rạc không làm ngôi nhà hoang bớt vẻ hiu quạnh, trái lại căn nhà càng như ôm niềm u ẩn riêng biệt. Con lợn lùi lại mấy bước rồi cọ mình vào chiếc cọc hàng rào, tưởng như với linh tính loài vật, con lợn cũng biết chọn nơi có sinh khí mà cọ mình. Ngôi nhà cảm lạnh lạnh lẽo đến nỗi tôi cho rằng ngay những con thạch sùng, những con gián, những con nhện cũng đã rời bỏ căn nhà từ lâu như chảy rạn rời bỏ một xác ma.

Để xua đuổi ý nghĩ chết chóc, tôi tưởng tượng lại ngày ngôi nhà còn người ở, cô em gái ông Quận trưởng chưa bị Việt Minh chọc tiết như chọc tiết lợn dưới bờ đê. Ngày đó căn nhà còn ánh đèn ấm áp; tối bữa ăn bếp lửa còn phun khói. Hẳn là tối nào toàn gia cũng hội họp ở phòng khách để kể chuyện, cười đùa... Và người con gái xấu số kia vừa đến tuổi xuân - có lẽ vào trạc tuổi Loan - hẳn đã qua nhiều đêm thao thức dệt mộng bên ngọn đèn khêu nhỏ, nghe tiếng gió thổi hay tiếng mưa rơi. Hay tiếng sóng vỗ của con sông hư ảo...

Có tiếng còi xe hơi gọi. Cô bạn vội vã từ biệt Loan. Khi qua chỗ tôi, cô không quên cúi chào lần nữa, rồi tiếng xe mở máy... Còn lại chiếc 203 của chúng tôi. Tôi lùi lại chút ít để được thấy căn nhà hoang như nổi lên giữa khoảng đồng rộng nhưng cũng để ngắm bóng Loan đang cúi đầu ngập ngừng tiến lại. Bóng thân yêu của tôi! Hương thơm của Loan như bốc chiếm trọn vẹn cả khoảng đề này gồm trời cao và đồng rộng. Nhớ lại buổi nào khi được vợ Uyên giới thiệu và nhìn Loan chụm miệng thổi tách nước ngội, ngay chiều hôm ấy tôi đã tìm nàng để đột ngột tỏ nỗi lòng bằng một câu ngắn: “Loan ạ, có đôi mắt đẹp và hiền của em, anh có thể ngạo với mọi gian khổ của cuộc đời.”

Tôi mỉm cười đón Loan vừa tới. Loan cũng mỉm cười nhưng đượm vẻ buồn rầu. Chúng tôi cùng nhìn về căn nhà hoang.

Tiếng Loan thở dài nhắc lại câu tôi đã nghe khi nãy:

– Trông căn nhà hoang buồn quá anh nhỉ?

Tôi chưa kịp đáp, Loan tiếp luôn:

– Thà là một căn nhà đổ nát, thà là một cái quán xiêu vẹo.

Nắm lấy tay Loan tôi cúi xuống nói khẽ:

– Anh tin rằng căn nhà này không bỏ hoang mãi đâu; rồi đây sẽ có người ở, sẽ có ánh đèn, sẽ có khói lên ở gian bếp.

Tôi nắm tay Loan chặt hơn và tiếp:

– Ngôi nhà nguyên vẹn không thể bỏ hoang như thế này. Ngôi nhà phải được trang điểm để sống lại. Chính ngôi nhà này muốn thế, chính khung cảnh này muốn thế.

Loan khẽ ngược mắt:

– Và chính chúng ta muốn thế nữa phải không anh? Tôi chỉ còn biết đăm đỗi nhìn nàng.

Từ ngày yêu nhau, tuy tình yêu tha thiết, chưa bao giờ tôi dám nghĩ đến ôm Loan để được hôn lên môi nàng như cặp tài tử màn bạc nào. Đôi khi cùng nhau đi xi-nê, trong bóng tối tay

tôi có nắm chặt lấy bàn tay mềm mại của nàng và những ngón tay thon nhỏ của nàng cố vùi lấy tay tôi để đáp lại tiếng linh hồn thâm lặng, nhưng cũng chỉ có vậy. Hình ảnh Loan, ngay trong bóng tối, vẫn hiện lên trong trắng quá. Tôi có nghĩ đến đêm tân hôn, đêm mà sau nghi lễ tôi được phép gần Loan, tôi cũng chỉ thấy là mình sẽ dìu Loan đi vào một cánh đồng ngút ngàn mà mỗi bông hoa xinh là một vì sao, ở đấy cả hai tâm hồn chúng tôi cùng tan biến vào ánh sao để tỏa ra thành hương cỏ nội. Trong sạch muôn vàn!

Nhưng lần này đúng lúc tâm hồn cõi mở, cõi lòng lâng lâng giữa một cảnh chiều cô tịch buồn rộng rãi, chúng tôi cùng thấy rõ nỗi trống trải của xa cách mà quên mọi e dè ngượng ngập.

Tôi kéo Loan vào sát tôi:

– Căn nhà chúng ta sau này, em ạ, sẽ nhỏ hơn ấm cúng hơn...

Loan buồn bã ngắt lời:

– Và cần nhất đừng bao giờ chúng ta để nó thành căn nhà hoang.

Rồi bật thành tiếng khóc nàng gục đầu vào vai tôi, tiếng nức lên:

– Anh có biết không, đuổi nhau ra khỏi hôn nhau thì chúng ta cùng biến thành những căn nhà hoang.

Cùng ớn lạnh rùng mình vì cô đơn, chúng tôi cùng quàng tay về phía sau để cùng ôm nhau thật gọn trong vòng tay say mê. Tôi thoát hôn lên hai giọt ngọc long lanh đọng dưới mắt Loan, hương vị mằn mặn làm đậm đà thêm kho tình cảm vốn đương phong phú của tôi. Và sau khi tôi cúi xuống điên cuồng tìm gặp môi Loan, tôi vẫn nhận rõ thấy phần chủ động của nàng góp vào. Tôi cười thơ dại, đôi mắt Loan long lanh dường như nụ cười của tôi vừa chiếu sáng lên khuôn mặt nàng.

Trên con đê cao chỉ còn hai bóng chúng tôi, nhưng cảnh vật không hiu quạnh, chiếu rộng và ấm áp. Trời cao thăm thẳm với mấy vì sao sớm, đẹp như tình chúng tôi.

Khi chúng tôi rời khỏi bờ đê thì trời đã chập

choạng tối. Ánh đèn xa của Hà Nội lấp lánh quanh Hồ Tây. Tôi cho xe chạy thật chậm, đi vào bóng tối của rừng ổi Quảng Bá. Tôi có cảm tưởng đương đem người yêu đi vào một rừng thu vô tận trong đó gió cùng hoa lá luôn luôn thì thầm nhả nhủ người ta thương yêu nhau.

Tôi vội cho xe dừng lại. Qua một giây nhỏ ngạc nhiên, Loan cùng chụm đầu bên tôi để cùng nhìn về phía trước. Một cây sấu cao như một linh hồn đương rừng mình trong làn gió yêu thương để rũ những niềm sầu hận và trong bóng chiều huyền ảo những lá sấu đầu thu vàng óng rụng xuống lá tả đẹp như những vần thơ tuyệt tác.

Tôi nhìn vào đôi mắt thăm thẳm của Loan và hỏi:

– Em còn nhớ buổi đầu anh đứng chờ em dưới mái nhà bát giác giữa Vườn bách thảo?

Loan mỉm cười dịu dàng đáp lại:

– Hôm đó là một ngày đông gió rét lắm và cũng có lá vàng rụng.

- Còn có mưa bụi nữa em quên rồi sao?
- Em không quên!

Chúng tôi vẫn nhìn nhau cùng yên lặng ôn lại kỷ niệm. Buổi đó tôi hẹn Loan lần đầu. Tôi chờ nàng đã mười phút qua chỉ thấy lá rụng, chim xào xạc, rồi mưa. Tôi chán nản quay sang phía khác lơ đãng cho tới khi thấy có cảm giác là lạ, quay vội lại đã thấy Loan xuất hiện trên quãng đường ước hẹn từ phút nào. Nàng bước vội vã trong mưa bụi gió bay như cốt đến thật nhanh để chụp lấy tôi vào lúc bấy giờ. Chúng tôi đón nhau bằng nụ cười, bằng tia nhìn ngời hào quang ấm áp. Khi đã đứng bên tôi dưới nhà bát giác Loan nói với tôi bằng giọng tha thiết đến ngậm ngùi:

– Anh nhìn đi đâu em cũng thấy là anh đang nhìn em!

Chẳng bao giờ... chẳng bao giờ cả, tôi quên được cảnh lần đầu đợi người yêu như vậy.

Tôi cho xe chạy.

Chúng tôi đi dần vào ánh đèn của thành phố. Loan hơi xiêu người về phía tôi, tóc Loan thơm gió. Tôi nhấn mạnh ga.

Loan ngả về phía tôi hơn nữa.

– Anh ơi, xe đi nhanh mát quá anh nhỉ?

Tôi chọn những đường lớn để có thể giữ nguyên tốc độ. Tới đầu phố Gia Long tôi cho xe đi sát đường quanh bờ hồ Hoàn Kiếm; mỗi lần đến khúc quanh, tiếng máy kêu vo vo hoà với tiếng bốn bánh xe cuốn sỏi và lá úa xào xạc bên dưới. Ánh đèn quanh hồ như vươn lên, tỏa ra để chiếu sáng cả vòm trời cao rộng làm tôi nghĩ đến câu của người xưa: “Đạo người quân tử bắt đầu từ tình nghĩa vợ chồng, nhưng khi phát triển đến cùng thì tỏ rõ cả trong trời đất.”

Chưa bao giờ tôi thấy Hà Nội nhiều ánh sáng bằng hôm ấy.

TIỀN KIẾP

Đêm qua mưa bụi gió bay

Gió rung cành bạc, gió lay cành vàng

Em với anh cùng ở khác làng

*Nào em có biết ngõ chàng ở đâu. Một thương hai
nhớ ba sầu*

Cơm ăn chẳng được ăn trầu ngậm hơi

Thương chàng lắm lắm chàng ơi

Biết đâu thanh vắng mà ngồi thở than

*Muốn than mà chẳng được than Kìa như đá đổ
trên ngàn lau tây Đá đổ còn có khi đây*

Thương chàng biết thưở nào khuây hỡi chàng.

(Cao dao Việt Nam)

Trước mỗi biến cố đau thương của dân tộc, Tâm lại ngồi ôm mặt trong bóng tối. Đã từ lâu, lâu lắm rồi, chàng có thói quen đó. Không phải Tâm ngồi như vậy để khóc hoặc để gặm nhấm nỗi đau khổ của mình. (Tâm đâu có hèn thế các bạn nhỉ? Chúng ta đâu có hèn thế các bạn nhỉ?) Tâm vẫn nghĩ rằng người dân của bất cứ nước nào cũng mang trong hồn những đức tính cao quý của dân tộc họ, và nói rộng ra đã là người đều mang trong hồn những đức tính cao quý của nhân loại, kẻ nào sa đọa phản bội, những đức tính đó không mất mà chỉ tản mát ra ngoài. Việc Tâm ngồi ôm mặt trong bóng tối, chính là vì chàng khao khát những mong với thái độ chí thành của mình, họa có kết tinh được phần nào những gì là cao quý. Việc kết tinh đó chẳng khác gì việc phụ một hồn khác lên cho nhập vào với hồn mình. Phụ đồng thì phải hát? Tâm không hát nhưng chàng ngâm thơ, ngâm rất khế để thu hút sự kết tinh chứ không phải để xao động. Chàng thường ngâm câu Kiều:

Tiệc thay trong giá trắng ngần

Bắt phong trần cũng phong trần như ai.

hoặc một vài câu trong bài ca dao trên:

Đá đở còn có khi đây,

Thương chàng biết thuở nào khuây hỡi chàng.

Và những lúc đó sao mà Tâm ước ao được gặp tiền thân...

– Gặp tiền thân? - Thừa vâng, có lẽ đúng là tiền thân. Tâm muốn tin rằng thế bởi bao giờ cũng vậy sau mỗi giấc mơ tiền kiếp, khi tỉnh dậy Tâm thấy rõ ràng mình vừa hấp thụ được một nguồn sinh lực mới, khiến những đức tính kiêu hùng, nhẫn nại, cởi mở của dân tộc chột dâng lên dạt dào sôi nổi như hoa lá đua nhau vươn mình trong tình yêu vô lượng của mùa xuân. Lần đầu tiên chàng gặp tiền thân vào vụ đói năm nào. Trước đó mấy ngày, một buổi trưa qua Bờ Hồ, Tâm thấy cả một phường nhạc bát âm ngồi tấu nhạc ở ngay bên xe điện Bưởi Bạch Mai để xin tiền. Họ ăn mặc chỉnh tề: quần trong, áo the dài, chít khăn. Họ

tấu những bản Hành Vân, Lưu Thủy và những bản nhạc thờ thần khác. Mấy ngày sau ban nhạc biệt tích, Tâm chắc họ đã đi về các cửa ô rồi chết đói dần mòn hết cả để gom vào cho đủ số hai triệu đồng bào trong dịp quốc nạn này. Chao ôi, con người khi còn sống đi đứng hiên ngang khí phách, khi chết bên đường, xác không cao hơn ngọn cỏ may. Mang bản nhạc thờ thần ra tấu ở bến xe điện tuy chua xót thật, nhưng Tâm thấy cái dáng chua xót cho nhân loại chính là lũ Tây đầm thực dân thủ phạm, đã mất tình người, vẫn phê phỡn đủ đờn nhảy nhót ở những khách sạn Splendid, Métropole. Mấy ngày sau để tránh nạn phi cơ oanh tạc, trường Tâm chuyển xuống Hà Đông. Ngay buổi đầu đi học, trên đường thẳng tới trường, giữa bao nhiêu khuôn mặt ngơ ngác đây đó, Tâm chú ý đến một em bé nằm khuất sau một gốc cây bên một đồng rác có lẫn nhiều vỏ ốc. Tội nghiệp, em nằm cuộn tròn trong manh chiếu rách, đầu và một tay thò ra ngoài, mắt nhìn mọi người mà chẳng còn chút tinh thần. Tâm đặt nắm cơm xinh xẻo - bữa ăn trưa của chàng - vào giữa bàn tay em, em hơi nhúc nhích. Khi tan học

trở lại chỗ cũ, Tâm thấy năm cơm khuất dưới túp cỏ rậm gần đấy. Em bé đã chết, em yếu quá không đủ sức đưa năm cơm lên miệng.

Đêm đó, trở về quê. Tâm gục mặt trên bàn học mặc cho hồn tan thành tiếng gió thổi dài qua các lùm cây ngoài vườn. Tâm chợt thấy một thanh niên ăn mặc theo kiểu xưa mở cửa sịch vào nhìn Tâm, mặt buồn rười rượi rồi đưa một ngón tay lên miệng cắn. Người đó tự cắn mình mà sao Tâm thấy nhói buốt trong tim? Khi bừng tỉnh dậy. Nhớ lại khuôn mặt người trong mộng hao hao giống mình, không hiểu sao Tâm nghĩ là mình đã gặp tiền thân, đúng là tiền thân!

Có lẽ vì lòng luôn luôn ghi nhớ ơn nặng đức dày của ông cha, nên Tâm tha thiết níu lấy niềm tin là đã gặp tiền thân, điều chứng minh kiếp trước, Tâm đã được góp phần mồ hôi, xương máu bên ông cha trong việc gây dựng và gìn giữ đất nước này.

Sau sáu năm kháng chiến, rồi tới một ngày kia tỉnh ngộ mà lòng đau như cắt! Tâm chẳng tự hỏi vì quá vô tình hay quá thực thà chỉ biết khi

tỉnh ngộ thì đã quá muộn, nhưng dù quá muộn còn hơn không. Chiến dịch cuối cùng chàng dự là chiến dịch Đông Triều, cuối mùa hạ 1951. Để sửa soạn đường hành quân cho chiến dịch, hai tiểu đoàn đi trước một tháng, chặt tre nửa mở lối hẻm dưới rừng và trên những quãng đường trống có đào sẵn hai hàng hố cá nhân, nguy trang cẩn thận. Phi cơ địch theo sát đến nỗi chỉ một lần hai chiến binh nhóm lửa nướng con mằm, chút khói vươn lên, chiếc phi cơ thám thính bay qua, lát sau một đoàn B26 xuất hiện từ chân trời rầm rộ lướt tới, không hề chúc mũi, diêm nhiên dội bom xuống như những kẻ đang trí đánh rơi vật gì mà không hề biết. Số người chết bao nhiêu Tâm chẳng rõ, chỉ biết trong số có một chính ủy trung đoàn. Khi bộ phận Tâm qua đó, các mảnh thịt vương trên cành cây đầu đây đã rửa nát và thối khắm, ai nấy choáng váng cổ bịt mũi miệng, nín thở mà còn muốn nôn ọe.

Tới khu tác chiến, Tâm ở lại bộ tham mưu chiến dịch, Lam bạn chàng, một người bạn độc nhất còn sót lại, ra đi công đồn. Mười giờ sáng hôm sau, Tâm được tin điện thoại từ mặt trận báo

về rằng chỉ huy trưởng - bạn chàng - bị thương nặng. Mãi tới quá trưa mới cáng được Lam về quân y xá nhưng Lam đã chết ở giữa đường. Khi Tâm đến, xác Lam còn nguyên trên cáng tre, đầu ngoẹo sang một bên, hai mép phòi nước dãi trắng xóa như bọt xà phòng.

Tâm thương Lam vì chàng biết Lam cũng như chàng, cả hai không sợ chết nhưng đã bắt đầu biết sợ chết như một con vật đơn giản dùng làm công cụ thí nghiệm cho một cái gì trừu tượng tai ác, yêu ma không một chút thích hợp với nếp sống nhân đạo của dân tộc.

Lần nào ra đi chiến dịch cả hai cũng cầm bằng là chết và luôn luôn phải tự dối lòng là chết cho đất mẹ. Tới đó mọi người đã mắc kẹt khá sâu vào khe răng cửa của guồng máy kháng chiến mất rồi.

Lần này thì Lam chết thật, thể xác Lam còn kia, đầu ngoẹo sang một bên, mép phòi bọt trắng xóa, nhưng Lam đã “lọt khỏi kẽ tay” của Tâm để rơi vĩnh viễn vào cái vô cùng cực bên kia thế giới.

Đêm đó Tâm cũng gục đầu trên chiếc bàn tre ở bộ tham mưu chiến dịch: Tiền thân Tâm mở cửa bước vào ngôi đối diện và nhìn Tâm yên lặng, tiếng thở nghe lẫn với tiếng gió hoang hốt chạy trốn bên ngoài. Tâm mơ thấy mình theo tiền thân đi lên thăm lại ngọn đồi trọc kia, nơi chàng và Lam đã phải lấy xác bạn đồng ngũ làm thành để bám lấy lưng chừng đồi sau một đợt xung phong. Từng sợi máu nóng hồi còn như thấm đẫm áo chàng và loang rộng dưới chân. Vẫn theo tiền thân, Tâm đi vào đám sương mù trắng ngập cánh đồng, màu trắng như bột xà phòng phôi bên mép Lam. Rồi chàng và tiền thân ngồi nghỉ trên một đỉnh núi bên dưới có con sông nước đỏ uốn cong. Tâm nhìn tiền thân yên lặng, trù mến gửi vào cả nỗi thống khổ kết tinh, đồng thời chàng thấy nỗi đau khổ hiện tại như vơi đi rất nhiều.

Cái gì đã kết tinh khó mà mất, không còn nhờ nhệch vô hình, mình quảng nó ở đâu nó cũng sáng, và vũ trụ từ thể vân tinh quay cuồng đau khổ bao nhiêu mới kết tinh thành những giọt đau khổ biêng biếc là những vì sao.

Xác Lam được chôn vùi vĩa bên mép bờ ruộng tiền tuyến, gần một làng nhỏ không còn một bóng người vì dân chúng đã tản cư hết. Cái chết của Lam chỉ còn một tác dụng quất mạnh vào tâm tưởng Tâm khiến chàng ráng sức một lần quyết định, vùng khỏi khe răng cửa siêu hình của guồng máy chiến tranh mà người ta đã vô cùng xảo quyết vô cùng điêu ngoa gán cho cái chiêu bài: cuộc kháng chiến dân tộc.

Đã từ bao lâu thứ chính trị đầu cơ kết bè lập đảng hẹp hòi đã làm như bản mọi dự định tinh khiết nhất của nhân loại, đã gieo bi quan vào những khối óc hồn nhiên nhất của người dân quê, đã gieo nghi ngờ vào những khối óc rộng lượng nhất của giới trí thức, Tâm bỏ Cộng sản về Thành (Hà Nội) vào đúng năm mà những như bản đó đạt tới tối cao của nó.

Đá đổ còn có khi đây.

Thương chàng biết thuở nào khuây hời chàng.

Về Hà Nội, Tâm ở phố Ngõ Huyện sát nách nhà thờ lớn, nơi đây sáng nào cũng có hai bố con

người bán phở rong, gánh từ Kim Mã - ngoại ô Hà Nội - tới bán. Người bố khoảng bốn mươi tuổi. Vợ ông nghe đâu đã bị đội Lê Dương trong đoàn quân viễn chinh Pháp hiếp chết tại đầu làng ngay từ năm 1945, năm đầu chinh chiến. Đứa con trai hiện theo ông mới chừng tám tuổi, nó giúp ông trong việc đi sâu vào các ngách phố rao phở. Nếu có ai gọi mua nó chạy về báo cho bố làm rồi bung lại. Nó hay bị các khách ăn quen trêu. Người ta giả vờ khát chịu vài hôm, có người đưa ra tờ giấy năm trăm bảo nó: “Cậu trả lại tiền đi nếu không thì... hãy chịu vài hôm!” Hễ nghe ai nói “Hãy chịu vài hôm!” như vậy, nó giấy nẩy như đĩa phải vôi rồi vừa nước mắt chạy quanh vừa lớn tiếng cãi lại nặng nề đòi tiền bằng được. Nó thương bố làm ăn vất vả và sợ người ta ăn quịt. Tâm thường chép miệng, nghĩ thầm: “Tội nghiệp thằng bé, nó có biết đâu cả dân tộc ở cả hai phe đương bị ngoại nhân cùng mấy tên tay sai cầm đầu ăn quịt xương máu.”

Trên các ngã đường Hà Nội vào đạo này tấp nập những xe bóng loáng. Đó là xe của lũ xu thời hèn mặt cam phận thiếu nhân cách để thừa

quyền hành. Chúng đi đi lại lại chừng diện với nhau để gián tiếp sỉ nhục cuộc sống xác xơ thiếu an ninh của dân chúng. Tâm thấy chúng ngu muội thô thảm như lũ chó con tranh nhau những khúc xương của chính mẹ chúng mà người ta quảng cho ăn. Tâm lại thấy chúng tro trên bãi ối như lũ con tranh giành gia tài bán cả chiếc áo quan để chia nhau tiền tiêu trong khi cha già hấp hối trên giường bệnh. Tâm hồn Tâm như thường xuyên bông rạ. Một hạt bụi lơ lửng trong không khí chạm phải cũng khiến chàng nhói buốt tâm can. Nhìn những xe đó lướt qua chàng có cảm tưởng chúng tiếp nối nhau đè ngang lên ngực mình. Đã tới mức chàng gần phát điên thì may sao một hôm đi xem chiếu bóng gặp phim thời sự ôn lại quá khứ thánh Gandhi, trong đó có một cảnh vị thánh Ấn Độ được tiếp đón cực kỳ trọng thể rồi an tọa trên một chiếc xe mìn bóng lướt nhẹ trên con đường trải nhựa cũng mìn bóng. Thốt nhiên Tâm thấy chiếc xe như có linh hồn để biến thành một con ngựa già hay một con voi già có nghĩa, con đường nhựa như có linh hồn để biến thành con huyền long linh thiêng vươn mình vun vút, luôn luôn nâng đón lấy bốn bánh xe.

Chẳng ai khinh được máy móc khi máy móc có linh hồn! Ngồi trên chiếc xe lướt nhẹ đó vị thánh Ấn Độ, hiện thân của Đạo Đức, đã thổi linh hồn vào cho máy móc.

Rồi tới một buổi chiều ánh đèn phường phố vừa bật, qua Hàng Buồm, Tâm tạt vào một hiệu tạp hóa nhỏ mua sỉ mấy điếu thuốc lá thơm. Chàng đưa bà hàng tờ giấy năm đồng và nhận tiền trả lại ba đồng năm hào - “ba đồng năm cắc” - nói theo tiếng đồng bào miền Nam - bằng nhôm. Chẳng hiểu thứ nhôm pha thế nào mà sao nhẹ thế, nhẹ đến nỗi thà cầm mảnh giấy mỏng Tâm còn thấy là mình đương cầm một cái gì nặng hơn.

Đứng sát cột đèn một góc phố, Tâm xòe tay ra ngắm kỹ đồng hào: một bên có hình bông lúa - lúa mì thì phải - hai chữ INDOCHINE FRANCAISE xếp thành hình vòng cung bên trên và hai chữ 20 CENT lớn hơn một chút xếp ngang bên dưới. Lật sang mặt kia là hình bán thân một “bà đầm” tay cầm nhánh cây - chẳng biết có phải là hình nữ thần tự do - với hàng chữ vòng cung trên đầu: RÉPUBLIQUE FRANCAISE. Xung quanh cạnh

đồng hào nhẵn thín một cách vừa cầu thả vừa vô duyên. Tâm nắm tay lại, miệng mím nghĩ thầm: “Đồng hào quả là thể hiện rất đúng tinh thần gian xảo điêu ngoa của thực dân, đồng hào cũng nhẹ bồng, rỗng tuếch và vô giá trị như lũ tay sai của chúng.”

Chợt qua một chỗ có đèn đỏ. Đó là quãng đường Sở Lục lộ đang sửa dờ: Mỏi cái nắp cống còn đặt lệch sang bên, phía dưới thấp thoáng màu bùn đen kịt và mùi hôi thối rờn rờn bốc lên. Tâm vung tay ném mạnh ba đồng năm cắc xuống đúng khoảng sánh bùn hôi đó. Cả cái chế độ xảo quyệt của thực dân trá hình, của độc lập giả dối, của lũ bù nhìn tranh quyền cố vị chỉ đáng có thể. Kể từ đấy Tâm thường xuyên bị cái cầu thả, cái vô duyên, cái nhẹ bồng, cái rỗng tuếch của đồng năm cắc ám ảnh và lấy nó làm đơn vị đo lường để xót thương kẻ này, căm phẫn kẻ nọ. Một đêm kia chàng ngủ đỗ tại nhà bạn ở phố Bờ Sông, sớm hôm sau khi vừa thức giấc, chàng chú ý đến bóng một người đàn bà nhà quê có mang gần đến tháng để mặt mũi hốc hác vì ngèo đói. Quần áo bà mặc bằng vải chéo go đen đã

bạc màu, chân đi đất, vai khoác một cái bị lớn, bà đi chậm chậm, mắt chăm chú nhìn xuống chân hàng rào... Chợt bà dừng lại khom người xuống và lách tay qua hàng rào dây thép gai. Thì ra bà đi kiếm những hộp sữa đã hết mà người ta vứt ở khắp nơi, chắc rồi bà sẽ đem bán chúng ở các cửa hiệu làm đồ trẻ con chơi tại phố Hàng Thiếc. Chỉ còn hơn một tháng nữa là Tết Trung Thu mà!

Chẳng biết cả một ngày lang thang như vậy - Tâm tự hỏi thầm - bà nhặt được bao nhiêu ống bơ và liệu có kiếm được mười đồng bạc - tức hai mươi đồng năm các khốn nạn, cầu thả, rỗng tuếch - để nuôi thân, nuôi con chăng?

Hình ảnh nhỏ mọn và thương tâm của người đàn bà chứa bỗng hiển hiện thành hình ảnh nhẫn nại của toàn dân trong việc xây dựng và gìn giữ đất nước qua bao biến cố lịch sử.

Tâm đi lang thang qua chợ Đồng Xuân, quan sát những người đàn bà nhà quê hiền lành, tự những nơi làng mạc xa xôi gánh hàng dẹt bán. Hẳn các bà cũng như hàng triệu những người dân quê khác đang sống trong cảnh trên đe

dưới búa, ban ngày thì quân đội thực dân tới sục sạo, càn quét; ban đêm thì cán bộ cộng sản tới giở trò xảo trá, ve vuốt đấy, khùng bố đấy. Củ su hào lớn từng kia, chiếc cải bắp lớn từng kia, quả đu đủ chín lớn từng kia, kết quả của bao công phu vun trồng tưới bón, tưới bón bằng mồ hôi, nước mắt và máu với bao hy vọng gởi gắm mà nay bán đi được tám đồng bạc tức là mười sáu đồng năm các khốn nạn, cầu thả, vô duyên, rỗng tuếch!

Tâm đã gặp một người đàn ông búi tóc, râu tóc xạc xờ bước vội trong bóng chiều đương đổ mau, hai đầu đòn gánh lưng liểng chừng mười mười hai chiếc bánh chưng bán ế. Tâm vẫn thấy ông cụ già gầy đét hom hem ngồi mài dao thuê dưới gốc bàng góc phố; có lần nghe hiệu chuông rung, Tâm gọi mua chiếc kem của một cụ già hom hem hơn và chăm chú nhìn cụ cho đồng năm các vào túi, bịn rịn đứng nán lại một giây có ý chờ xem chàng có mua thêm chẳng, rồi tiếng chuông run rẩy nhịp với bước chân đói khát xa dần... Tất cả những hình ảnh nghèo túng mà Tâm đã gặp như thốn thức dưới mắt mỗi khi chàng tự nêu thầm câu hỏi: “Những người đáng thương đó hằng

ngày kiếm được bao nhiêu đồng năm các khốn nạn, cầu thả, vô duyên, rỗng tuếch, mà nuôi thân nuôi gia đình?”

Có lần tránh mưa, Tâm đã vào trú trong một túp lều ngoại ô, chủ nhà là người thợ rèn, bốn đứa con ông đương vác bát ăn cơm. Ở góc bát của mỗi đứa, chàng thấy có miếng đậu rán cắt đôi còn nguyên. Chắc là trước khi ăn người cha đã chia khẩu phần cho từng đứa. Chúng chỉ gắp rau chấm tương dưới mâm mà để dành miếng đậu, chúng và cơm rất gọn và sau cùng vét bát thật sạch không còn sót lại một hạt. Con nhà nghèo vét bát bao giờ cũng sạch!

Đời chỉ là một canh bạc bịp mà người thua luôn luôn là đám dân hiền không tên không tuổi. Càng gặp nhiều những người cùng khổ, Tâm càng thấy họ kết tinh những gì là nhẫn nhục cao quý. Chàng kính mến họ như kính mến những vị đại diện của Thượng Đế, và thực tình chàng muốn thu hết sức mạnh của lòng khinh bỉ gom lại thành hỏa diệm sơn để khắc vào mặt những tên buôn bán đau khổ nhân loại cùng lũ tởn giò bọ của chúng.

Trong những giấc ngủ ngهن ngào, Tâm mơ thấy biết bao điều khi thì khủng khiếp, khi thì sâu nảo. Có một giấc mơ không bao giờ chàng quên, chàng mơ thấy khắp nơi đều cháy kể cả những nơi không nhà cửa: Cháy giữa vườn hoa, cháy giữa hồ Hoàn Kiếm, cháy giữa hồ Tây, nơi nào có lửa cháy là có bóng người dân tội tử và có xác trẻ con chết trần truồng, nhiều khi đầu một nơi mình một nẻo; có đầu lâu em bé bị xẻ ra làm đôi, mùi máu tanh lợm khắp nơi. Kể đó Tâm thấy mình đi câu, câu ở sông, rồi ở ao, sau cùng ôi kinh tởm, chàng thả câu vào một hồ nước cống màu đen kịt, cái phao không nổi trên nước mà mắc vào một khe đất nẻ. Làm sao mà có cá ở vũng cống này? Có chẳng một đàn bọ gậy! Giả sử bọ gậy biết cắn câu thì làm sao cái phao mắc vào khe nẻ kia động đập báo cho chàng biết?

Khi sực tỉnh. Tâm vùng ra sân thở hít sương khuya và tìm ánh sáng tri kỷ để an ủi nỗi lòng ở mấy vì sao cũng ra chiều cô độc trên vòm cao.

Tối một chiều kia, sau bữa ăn mẹ chàng lên tiếng:

112 | Doãn Quốc Sỹ

– Buôn bán khó khăn lắm con ạ, hết tháng này mẹ dọn về quê cày cấy.

Tâm chỉ còn biết đáp lời mẹ:

– Mẹ nghĩ chí phải, trong tình trạng này con nghĩ rằng nhà nào cũng nên có một người đi tu để cứu lấy linh hồn kẻ khác và một người đi cày để khi bụng bát cơm lên không thấy là mình ăn cắp.

Tâm ôm đầu tì hai khuỷu tay lên bàn vùi ý nghĩ vào hư vô, khi ngừng lên bóng chiều bên ngoài đã sẫm màu, không khí nghẹn ngào u uất, báo hiệu một trận mưa lớn.

Có tiếng cười khúc khích:

– Anh ấy khinh người ghê lắm! Bước vào nhà, em chào hai lần mà anh ấy không thềm trả lời.

Tâm quay lại. Dung cười lớn hơn và chào như giễu:

– Lạy anh ạ!

Dung là cô gái hàng xóm, bạn thân với Thịnh, em gái Tâm. Ngày ngày Dung vẫn sang chơi với Thịnh chẳng kể sớm tối, có khi làm cơm giúp. Nàng vừa đến tuổi dậy thì, đẹp, một vẻ đẹp sao mà hiền hậu. Tâm chẳng dám rả rúng tình yêu kia nhưng nghĩ mình đương chỉ là một thứ kết tinh của chán chường khinh mạn, chàng nữ nào đem nhuộm lây màu chán chường khinh mạn đó sang tâm hồn trong trắng của Dung. Tâm biết nếu Dung đừng sớm buồn về chuyện yêu đương thì khuôn mặt nàng hoàn toàn giữ được vẻ tươi mát của một thôn nữ thuở thanh bình nào trong ca dao:

Anh về hái đậu, trái cà

Để em đi chợ kéo mà lỡ phiên.

Dung vội vã ra về trước khi trời đổ mưa. Tiếng mưa rơi thoạt nhẹ, sau rả rích như một nỗi sầu không bao giờ nguôi. Tiếng súng liên thanh từ một đồn nào ở ngoài thành vọng về, kế tiếp là tiếng đại bác câu đi rất xa. Cảnh thời tản cư công địu những trẻ thơ, gồng gánh những quần áo, chăn chiếu, nồi niêu, chạy giặc dưới

mưa dầm gió bắc khơi dậy quần quai trong ký ức Tâm. Chàng mở khê ra-dio, có tiếng giới thiệu một chương trình chèo cổ. Tiếng ca của đất nước đến xoa dịu lòng chàng lúc này thực hợp thời chàng khác ngọn gió Nam đến với vua Thuần ngày xưa: “Nam Phong chi huân hê khả dĩ giải ngô dân chi uẩn hê...” Chương trình mở đầu bằng điệu “Nôi niêu” dí dỏm mà thuần phác, nhịp đàn sát với lời ca, tiếng nhị như giễu cợt đôi khi như biến thành một nhân vật bông lơn nhưng tốt bụng. Tiếp đến điệu “Đường trường sa lệch” dịu dàng, tha thiết đượm chút u sầu mà không phải là ai oán, đó là thứ ngậm ngùi nhẩn nại bao dung - thứ nhẩn nại của những hình ảnh nghèo nàn Tâm đã gặp - tiếng trống lúc ròn lúc đục, tiếng phách nhấn vào những nhịp mạnh. Tiếng nhị, tiếng hồ kẻ lể, tiếng tiêu như vẳng theo gió chiều tự đồng nội tràn vào. Điệu “Thề nguyện” gọi cảnh đôi trai gái dắt tay nhau đi vào mùa xuân của đời, đi vào mùa xuân của vũ trụ có bướm bay như hạnh phúc, có hoa nở như tình yêu; họ đi trong một thế giới quân bình giữa tình cảm với lý trí, họ vui nhận cuộc đời, hòa mình với sự sống

rộng lớn, bàng hoàng tha thiết như Kim Trọng gặp Thúy Kiều bên dòng nước trong veo.

Bỗng có tiếng đàn bầu làm Tâm ôm mặt gục xuống bàn. Chàng không hiểu bài gì, tiếng đàn thánh thót nỉ non gợi lên một cái gì vô cùng đau thương nhưng cũng vô cùng đạo đức như hình ảnh một em bé mồ côi cha, dắt bà mẹ lòa qua một khu rừng khuya. Dù rừng nhiều ma, dù rừng nhiều thú dữ, dù rừng dày đặc hơn đêm, khúc khuỷu hơn núi, mênh mông hơn đại dương, thì em bé chí hiếu vẫn dẫn được mẹ thoát khỏi rừng, tìm thấy ánh sáng. Tâm tưởng mình đương đi như bay như biển giữa một cánh đồng lúa xanh thơm ngát, chân xéo lên những khuôn mặt xảo trá khiến chúng ngã gục vào hư vô. Tâm muốn hét lên: “Ôi, dòng sông, cánh đồng năm ngàn năm của chúng ta, mênh mông thanh thản dưới mắt nhân loại kẻ nào mà làm hoen ố nổi?”

Cửa mở... Tâm gặp lại người quen: Tiền thân của chàng lần này mặc áo võ biên và diu chàng xuống cùng thuyền. Nhìn phía trước, nhìn lại phía sau để có tới năm chục thuyền chiến như vậy

đương cùng tiến vào một cửa sông. Đi được một quãng thì sông mở rộng ra như một cái vịnh. Có tiếng thì thào: ‘Lục đầu giang! Lục đầu giang.’ A, Tâm nhớ ra rồi, đây là một trong năm đạo quân của vua Quang Trung tiến ra Thăng Long đại phá quân Thanh năm Kỷ Dậu.

Đoàn thuyền vẫn tiến, có chỗ thuyền chạm phải khúc sông bồi mắc cạn, cả đoàn thuyền nháy ủa xuống cột chèo vào thuyền rồi kéo. Nửa người ngâm dưới nước lạnh mà ai nấy điềm nhiên cong lưng đỡ người về phía trước cho thuyền nhích lên theo bước tiến của họ. Nhìn tiền thân trong đám quân nhân cứu quốc mà Tâm thấy thơm lây mặc dầu Tâm có rùng mình vì cảm thấy nước lạnh dưới sông như đang cắt thịt mình ra từng miếng ở trên này. Sau đó tiền thân thoát dẫn Tâm vào một thế giới kỳ lạ ở đó chàng bị chém làm hai mà không đau đớn...

... Tựa hồ có tiếng gậy của cành khô... Không, đó là tiếng vắn tắt radio. Tâm bừng tỉnh, Dung đã đứng ngay bên, nhìn trách móc:

– Làm sao mà anh cứ để radio rồi gục đầu ngủ vạ ngủ vật trên bàn làm việc?

– Tôi ngủ quên đấy cô Dung ạ, tôi vừa mơ thấy tiền thân.

Tâm gật gù nói tiếp:

– Tôi được tiền thân dẫn vào một thế giới trong đó mình bị chém làm đôi mà không đau đớn, rồi bị lắp sang một thân mới khiến tôi đi đứng nhẹ nhàng hơn, thân cũ của tôi lắp sang một pho tượng sống khác, mắt pho tượng đương xanh bỗng đỏ ngầu: pho tượng bắt đầu nhìn đời một ánh sáng khác.

Dung lắc đầu, vẫn buồn bã như nụ cười của nàng:

– Em chẳng hiểu anh nói gì?

– Tôi cho rằng giá mình nuôi hồn bằng những tình cảm cao khiết thì mình đổi sang một thân khác nhẹ nhàng hơn, nếu nuôi hồn mình bằng những tham vọng hèn hạ thì mắt mình sẽ đỏ ngầu và nhìn đời qua một biển máu trào ra từ chính lòng mình.

Tiếng Dung thở dài:

– Em biết lời anh có lý nhưng sao anh cứ mơ về tiền kiếp mà không chút lưu tâm đến hiện tại?

Thấy Tâm im lặng, Dung nói:

– Em về anh nhé.

Tâm ngẩng đầu nhìn Dung gật đầu:

– Em về!

Lần đầu tiên Tâm gọi nàng bằng “em”. Khi cánh cửa đã khép. Dung đã về. Tâm chợt hối hận không giữ Dung lại để dạy nàng bài ca dao: “Đêm qua mưa bụi gió bay...” Trong đêm khuya, Tâm nhắm mắt lại để thấy nơi mình ở biến thành vùng quê với mái tranh hiền lành, với nền đất thơm mát, với nếp sống thủy chung. Có tiếng võng đưa kẽo kẹt và tiếng người thôn nữ - tiếng Dung - ru lòng mình dưới bóng tre:

Đêm qua mưa bụi gió bay

*Gió rung cành bạc, gió lay cành vàng. Em với anh
cùng ở khác làng,*

Nào em có biết ngõ chàng ở đâu.

Giấc mơ tiền kiếp hình như lần này đem thanh thoi lại cho tâm hồn Tâm. Quả thật phần cao quý trời đã phân phát đều cho mọi người, kẻ nào phí phạm phần đó, kẻ khác lượm lấy chẳng mất đi đàng nào. Giá trị con người theo Tâm là nơi con người tự xây dựng lấy bằng vốn đó. Chẳng ai làm bản được mình cũng như mình chẳng thể làm bản được ai dù mình nắm trọn quyền hành. Chỉ những hiện thân của u tối, của thiển cận mới tưởng rằng nắm được quyền hành là nắm vững lòng người.

Hãy quay trở về với chính mình - Tâm nghĩ vậy - vun xới tâm hồn mình là chuốt lọc danh dự cho dân tộc. Là gieo hương hạnh phúc cho đồng loại. Những tên khát máu không dìm được dân tộc - một đơn vị nhỏ của nhân loại - vào biển máu, những tên nham hiểm không chụp được dân tộc vào mưu cơ gian xảo của chúng, những tên bất tài vô liêm sỉ ưa bạo dòn nịnh hót nhưng muốn lịch sử ghi vào hàng vĩ nhân không làm bản được ai, không phá hoại được năng lực sáng tạo của dân tộc thì việc gì ta phải hần học, găm thét với những bản thủ bên ngoài? Giá trị

của một dân tộc - hay của nhân loại - đặt mốc ở những gương chói lọi mà dân tộc đó đạt được. Đại diện cho dân Ấn là Gandhi chứ đâu là tên hung đồ đã ám sát Gandhi! Đồng tiền cũng vậy, tự nó không có giá trị gì hết, giá trị của nó chính là ở lòng hy vọng lớn lao, ở niềm tin cao quý mà người dân gửi gắm vào người đại diện như người đi biển gửi gắm vào người thuyền trưởng. Cái vinh hạnh được quy tụ nơi mình những hy vọng, những niềm tin đã khiến bao vị thuyền trưởng sống chết với con tàu, cố sao làm tròn sứ mệnh. Cánh đồng và dòng sông năm ngàn năm của chúng ta kẻ nào mà làm hoen ố nổi?

Thế rồi

Việc đến đã đến!

Trước ngày rời cố đô Hà Nội đã có một lần Tâm toan dùng chiếc áo lót mình rách vừa thay để lau chân, chợt nhớ lời mẹ dặn chớ nên phạm điều bất nghĩa, dù nhỏ đến mấy, nên thôi. Sau này chàng còn mặc chiếc áo đó xuống tàu di cư.

Cầu hàng không, cầu hàng hải đi đi lại lại không ngớt, thoát đã tám mươi vạn người ra đi... Họ ra đi và mang theo tổ quốc vào Nam. Những người bị ghèn hoặc buộc lòng phải ở lại bèn thu tổ quốc ủ vào trong cùng sâu thẳm của trái tim.

Ở mọi nơi, ở mọi hoàn cảnh, tổ quốc vẫn không hề bị xúc phạm. Đúng như ý nghĩ vững vàng tha thiết của Tâm: “Cánh đồng và dòng sông năm ngàn năm của chúng ta kẻ nào mà làm hoen ố nổi?”

CÁI CHẾT CỦA MỘT NGƯỜI

Phong hốt hoảng lại báo tin cho tôi:

– Thịnh chết rồi!

Tin bất ngờ đó càng làm tôi sửng sốt khi được Phong cho biết Thịnh chết vì tai nạn, một tai nạn quá thảm thương: Trên một quãng đường trong đô thành, sở Lục Lộ đương làm việc, dẫn cây để mở rộng đường. Một cây me đã xén hết cành, đào tận gốc, còn trơ lại cái thân lớn hai người ôm với bốn thước cao. Hồi 6 giờ rưỡi chiều hôm đó Thịnh phóng Mô-bi-lét vừa đến đấy thì, bạc phước làm sao, thân cây đổ xập. Khung Mô-bi-lét gãy vụn, vành bánh cong queo, Thịnh chết tươi! Máy người cảnh binh hợp lực cùng hơn chục người qua đường, tất cả phải khổ nhọc lắm mới khênh nổi thân cây me để rút cái xác dập nát của Thịnh ra.

Tuy không được chứng kiến cảnh đó, chỉ nghe Phong kể lại mà tôi cũng thấy bồi hồi thương cảm đến ngẩn ngơ.

Cái chết của một người, gây ra do sự bất cẩn của sở Lục-Lộ đô thành đã xúc động đến cực độ dư luận báo chí toàn quốc.

Thường thì khi nắp ván thiên đã đập lại để vĩnh viễn bế mạc một cuộc đời, các thân bằng cố hữu đương nhiên tránh mọi nhắc nhở đến những gì xấu trong dĩ vãng người quá cố. Riêng cái chết của Thinh với luồng dư luận đặc biệt, với một hậu quả đặc biệt, khiến tôi buộc lòng phải trình bày lại vài nét dĩ vãng của Thinh.



Tôi với Thinh không những cùng làng mà còn cùng xóm, vì vậy tôi hiểu rõ Thinh từ thuở chúng tôi còn để chỏm. Nhưng với tính tình bất biến của Thinh tôi có thể tả anh ở bất cứ quãng đời nào. Có lẽ tôi chọn quãng di cư vào Nam cho gần.

Tôi di cư vào Nam sau Thịnh ba tháng. Anh là công chức nên vào tới nơi được chính phủ cấp nhà cho ngay; còn tôi vốn đã thất nghiệp lại đến Sài thành đúng lúc nhà của khan hiếm nhất, nên tìm thuê được một khoảng nhỏ đủ kê chiếc ghế bố ngả lưng qua đêm cũng phải ngược xuôi chật vật quá lắm.

Tuy ngược xuôi chật vật mà tôi tịnh không bao giờ dám nghĩ đến việc tới ngủ nhờ nhà Thịnh một đêm. Một hôm tôi đến thăm Khải, em ruột Thịnh đã vào lập nghiệp trong Sài Gòn từ mười năm rồi. Vừa lúc tôi sắp về, Thịnh đến. Về mặt Thịnh niềm nở một cách trang trọng, anh nhắc lại chẳng biết lần đó là lần thứ bao nhiêu — ý định mua những thứ này... thứ này... làm quà cho vợ chồng Khải, nhưng vì di cư bằng máy bay, hành lý có hạn, nên lại không mua được thứ nào.

Khải gạt đi quây quây và nói:

– Khốn nạn các bác di cư vào đây, đông cháu như vậy cứ mang được ít đồ đạc đã nặng chết dở rồi còn gì. Bây giờ bác còn thiếu những gì xin cứ lại đây lấy của em về dùng.

Tôi đứng dậy chào mọi người và hẹn một dịp khác lại tới thăm vợ chồng Khải.

Tuy đi nhưng tôi thừa biết câu chuyện Thịnh tiếp tục sẽ ra sao, Thịnh sẽ hỏi ý vợ chồng Khải xem tôi đến có định nhờ vả gì chẳng. Thịnh sẽ không quên nêu lên một cách xa xôi và khách quan vài điều xấu về tôi. (Thịnh có một khuynh hướng hầu như bất di bất dịch là nói xấu một cách khéo léo và kín đáo những người vừa rời khỏi buổi họp mặt). Còn về Thịnh, anh quyết không quên câu Khải nói: « Bây giờ bác còn thiếu những gì, xin cứ lại đây lấy của em về dùng ». Tôi biết, thâm tâm Thịnh lúc nào chẳng sẵn sàng xem còn thiếu những gì, nhưng tôi lại biết hơn nữa Thịnh sẽ nói, trong một bầu không khí lâm li, tình anh em xa cách trong mười năm trường, rồi dẫn Khải vào dẫn câu chuyện với một tiểu xảo khiến Khải tự thấy anh đương thiếu gì (mà chắc chắn thứ đó Khải sẵn có)... để Khải vội vã tự nguyện ép anh phải mang về. Lúc đó câu chuyện hẳn chợt trở lại ồn ào tỉnh táo và Thịnh cực lực phản đối ý kiến của Khải. Sức phản đối nhất định sẽ yếu dần đi rồi sau cùng Thịnh đành nhượng bộ, miễn cưỡng

phải mang về những thứ đó với vài lời cảm ơn hoặc vài câu trách thân ái.

Sự tương phản giữa tinh thật thà trung hậu của Khải với tính tiêu xảo của Thịnh thực khôi hài quá lắm.

Khi đã may mắn tìm được chỗ ăn chỗ ở với một giá rẻ không ngờ 2.000 đồng một tháng, tôi mới tìm đến nhà Thịnh. Lẽ cố nhiên không phải tôi còn ưa Thịnh ở một điểm nào nhưng vì tôi ưa khôi hài. Ngay hồi còn ở Hà Nội cũng vậy, hễ gặp lúc nhàn rồi tôi lại đến thăm Thịnh để xem anh đóng kịch hoặc đẩy anh vào trò kịch. Âu đó cũng là một thú tiêu khiển mặc dầu nhiều khi tôi cũng thấy lộn ruột.

Tới nơi quả gặp anh đương đóng kịch.

Cháu vợ anh vừa đi taxi tới thăm vợ chồng anh.

Khi chiếc taxi đã rồ máy và mất hút vào phố đông, anh bảo thẳng cháu:

– Để chú giả tiền xe cho.

– Dạ cháu giả rồi ạ.

– Hôm nay ở lại ăn cơm với chú nhé.

– Thôi ạ, lát nữa cháu phải đi ngay vì có việc cần.

Thinh quay lại tiếp tôi:

– Thế nào tôi tưởng cậu ở ngoài đó với cụ.

Tôi đáp:

– Lạ gì cộng sản, ở với cụ làm cóc gì!

– Thế là cậu vào đây được bao lâu rồi nhỉ?

– Được hơn nửa tháng.

– Bây giờ cậu ở đâu?

– Định đến ở nhờ anh.

Thấy sự bối rối lộ ra quá rõ rệt trên gương mặt Thinh, tôi vội cười tiếp:

– Nói đùa đấy, tôi đã thuê được nhà rồi.

Thinh cười tươi tỉnh.

– Tôi lạ gì tính cậu chúa ghét ở chung ở đưng, cậu thêm gì ở nhà nhà tôi. Thế thuê nhà ở đâu? Thành.

– Ở đường Galliéni sát bên tiệm nhảy Kim Sơn, gần chợ Bến Thành.

– Ái già, thích nhỉ!

Tôi nhận giọng đáp lại nửa như khiêu khích nửa như riều:

– Thích chứ!

Tôi chào chị Thịnh vừa ra sửa soạn bàn thờ bày trên tủ gương. Chị che một mảnh báo trước gương, ý hằm để lát nữa lễ khởi có cảm tưởng là mình lễ mình.

Thịnh quay lại nói với thằng cháu giọng vô cùng thiết tha:

– Ở lại ăn cơm với chú thím cháu ạ, hôm nay rằm mà.

Rồi trong khoảng năm phút tôi thấy. Thịnh nhắc lại đến bốn lần nữa câu mời tha thiết đó để

rồi thằng cháu thực thà phải bốn lần đáp lại bằng một giọng vô cùng ân hận: « Cháu xin phép chú để cho khi khác lát nữa cháu phải đi ngay ».

Bỗng Thịnh hỏi - ý hẳn để thay đổi câu mời:

– Thế uống sữa với Ovaltine vậy nhé.

Thấy thằng cháu im lặng Thịnh vội nói:

– Không hẳn, ừ thì thôi, « nhân tâm tùy mạng mỡ ».

Tôi đã thấy chương tai và tự cảm thấy không thể chịu đựng tấn kịch được hơn nữa, toan đứng dậy thì Phong chợt đến, Phong cũng là người cùng làng. Anh làm thơ trữ tình nhưng lại ưa trào phúng.

Tính tình Phong chưa được thuần cho lắm nên anh thường hay đùa ác hoặc dễ nổi xung giữa « vở kịch ». (Lời lẽ của Phong lúc đó lẽ dĩ nhiên là không thơ chút nào).

Hồi còn ở Hà Nội có lần Phong gặp Thịnh ngoài phố bèn mời Thịnh đi ăn chả cá. Ăn xong

Thinh hồi hả rút ví trả tiền. Biết đó là một cử chỉ giả dối như trăm ngàn cử chỉ giả dối thường xuyên của Thinh, Phong bèn lờ đi như không biết. Chao ôi, là cay đắng! Thinh ra khỏi hiệu chả cá, mặt đỏ bừng, bước đi lảo đảo, mặc dầu anh không uống một ly rượu nào.

Phong đã tìm tôi ngay, thuật chuyện, rồi gặp người lại để cười.

Buổi chiều hôm đó Phong có mua đồ chơi cho các con Thinh, đắt gấp hai số tiền Thinh giả ở tiệm chả cá, nhưng kể từ đấy Thinh cách không thèm nhận lời mời đi ăn cùng Phong lần nào nữa.

Vào Sài Gòn lần đó cũng là lần đầu Phong đến thăm Thinh.

Thinh cười chào Phong rồi hỏi:

– Thế nào thi sĩ vẫn sáng tác?

Phong đáp rất gọn:

– Dĩ nhiên và rất đều.

– Nhưng cậu phải biết uống rượu mới được.

Cậu quên rằng ông nhà ngày xưa uống rượu là làm thơ?

– Nếu thế thì tôi phải học cả hút thuốc phiện nữa, vì thấy tôi ngày xưa còn hút thuốc phiện nữa.

Tôi bật cười và biết rằng để hai người tiếp tục câu chuyện thì thế nào cũng sắp xảy ra cuộc đấu khẩu – nhỏ thôi nhưng cũng mất thú – tôi bèn rủ Phong đi đến thăm Khải.

Thinh không hề mời hai chúng tôi ăn cơm, bởi anh thừa biết hai chúng tôi dám ở lại ăn lăm.

Ấy đó, đại khái Thinh như vậy. Anh là hiện thân của tiểu xảo ti tiện; người hiền lành thì không để ý, người đại lượng thì không chấp, còn hạng thể nhân thường tình thì đôi lần có tìm cách trả miếng nhưng về sau thấy Thinh vẫn chứng nào tật ấy họ đâm chán, đành lờ đi như không biết mà « kính nhi viễn chi ». Thành thử trên con đường riêng biệt của Thinh hầu như anh tiến rất thoải mái không gặp một trở ngại nào.

Thiết tưởng tôi chẳng cần phải rườm lời kể thêm. Những ai tế nhị chỉ cần giao thiệp với Thịnh hai lần là hiểu được hết lẽ lối sống của cả đời anh. Khi đó thì những lời bẻo lẻo rỗng tuếch kia nhỏ bé quá không đủ che đậy cho cái tâm thường, giả dối mệnh mông của tâm hồn anh. Người ta chỉ còn hoàn toàn thấy anh tượng trưng cho những gì mà mọi người thành thật khinh bỉ.



Nhưng cái chết thảm thương của Thịnh do sự bất cẩn của sở Lục Lộ đã gây công phần không riêng gì cho Phong, cho tôi mà cho tất cả mọi người.

Ngay chiều hôm xảy ra tai nạn, HIỆP HỘI BÁO CHÍ họp một buổi khoáng đại hội nghị bất thường, để rồi hôm sau tất cả các báo Việt ngữ trong toàn quốc, các báo Anh ngữ, Pháp ngữ tại thủ đô đều chưng lên những hàng chữ lớn báo tin bi thảm đó kèm theo những hình chụp đủ kiểu xác nạn nhân nằm và nơi xảy ra tai nạn.

Suốt trong một tuần lễ liền, dư luận báo chí toàn quốc theo dõi từng li từng tí cuộc điều tra của nhà chức trách. Các ký giả nêu lên câu hỏi: Tại sao cây đã đào sâu, cắt hầu hết rễ cái, rễ con mà còn để nguyên không ngã? Phải chăng lúc đó vừa đến giờ nghỉ, rồi nhân viên sở Lục Lộ thiếu lương tâm kia tự cho rằng bỏ thế ra về là hợp lý? Một ký giả khác viết lâm ly hơn:

« Thái độ cầu thả làm uổng một mạng người là thái độ thậm vô ý thức cần phải thẳng tay trừng trị. Con người đâu phải vô tri như cây cỏ, đâu phải cô độc như súc vật. Con người là một cái gì vô cùng cao quý mà tất cả kim ngân châu báu trên trái đất không thể chuộc lại đời sống đã mất. Con người còn có những dây liên lạc thiêng liêng với gia đình, với xã hội, với nhân loại. Coi rẻ mạng một người là coi rẻ cả nhân loại! »

Như trên tôi đã nói sự phẫn nộ đến cực độ của báo chí đã lôi cuốn sự phẫn nộ đến cực độ của đồng bào toàn quốc. Và tôi nghĩ rộng, sao lại không là sự phẫn nộ của cả nhân loại, nếu tin đó, hình đó được in bằng đủ các thứ tiếng, trên đủ

các thứ báo tại khắp mọi nơi? Nhất định không ai cần biết nạn nhân là một chính khách cao cấp, một nghệ sĩ trứ danh hay một người dân thường. Trước một cái chết thảm thương và oan uổng, nhân loại ngậm ngùi không mặc cả.

o O o

Chưa đầy một tháng, nhà chức trách đã điều tra xong tai nạn và cho công bố tên kẻ bất cẩn, vô lương.

Biện lý cục lập tức đưa kẻ đó ra tòa hình và mặc dầu có hai trạng sư biện hộ, tên đó vẫn lãnh năm năm tù ở không kể khoản tiền bồi thường lớn hẳn phải nộp cho gia đình nạn nhân. Cuối bản án tòa còn ghi chú: nếu trong một tháng bị cáo không nộp đủ số tiền bồi thường, tòa sẽ sai áp nhà cửa.

o O o

Cái chết của Thịnh đã khuyến cáo, không riêng gì sở Lục lộ mà tất cả mọi người, hãy nên có một tinh thần cảnh giác để triệt để tránh mọi phạm sinh mạng con người. Cái chết của Thịnh

không phải là sự hết sống của một cá nhân hèn mọn, tiểu xảo, ích kỷ không lợi gì cho chính bản thân bon chen của anh, không lợi gì cho gia đình anh. (Con cái Thịnh mong gì ở người cha như anh một gương giáo dục lành mạnh? Còn nói chi đến lợi ích cho nhân quần xã hội?) Cái chết của Thịnh không còn là cái chết của Thịnh nữa mà là cái chết của một NGƯỜI.

Và có lẽ đấy cũng là việc làm đầu tiên, việc làm độc nhất của Thịnh giúp ích cho đời.

(đăng trong tạp chí Sáng Tạo số 7 – tháng Tư 1957)

HƯƠNG NHÂN LOẠI

Thuở còn con gái, chị là một cô gái cấm cung, đúng là một cô gái cấm cung! Chị vẫn thường nhắc điều này với tất cả các bè bạn thân tình. Những ngày học, chị từ nhà (phố Hàng Vôi) đi thẳng đến trường Đông Chính (đại lộ Đồng Khánh); rồi tan học, vẫn lộ trình đó ngược chiều mà về. Lúc đi cũng như lúc về không cả ngoái cổ lại! Ngày nghỉ chị về trại - trại của đại gia đình họ Lê - ở Thái Hà Ấp, một khu trại rộng, rộng lắm! Ngày nay ôn lại trong trí, chị cũng chỉ biết nói thế chứ không sao ước lượng được diện tích nơi đó là bao nhiêu mẫu vuông. Xung quanh trại trồng tre, ôi chao, có những bụi tre già cao, thật là cao, thân tre đã ngả màu vàng, lá tre màu úa xám, trông cả bụi tre như con sư tử già ngồi đó ngằngh ngằngh với thời gian. Bên trong lũy tre là dinh cơ của gia đình chị, cùng những dinh

cơ khác của các chú, các bác. Dân chúng quanh vùng vẫn quen gọi nơi này: trại của gia đình họ Lê.

Từ phía Hà Nội về trại, chị phải đi thuyền qua một cái đầm vừa dài vừa rộng mà dân hàng ấp vẫn gọi là sông Ấp. Mỗi lần xuống thuyền sang sông chị có cảm tưởng như xuống thuyền tế độ sang đất Phật vì bao bụi bậm, bao âm thanh gợn đục của máy móc, bao ưu tư - người nào mà chẳng có ưu tư - đều ở cả bên này sông, phía Hà Nội. Mỗi khi từ bến thuyền lên bờ và đi vào bóng tre, rõ ràng là chị đi vào thế giới khác, một thế giới thần tiên: cảnh hiền hòa, người hiền hòa. Dinh cơ của gia đình chị cùng các dinh cơ khác của chú bác đều trồng rất nhiều hoa, hai bên lối vào trồng hoa mào gà đỏ tươi, rồi bên trong là hồng, thược dược, cúc... Ông cụ thân sinh ra chị, người rất hiếu khách, mâm cơm gia đình thường ngày nào cũng có hai hay ba người khách, rất vui vẻ. Rủi hôm vắng khách, ông cụ được dịp ôn lại mọi điểm sơ suất đã qua đem ra hạch mắng vợ con, thành ra cả nhà ai nấy mong ngày nào cũng

có khách. Mẹ chị thương chị lắm đã đành, nhưng hình ảnh ăn sâu vào tâm khảm chị nhất là hình ảnh bà nội. Tóc cụ bạc phơ, mắt đã kém, nhưng da thì hồng hào. Cụ chỉ mong chóng đến ngày Chủ nhật hay ngày lễ để các con cháu về trại. Về tới ngõ chị chạy một mạch tới cụ, tựa hồ chạy theo sức hút của nụ cười, nụ cười biết bao là thương mến, hiền từ nở trên môi cụ. Chị tưởng như bà nội mình đã già như thế từ lâu rồi và cũng từ lâu rồi cụ ngồi như thế để đón con cháu từ bên kia thị thành gió bụi trở về.

Ngoài ra còn một hình ảnh thứ hai cũng trung hậu như thế nhưng đượm vẻ trang trọng ngộ nghĩnh: Đó là ông chú, gia đình vẫn gọi là chú Huyện, ông đỗ Cử nhân tại trường thi Nam Định năm Duy Tân thứ ba (1909). Được bổ Tri huyện Đông Yên (Hưng Yên), rồi Kim Sơn (Ninh Bình), nhưng ông ít để tâm vào công việc hành chính, cả cuộc đời ông ngợp trong một đam mê duy nhất: địa lý. Bước vào cảnh trí nào ông cũng cố soi mói tìm kiếm đâu là con Mọc, đâu là con Hỏa... Đâu là huyết chính, đâu là huyết phụ...

Trong thời gian trị nhậm ở Kim Sơn, đã biết bao lần ông đi tới cầu Hàm Rồng, ra đứng giữa cầu nhìn xuống dòng sông Mã thăm thăm bên dưới với chủ tâm thiết tha là vạn hạnh, gặp khi dòng nước bên dưới xoáy cuộn thành một vũng trũng lớn - đó là lúc thần long há miệng - ông sẽ lao đầu xuống tự táng sống trong miệng rồng cho con cháu đời đời vinh hiển. Nhưng việc thần long há miệng là một việc thiên tải nhất thì, ông nghĩ có lẽ mình còn bạc phước chưa thể gặp lúc đó được. Rồi ông từ quan trở về sống ở trại của đại gia đình họ Lê, nhưng luôn luôn đi đây đi đó tìm những huyết tốt chuẩn bị mai táng cho những người thân trong gia đình và cho chính ông nữa. Việc quan trọng mà ông thúc giục mọi người phải thực hiện bằng được là mua trước một áo quan bằng gỗ vàng tâm cực tốt và những phiến đá có chạm những hình nổi để xây lăng mộ sau này.

Trở lại chuyện của chị, mỗi khi về Thái Hà Ấp nói chuyện với bà nội xong, chị thường lui tới quanh đây thăm các ông chú, bà bác, các anh em,

chị em. Tất cả mọi người niềm nở quý mến chị, chị như ngã từ bàn tay thương yêu này sang bàn tay thương yêu khác. Có lẽ vì vậy chị càng ngày càng đẹp, càng hiền. Rời khỏi nhà các chú, bác, chị đi thơ thẩn bên bờ ao, dưới gốc dừa hay dưới bóng tre, hơi mát thăm thẳm của nước, quện với hơi mát thơm nhẹ của lá cây rồi choàng lấy chị thành một tấm áo khoác vô hình dệt bằng tình thương yêu đặc biệt của thiên nhiên.

Về mùa thu, chị ưa ngồi bên bờ ao, ngay dưới gốc muồng để mặc cho lá muồng nhỏ như vàng diệp, vụn lăn tăn rụng xuống quanh người, chạm phải má phải tay, vương trên vai trên tóc. Chị lắng nghe thấy lòng mình rộng rãi nhưng trống trải buồn buồn. (Về sau này, khi đã từng trải nhiều trên đường đời, thỉnh thoảng chị vẫn chợt buồn êm ả để thấy mình trở thành trẻ thơ như vậy.)

Vì rất giàu tình cảm nên ở bài học khô khan nhất chị cũng gợi được lên trong lòng một hình ảnh gì.

Chị học sử thời trung cổ Pháp: “Sau khi Đại đế Charlemagne chết (814), con là Louis bất tài nên đế quốc bị xâu xé và phân chia làm ba: Một hoàng thân chiếm phần đất phía Đông sông Rhin tức nước Đức sau này; hoàng thân thứ hai chiếm phần đất phía trên phía Tây gồm các sông Escaut, Meuse, Saône, Rhône tức nước Pháp sau này; hoàng thân thứ ba chiếm khoảng giữa tức gồm cả nước Ý sau này.”

Học đến đây chị ngồi lặng và thấy trong tưởng tượng hình ảnh một cô gái tóc màu hạt dẻ, bất chấp cảnh loạn ly, vương quốc phân chia, đã từ địa phận nước Ý ngày nay vượt rặng Alpes, qua sông Rhône, qua rặng Jura để sang gặp người yêu tóc vàng đứng đợi nàng bên bờ sông Rhin.

Ngày chị đỗ Tú tài, chị cũng chạy từ ngõ vào báo tin mừng với bà nội và chị không quên được cảm giác vừa êm đềm vừa hãnh diện khi được bà nội ôm lấy chị và vỗ vỗ lên vai âu yếm gọi chị là “cô Tú”.

Chị lại sang báo tin đó với chú Huyện. Bằng một giọng vô cùng trịnh trọng, chú nói với chị:

– Mày còn đồ cao nữa con ạ, ngôi mộ tiếp phúc cụ tứ đại đối với chú và ngũ đại đối với mày ở cánh đồng làng Tía, Hà Đông đặc địa. Tả thanh long, hữu bạch hổ! Phía Đông tay long thật là dài, nhưng bị con sông máng xiên chéo vào một chút nên con trai chi nhà tuy vẫn làm nên đấy mà có đôi phần chật vật, đến tay hổ phía Tây thì đẹp hoàn toàn; mày còn đồ cao nữa con ạ!

Rồi tất cả ông chú bà bác trong trại cũng gọi chị là “cô Tú”. Ông anh họ chế:

Ai đi chợ Ấp qua ông

Hỏi thăm cô Tú có chồng hay chưa?

Chị thoát cười ngượng ngập sau chị cũng liêu mà đáp đùa:

Có chồng năm xưa năm xưa

Năm nay chồng bỏ nên chưa có chồng.

Ngay năm đó chị lấy chồng, một nhà luật học xuất chính. Mỗi khi cùng chồng về trại, tới ngõ

chị vẫn chạy một mạch tới bà nội trước: cụ vẫn ngồi như thế để đón các cháu ở bên kia thị thành về. Năm đó bà nội yếu lắm, cụ biết trước từ nửa năm là cụ chết. Giờ hấp hối của cụ, có chị ngồi bên.

Bà cô cúi xuống nói với cụ:

– Tất cả mọi việc tang ma chúng con đã chuẩn bị đầy đủ như ý cụ đấy, cụ có dặn gì thêm không?

Cụ hơi mỉm cười tỏ vẻ hài lòng. Chị cúi xuống mắt rơm rớm hỏi thêm một lần:

– Bà có còn dặn gì nữa không?

Chị thấy bà nội thu hết tàn lực để nói một tiếng cuối cùng:

– Thôi...ô...i...i.

Tiếng “Thôi” như không phải thốt ra ở miệng cụ mà là vẳng tới từ một thế giới nào. Rồi cụ chết. Rất bình thản! Nụ cười chờ đón con cháu còn phảng phất trên môi. Chị không khóc nữa vì cảm

thấy bà nội với nụ cười hiền hậu của người trở vào sống vĩnh viễn trong lòng chị.

Một năm sau thầy chị mất.

Việc phân kim để mả cho bà nội cũng như cho thầy chị lẽ cố nhiên do chú Huyện phụ trách với tất cả thành kính của ông. Chị thương mẹ từ đấy một mình thui thủi trong dinh cơ rộng của gia đình, ông anh chị qua Pháp học từ lâu đã thành tài mà không chịu về; còn chị, chị phải theo chồng vào Trung rồi vào Nam. Thoạt đầu là những ngày giàu sang rực rỡ, nhưng sau chồng chị có tham gia hội kín chống thực dân, việc bại lộ phải trốn đi nước ngoài. Chị một mình ở lại nuôi đứa con gái đầu lòng và phải đến ở nhờ trại của gia đình một người bạn thân, trại này gần rừng Tây Ninh bên bờ sông Vàm Cỏ Đông, cảnh trí nhắc nhở lại một phần nào “trại của đại gia đình họ Lê”. Có những hôm máy bay thật thấp như sà xuống dòng sông, gió như lửa vào hồn chị. Hình ảnh bà nội với nụ cười hiền hậu hiện lên khiến những sầu muộn lo âu của cuộc đời bỗng thoáng qua như gió hè; chị thấy tâm hồn

trong suốt như con sông ập về mùa thu, gió thu thổi làm say rộn lòng người, nhưng lại làm lắng các dòng sông; chị nhớ những bụi tre già cổ kính rất hiền lành trong những trưa hè nắng gắt, rất thơ mộng trong những đêm trăng sáng và rất bí hiểm - thứ bí hiểm chở che gìn giữ - trong những đêm không trăng sao, gió rít từng hồi. Tất cả những hình ảnh đó, những kỷ niệm đó vây bọc lấy chị như từng lớp không khí vây bọc lấy trái đất để gìn giữ sự sống nơi đây và ngăn giữ những lực lượng phá hoại từ bên ngoài vũ trụ vào.

Chị đi dạy học kiếm thêm tiền giữ vững mức sống cho con. Chị nhìn nụ cười của con như nụ cười của hy vọng, như nụ cười của tương lai.

Chính quyền thực dân chấm dứt, chị được gặp chồng, nhưng sự tranh chấp địa vị cùng ảnh hưởng của các đảng phái diễn ra dưới một vẻ khác không kém khốc liệt và còn chua xót gấp bội vì là cảnh cốt nhục tương tàn trong lặng lẽ trong nham hiểm.

Một buổi trưa thẳng Nam, phó trưởng lớp hốt hoảng chạy đến báo tin với chị:

– Thưa cô, thẳng Tiến chết rồi.

Tiến là tên trưởng lớp. Chị hỏi:

– Chết chưa, sao Tiến chết ? Buổi học ban sáng Tiến có đi học mà.

– Thưa cô nó bị bắn, nó bị xử tử, nó phản đảng.

Ồi chao nói chi những câu to chuyện, xử chi quá tàn ác với một tên học sinh còn vị thành niên?

Tội nghiệp thẳng Nam mặt xanh như chàm đỏ, đỉnh đầu nó có một u lớn. Thoạt chị tưởng nó vỡ đầu phải rịt thuốc dầu, té ra đó là óc thẳng Tiến bắn tóe tung sang.

Rồi những cảnh đêm hôm cướp bóc, có người chỉ giắt trăm bạc trong mình mà uống mạng. Đàn gà năm chục con của chị bị chúng bắt giữa ban ngày mà không dám nói gì.

Rồi tiếp tục những tin người này bị xử tử ngay trong ngục, người kia bị xử tử ven rừng hoặc vì tội rắp tâm ở hai lòng. Tất cả những sự giết chóc ghê gớm và công khai đó đều nhân danh tổ quốc và công lý mà làm.

Hoàn cảnh có hãi hùng, chị có gầy đi nhiều và già đi nhiều hơn nữa, nhưng trí lực rõ ràng không hề bị mòn mỏi, chị thường xuyên được tiếp tế sinh lực bằng nụ cười bất tuyệt của bà nội, cùng bóng mát của lũy tre ấp, hơi mát của sông Ấp. Những hình ảnh đó đã thiết lập vĩnh cửu trong hồn chị để trở thành linh hồn của linh hồn chị.

Nghe lời chồng, chị mang con về Bắc. Chị được gặp lại mẹ. Bà cụ khóc từ trường bay về tới Thái Hà Ấp chỉ vì thấy con gái đen, già, xấu đi.

Đó là vào khoảng giữa năm 1953.

Một tháng sau có tin đảng của chồng chị thắng thế, anh sửa soạn sang Pháp công cán chừng một năm. Biết chị thường thở than về việc trước đây theo đại học dở dang, anh viết thư hỏi

chị có muốn cùng sang Âu Châu tiếp tục việc học? Mẹ khuyên chị nên đi Âu Châu nghỉ mát ngay cho... lại người (cụ không chú trọng đến việc học), đưa con để lại cụ nuôi. Thế là chị đi Âu Châu cùng chồng, thoát ở Pháp ít lâu rồi sửa soạn giấy tờ sang Luân Đôn một mình. Trước khi đặt chân vào đất nước Anh, chị phải mở một ngân khoản tại nhà băng Luân Đôn y như phải đặt tiền cược trước; chị phải ký giấy không được làm việc gì kiếm ra lương tại nước Anh (trừ việc trông con thuê, các bạn bảo chị thế); chị được báo cho biết trước trong ba năm chỉ được vào và ra nước Anh một lần... Quen nếp sống cởi mở ở nước nhà, rồi ở Pháp, chị thoát khó chịu trong lòng nhưng vẫn giữ được bề ngoài bình thản, rất bình thản. Chị ghi tên vào Davie's School theo học ban văn chương. Trong một trò chơi viết giấy kín nặc danh, đã có bạn đồng học ghi về chị: Mrs Placid (Bà Bình Thản).

Chẳng bao lâu mãi miết với văn chương, chị cũng quên khuấy những bức dọc nhỏ đó. Đắm mình trong thế giới văn chương, tâm hồn chị

rung lên một hòa điệu nhẹ nhàng mà thanh khiết. Chị tiếc là mình đã khám phá ra mình hơi muộn. Dù sao - chị nghĩ - muộn còn hơn không.

Chị học cùng lớp với một bà hoàng Đông phương. Đã xa rồi những ngày phong trần, cô độc, kinh hoàng, ngày nay chị khôi phục lại sắc đẹp thuở trước, thuở:

Ai đi chợ Ấp qua sông

Hỏi thăm cô Tú có chồng hay chưa.

Chị đẹp mượt mà hơn bà hoàng, chị còn phóng khoáng, thanh thoi, hồn nhiên hơn vì không bị tù trong hàng rào vương giả.

Trong chương trình học, chị đặc biệt chú ý đến giai đoạn hoàng kim của nữ sĩ Anh dưới triều đại Victoria, thế kỷ XIX. Chị mến George Eliot vì bà đã khéo dạy cho thế nhân thấy rằng những tâm hồn bé nhỏ, thấp kém cũng xôn xao vì yêu đương, cũng khổ đau vì suy nghĩ. Đọc văn Eliot, chị cảm thấy náo nức và tình thương như

mở rộng để đón toàn thể nhân loại. Chị là người đàn bà Việt Nam chùng mịch, trong sáng nhưng chị có thừa trực giác bén nhạy của người Việt để thông cảm những đam mê cuồng nhiệt tàn phá những tâm hồn đàn bà đã tự buông mình vào vực thẳm tình ái dưới ngòi bút của Emily và Charlotte Brontë. Chị rõ ràng thấy mình cũng đa cảm ưa đòi hỏi công bằng xã hội, cũng yêu chồng, yêu trẻ thơ như nữ sĩ Elizabeth Barrett Browning, cũng muốn cùng Christiane Rossetti vươn lên cõi cao cả của Đạo Đức của Trong Sạch...

Chị đã cùng các bạn đi Stralford-upon-Avon xem kịch Shakespeare, những vở kịch dưới hình thức quái đản mà thắm tình người. Lúc học gần hết chương trình, chị suy nghĩ thấy mặc dầu thế sự phù du, chị vẫn có thể chiếm lĩnh vĩnh cửu dòng đời bằng cách giữ cho tâm hồn trong trẻo như dòng sông Ấp, thanh bình đơn giản như bóng tre ấp và hiền hòa như bà nội già không biết tự thuở nào, suốt đời ngồi bên cửa đợi con cháu. Niềm vui như làm ấm lòng chị, mặc dầu trời đã về chiều, khá lạnh, chị cũng ra ngả sáu

Piccadilly Circus ngồi quay lưng vào tượng Eros xem người và xe cộ đi lại như mắc cửi, cùng là nhìn những tấm biển quảng cáo làm bằng đèn nê-ông ngũ sắc sáng rực cả ba mặt phố ngã sáu.

Tình cờ chị ngồi bên một thiếu nữ Anh. Nàng là nữ tài tử của một đoàn ca vũ nổi tiếng đã từng biểu diễn tại hầu hết các kinh đô lớn Âu Á. Khuôn mặt nàng hiền dịu khiến chị liên tưởng đến những vần thơ của Elizabeth Barrett Browning. Nàng thủ thỉ nói với chị: “Tôi đi gần khắp thế giới, tôi thấy người ở đâu cũng giống nhau, cũng những tình cảm ấy: Tình cha con, tình gia đình, tình vợ chồng...” Chị gật đầu biểu đồng tình, rồi dịch cho cô bạn đó nghe câu thơ bất hủ của Nguyễn Trãi viết từ tiền bán thế kỷ 15: “Cũng nhân tâm ấy, há thiên lý nào.” Và khi một mình trên đường về, chị đã nhắm đọc mấy lời thơ của Elizabeth Barrett:

“Thiếp yêu chàng với lòng yêu tha thiết mà
thiếp gửi theo những kẻ thân yêu đã khuất bóng.

Thiếp yêu chàng bằng hơi thở, bằng những nụ cười, bằng những giọt lệ của cả đời thiếp.

Và đúng với ý Thượng đế thì sau khi chết thiếp sẽ yêu chàng hơn nữa.”

Chị đọc những câu thơ trên rất khẽ, trù mến như đọc thơ của chính mình và trong cùng thăm tâm hồn, chị thấy chữ “chàng” kia không phải chỉ riêng chồng chị mà chỉ chung cả quê hương với biết bao hình bóng thân yêu.

“Thiếp yêu chàng bằng hơi thở, bằng những nụ cười, bằng những giọt lệ của cả đời thiếp!”

“I love thee with the breath, smiles, tears of all my life.”

Về tới phòng trọ, chị nhận được thư của chồng từ nước nhà gửi tới. Tình hình chính trị lại một phen thay bậc đổi ngôi. Chồng chị hoàn toàn đoạn tuyệt với chính giới, trở về nghề luật sư. Con gái chị đã được bà ngoại mang vào Nam cùng với làn sóng người di cư. Chị cho đó đều là

những tin vui. Ba tháng sau thi đỗ, chị trở lại Ba Lê đợi ngày về nước sum họp với mẹ, với con, với chồng.

Trong khi chờ đợi chị có dịp đọc mấy tác phẩm của một “giáo chủ” phái hiện sinh vô thần. Chị hã hủn tự hỏi:

- Có thực cuộc đời bi quan đến thế?
- Có thực hiện hữu của con người và của thế giới là vô lý buồn nôn và phiền não?
- Có thực cuộc sống lột trần chỉ là những khối kỳ quái nhão nhoét hỗn độn trần trướng?
- Có thực là con người hậm hực với nhau, khinh ghét nhau, ghê tởm nhau đến nỗi đi tới kết luận: “Địa ngục chính là những kẻ khác... Dao phủ thủ chính là mỗi người trong chúng ta đối với nhau?”

Không, tâm hồn chị đã bắt rễ để được nuôi nấng tự quê hương với dòng sông, với con thuyền, với bóng tre, với bà nội... Cuộc đời - ít nhất là với

chị - không thể thế được. Chị nhớ lại lời chồng trước đây khi phê bình về khía cạnh không hay của văn minh Tây phương:

“Nơi đây người đã nô lệ cho cái do mình phát sinh: máy móc! Rồi người lại kiêu hãnh dùng cái nó nô lệ mình là máy móc để nô lệ hóa kẻ khác!”

Cuộc đời ở đây buồn nôn vì thế chẳng? Dầu sao những tác phẩm kia đối với chị chỉ là cách nhìn chẻ sợi tóc làm tám, cách làm trò quỷ thuật bằng lời. Dùng nó làm phương tiện giải trí chốc lát thì được, quá chuốc lạ mà coi đó làm của báu tức là nhìn một thớ cây mà quên rừng, nhìn sự vận chuyển của một tế bào mà quên cả cuộc sống hỗn nhiên, toàn diện, cụ thể.

Chị đã bỏ lăn lóc mấy cuốn sách trên lò sưởi như đứa trẻ chán xem trò xiếc và nhớ sữa mẹ.

Bỏ xem “trò xiếc bằng lời”, chị theo người quen về một vùng quê thuộc Villeneuve-sur-Fère cách Ba Lê chừng 30 cây số. Mùa thu ở đây sao mà đẹp, lá đỏ rực lẫn với màu táo chín.

Cuộc đời đâu có buồn nôn?

Chị gặp một cô gái má đỏ hây đẩy xe cho con đi chơi, đứa con không chống mà có. Mấy bà đứng tuổi âu yếm xoa má, vuốt tóc đứa bé và hỏi đùa người mẹ trẻ: “Thế nào anh ấy vẫn mạnh chứ?” rồi cả đôi bên cùng cười xuê xoa.

Người đâu có nhất thiết tạo thành địa ngục cho nhau, nhất thiết là đao phủ thủ của nhau?

Một tháng sau chị lên máy bay về nước. Mẹ ra tận sân bay đón chị và ôm chị y như bà nội đã ôm chị dạo nào chị vừa đỗ Tú tài. Đứa con gái chị chóng lớn trông thấy; khỏi phải nói nó mừng được gặp chị như thế nào. Rồi lòng chị rưng rưng chăm chú ngắm mẹ bước đi trước, một tay của chị chống nắm lấy còn tay kia chị giơ ra nắm dắt đứa con.

Chị trở về nghề dạy học.

Vừa gần hết hè chị nhận được tin buồn: ông chú - chú Huyện - ở lại ngoài Bắc đã bị mang đi

đấu tố ở một nơi xa. Họ không tổ chức đấu tố ở ngay ấp vì gần Hà Nội. Chiếc áo quan bằng gỗ vàng tâm của ông bị phá làm bàn học bình dân học vụ, những phiến đá dự định xây quanh mả bị khiêng ra đặt vào những quãng đường lầy lội...

Vừa dịp chồng chị phải lên Banmethuot cãi một vụ hình tại Tòa án đệ nhất cấp. Chị đã lên xe hơi cùng chồng trong chuyến đi đó để khuây khỏa nỗi lòng.

Suốt dọc đường Sài Gòn-Banmethuot, mỗi khi ngừng nói chuyện với chồng chị lại suy nghĩ về ông chú vừa bị cộng sản dùng “nhân dân” hành xử. Chị nghĩ đến chuyện xưa mấy lần ông ra giữa cầu Hàm Rồng sẵn sàng nhảy xuống, ông sẵn sàng hy sinh cho sự thành đạt của con cháu. Nội dung của niềm tin có thể thay đổi tùy nơi chốn, tùy thời đại nhưng thái độ tin ngộ ngĩnh, hồn nhiên, chân thành đó ở vào thời đại nào và ở bất cứ đâu cũng là đáng quý. Chị tin rằng với những vẻ đẹp đó của tâm hồn, cái chết chỉ là một biến chuyển ảo hóa. Cộng sản giết được ông chú chị, nhưng chắc chắn không giết được ước nguyện hy

sinh cho con cháu của ông. Cộng sản phá quan tài của ông làm bàn học, quẳng những phiến đá xây mộ của ông ra chỗ lầy lội nhưng không hủy được nấm mộ thật đẹp với những phiến đá chạm hình nổi uy nghi do ông đã tự xây bằng khát vọng trong bao nhiêu năm thuở sinh thời. Chú Huyện, cũng như bà nội, cũng như thầy chị, cũng như muôn vản vẻ đẹp tương tự không chết. Trong thế giới tâm linh huyền diệu của nhân loại, những vẻ đẹp đó như đã từng tồn tại từ một quá khứ vời vợi nào và còn tồn tại mãi với thời gian lang thang bất tận để biến thành những lớp sóng dạt dào của kỷ niệm.

Ngủ ở Banmêthuột, sáng sớm hôm sau chị nghe có tiếng ồn ào bên trại lính: thì ra đêm hôm qua có con rắn lớn ở ven rừng bò vào, nằm dưới một chiếc Jeep, thầy cai trông thấy, lẳng lẳng lên xe mở máy cho bánh sau cán lên giữa khúc rắn, các bạn đồng đội của thầy chỉ việc kiếm gậy đập nát đầu rắn. Câu chuyện xôn xao được một lúc buổi sáng rồi dòng đời nơi đây lại thản nhiên trôi qua với tiếng cười đùa của sĩ quan, của binh lính,

với tiếng máy xe Jeep, xe GMC nổ ròn rảng, với mùi ét-săng khét nồng... Cái chết của con rắn - cũng như cái chết của biết bao kẻ bất nhân khác trên cõi đời - chẳng còn để lại một tiếng vang nào khác trong lòng người. Sự kiện tâm thường này xảy ra đúng lúc đã giúp chị khám phá được lẽ huyền diệu của sinh tử. Tâm hồn chị mở rộng ra và vững chãi hơn.

Công việc biện hộ tại tòa án xong ngay buổi sáng hôm ấy. Buổi chiều chị theo chồng lên xe đi thăm một người bạn Đại úy Tiểu đoàn trưởng ở cách Banmethuot năm cây số trên con đường vào hồ Lạc Thiện. Câu chuyện bằng hữu hàn huyên mãi đến hai giờ sau mới có thì giờ ra ngắm địa điểm quanh vùng.

Đại bản doanh đóng ngay trên đỉnh một ngọn đồi mà người dân quanh vùng lấy ngay tên của tiểu đoàn để gọi: “Ngọn đồi Tiểu đoàn 5”. Ngay trước mặt chị là một khoảng rừng cỏ cao tới ngang ngực. Khoảng rừng cỏ đó có mất hút ngay vào cả khoảng rừng mênh mông trọn vẹn bao trùm lên các đồi thoải thoải, từng đám rộng

những bông cúc rừng đua nở, từng bông như hình bông thược dược nhưng cánh hoa vàng ươm. Chính thứ cúc đại mộc khắp các nẻo cao nguyên vào đạo này làm thành một màu sắc mùa thu ít nơi rõ rệt bằng. Chị được một người lính cho biết thứ cây đó lại là món ăn ưa thích của loài nai nên ngay từ chập tối ở trại lính này đã có thể nghe thấy tiếng nai kêu. Chị ngừng nhìn vòm trời: một màu vàng tía bao la như đương muốn sà xuống ôm gọn lấy cả vùng rừng núi cao nguyên. Chị theo dõi một bóng mây hiền trôi về phía mặt trời lặn, đẹp một vẻ đẹp hoang vu mà huy hoàng.

Khoảng rừng thấp chạy dài theo dòng suối dưới thung lũng bắt đầu chìm dần vào màu sương bạc vào con đường mòn đất đỏ vắt qua lưng đồi cao gần đấy chỉ còn là một nét quanh co mơ hồ.

Đã có tiếng nai kêu thì phải. Ánh hồng lưu luyến trên đỉnh trời tự xóa nhòa trong cái thăm thẳm của vũ trụ như một ý niệm về hỉ xả. Trong ánh chiều chạng vạng, đỉnh đồi chị đương đứng như cao lên khiến tay chị có thể với chạm sao.

Gió chiều thổi lộng và chị nghĩ rằng tóc chị giờ đây đương phơ phất cùng một nhịp với mái tóc cỏ hoa của trái đất trong nhịp đi hải hà của vũ trụ. Trong giây phút thần kỳ đó, chị bỗng thấy mình đẹp tuyệt vời vì tâm hồn đã quy tụ được vào điểm khởi đầu của vũ trụ y như chú Huyền đã gặp được lúc thần long há miệng để lao mình xuống dòng sông Mã. Phải tâm hồn chị đã quy tụ được vào điểm khởi đầu của vũ trụ, rồi tự điểm nguyên thủy đó hương nhân loại lâng lâng tỏa ra bốn phương tám hướng vô cùng với không gian, vô tận với thời gian.

Chị nghĩ rằng kể từ đây, chị sẽ đẹp mãi mãi.

CHIẾC CHIẾU HOA CẠP ĐIỀU

Quê tôi cách Hà Nội chừng 5 cây số. Khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ thì gia đình tôi tản cư lên Nhã Nam thuộc huyện Yên Thế, Bắc Giang.

Đến năm 1948, khi cậu tôi từ Vĩnh Yên lên thăm chúng tôi lần đầu thì toàn thể gia đình tôi ai nấy đã có màu da nửa vàng nửa xám xit vì sốt rét rừng.

– Anh chị phải cho các cháu tản cư về mạn dưới như chúng tôi. Lời cậu tôi nói với thầy mẹ tôi – chứ cứ như thế này thì không chết cũng chẳng còn ra hồn người nữa.

Sau ngót hai năm tản cư gia đình tôi khánh tận rồi. Có lẽ vì nghĩ vậy nên thầy mẹ tôi tìm cách nói khác:

– Ngày xưa vùng Yên Thế Thượng này độc thật, nhưng nay vì có nhiều người lên khai phá nên khí hậu cũng không đáng ngại lắm.

Cậu tôi không chịu:

– Anh chị về Vĩnh Yên gần chúng tôi cho có anh có em, vừa tránh được nạn sốt rét rừng, vừa có cơ buôn bán khá (dạo đó Vĩnh Yên còn là cửa ngõ của việc thông thương giữa Liên Khu III với Việt Bắc).

Rồi cậu tôi về Vĩnh Yên. Hai tháng sau người lại lên, nhất quyết đón gia đình tôi xuôi, nói là nơi ăn chốn ở đã thu xếp đâu vào đó cả.

Thế là gia đình tôi xuôi Vĩnh Yên. Còn một mình tôi ở lại Sở Thông tin Liên khu I. Công tác của tôi là đi tuyên truyền mười điều kháng chiến trong toàn huyện Yên Thế.

Vì lưu động như vậy nên tôi cũng quên đi nỗi buồn gia đình phân cách đôi nơi.

Nỗi buồn đó chỉ đến thắc mắc lòng tôi mỗi khi trở về trụ sở kiểm điểm công tác. Trụ sở Thông

tin ở một làng bên tả ngạn sông Thương, gần một bến đò đẹp vào bậc nhất Bắc Giang: bến đò Lục Liễu. Để tăng phần thơ mộng cho cái tên đó tôi vẫn thường dịch nôm là “Bến đò liễu xanh”.

Thơ của em tôi tới báo cho hay gia đình đã tới tản cư cùng làng với gia đình cậu mợ tôi. Làng đó ở ngay bến Rau, bên này là Vĩnh Yên bên kia là Sơn Tây, rất thuận tiện cho việc buôn bán.

Rủi thay, thấy mẹ tôi vừa đến Vĩnh Yên thì quân Pháp mở chiến dịch càn quét khắp vùng Sơn Tây, rồi thiết lập thêm đồn quân dọc theo hữu ngạn sông Hồng từ Sơn Tây ngược lên đến Việt Trì. Các ngã đường giao thông với Liên khu III đều bị quân Lê Dương phục kích ráo riết.

Cậu tôi đã rơi vào ổ phục kích của chúng, giấn vốn khánh tận may thoát được người. Mẹ tôi phải ngưng chuyện buôn bán.

Nghe nói làng N.H. bên hữu ngạn sông Đáy gần chân dãy núi Tam Đảo là một làng trù mật, buôn bán dễ, gia đình tôi bèn thuyền chuyển đến đây theo sáng kiến của mẹ tôi. Khi tới nơi, mẹ

tôi mới thấy rằng mình đã lầm. Trước đây một năm thì địa điểm này buôn bán được vì hầu như dân chúng toàn hạt Vĩnh Yên đổ xô về để tránh Pháp tấn công, nhưng nay tình hình tạm yên ai nấy trở về chốn cũ, địa điểm N.H. trở lại vẻ trầm mặc của chốn chuyển tiếp giữa vùng trung du bên dưới với vùng đèo heo hút gió bên trên.

Vừa lúc đó tôi xin thôi ở Sở Thông tin về.

Mẹ tôi mừng lắm vì người vẫn thường nói: “Thời loạn lạc gia đình nên gần nhau, nhờ có thế nào...” Hình như trong óc người – có thể nói trong óc mỗi người trong gia đình tôi – đều luôn luôn lo sợ cảnh một người bị chết vì bom đạn rồi mất xác vì gia đình không kịp biết để nhìn nhận. Niềm vui đoàn tụ giúp chúng tôi bớt buồn nản khi thu xếp gồng gánh trở lại huyện Yên Lạc. Lần này, gia đình tôi không dám ở gần bến đò Rau nũa vì sợ phi cơ oanh tạc, mà ở một làng cách huyện Yên Lạc chừng gần một cây số.

Gia đình cậu tôi ở ngay làng bên. Lẽ cố nhiên cả hai gia đình chúng tôi cùng nghèo túng lắm, nghèo túng đến nỗi cậu mợ tôi, thầy mẹ tôi cùng

không dám sang thăm nhà nhau, chỉ chiếu chiếu ra gặp nhau trên quãng đường đá nổi huyện Yên Lạc với bến đò Rau.

Tôi gặp lại người yêu cũ từ Phủ Lý (Khu III) chạy lên. Chúng tôi thành vợ chồng, tuy có ký giấy tờ tại Ủy ban Kháng chiến Hành chính Huyện – cậu mợ tôi là những người làm chứng – nhưng đám cưới hoàn toàn êm ả y như một đám cưới vụng trộm.

Em gái lớn tôi xoay đi buôn gạo, ngày ngày kịu kịt đi về 20 cây số kiếm chút lãi. Ở Yên Thế, tuy bị sốt rét nhưng nhà ở giữa rừng ít lo bị địch tấn công bất ngờ; tuy cũng nghèo túng nhưng còn có đất rộng để trồng gia rau cỏ và nuôi được lợn gà.

Về đây những buổi ăn cháo ngô trừ bữa, mẹ tôi thường có ý khép cửa giữa lại.

Em gái tôi đã phải đi chợ thật xa để đóng gạo rẻ mà rồi tính ra lời lãi cũng chẳng được là bao. Các cụ giải thích hiện tượng kinh tế này bằng câu: “Thóc gạo có tinh”. Mẹ tôi làm tương, gánh

đi các chợ xa bán để kiếm tiền thêm. Vợ tôi tạng người yếu nhưng khéo tay, không làm được việc nặng, nàng phụ trách những việc nhẹ như rang đỗ tương, ủ mốc, pha muối vào nước tương...

Đạo đó trường Luật mở ở gần chợ Me (Vĩnh Yên), tôi có ghi tên theo học hết năm thứ ba, hy vọng thành tài sẽ ra thẩm phán, đồng lương họa có cao để giúp gia đình. Vì hoàn cảnh kháng chiến, các giáo sư thường từ nơi xa lại trường sở dạy liền trong mấy ngày, sau đó sinh viên tìm tài liệu tự nghiên cứu thêm. Có khi thời gian nghiên cứu lấy dài hơn một tháng mới có giáo sư mới. Tôi triệt để lợi dụng khoảng cách này để bon về giúp đỡ gia đình những công việc nặng.

Mùa đông năm đó rét lạ lùng. Gió hun hút giạt từng cơn buốt như dao cắt từng mảnh thịt hở, thế mà hôm nào mẹ và em gái tôi cũng phải dậy từ bốn giờ rưỡi sáng để sửa soạn gồng gánh ra đi. Quần áo và chăn chiếu của gia đình tôi thiếu rất nhiều. Thằng em thứ ba của tôi có được cái chiếu rách mướp vừa nằm vừa đắp, chân thò ra ngoài thì nó lấy rơm phủ lên.

– “Ấy cứ thế mà ấm ra phết anh ạ!” – Nó vừa cười khoái chí vừa nói với tôi như vậy.

Các em trai em gái của tôi đã lớn cả, chúng tôi hầu như thường xuyên thi đua trong việc nhường nhịn nhau. Mẹ tôi chỉ còn thắc mắc về thằng em út của tôi. Nó mới lên bảy, còn nhỏ tuổi quá chưa thể tìm nguồn vui tinh thần để quên đói rét, nhất là rét. Tương đối với cả nhà nó được mặc lành nhất. Nó mặc cái áo đỏ chót có những vệt chữ nho đen và những đường kim tuyến (nguyên đó là chiếc câu đối người ta phúng bà tôi hồi chưa kháng chiến). Câu đối đỏ thì may áo, còn nẹp sa-tanh vàng mẹ tôi gạn may thêm cho nó chiếc áo di-lê. Chúng tôi gọi đùa nó là “anh cờ đỏ sao vàng”. Đêm đến rét quá không đủ chăn ấm, nó thường khóc khậm khạch. Chỉ cần có thêm đôi chiếu nữa thì cả nhà đủ ấm.

– “Chiếu cói kỵ gió.” – Mẹ tôi nói thế.

Nhưng đến ăn còn chẳng đủ làm sao chúng tôi mua được đôi chiếu bây giờ?

Hôm đó, suốt từ sáng sớm đến trưa, phi cơ bay từng đoàn bắn phá và dội bom liên tiếp xuống các chợ lân cận: chợ Me, chợ Vàng, chợ An Lạc... Mọi ngày chỉ khoảng bốn giờ chiều mẹ tôi đã có mặt ở nhà, ngày đó trời đã xế chiều mà người vẫn chưa về. Toàn thể gia đình tôi bắt đầu sốt ruột tuy không ai nói một câu.

Chiều ngả màu sẫm. Gió bắc rít trong bụi tre già làm nên cho tiếng khàn khàn của cửa cửa lũ quạ lục đục trong tổ, gió bắc xoáy từng vòng cuồng loạn dứt từng vốc lá tre, lá bưởi vàng úa rồi lại nhào vút mất hút ra ngoài cánh đồng bát ngát và hiu quạnh.

Mẹ tôi vẫn chưa về.

Trong óc tôi thoáng hiện những cảnh chợ bị phi cơ tàn phá, những hình người không kịp xuống hầm bị đạn chết gục bên cột lều tay còn quờ ôm những đồ hàng của mình, những hình người bị bom napalm thiêu rụi như những thân chuối cháy đen... Và tôi vùng ra cổng.

Thầy tôi biết ý hẹn với:

– Con cứ thẳng đường ra bến Rau, mẹ con thường về đường ấy.

Ra tới cổng làng, tôi đi như bay theo đường đã định, cổ họng nghẹn ngào, dạ cồn lên như lửa đốt. Con đường như rộng thênh thang; cánh đồng ngập trong bóng chiều xám và trong gió bắc, càng trở thành mênh mông. Tôi vun vút nhảy qua các hố phá hoại mà đi như một bóng ma cô độc đương muốn biến theo luồng gió.

Từ xa như có bóng người đi lại. Chắc người đó ở chợ Rau về. Để tôi phải hỏi tin tức về việc phi cơ địch oanh tạc hôm nay.

Hình như trên đòn gánh người đó có vắt ngang một cái gì.

Tôi lướt vội lên. Trời ơi, mẹ tôi!

Hai mẹ con mừng mừng tủi tủi như gặp nhau ở cửa âm ti.

Tôi hỏi:

– Sao mẹ về muộn quá thế, cả nhà lo tưởng phát điên lên.

Mẹ tôi cho biết hàng hôm nay bán ở chợ không hết, người phải đi sâu vào một vài làng lân cận để bán nốt. Rồi khi xuống khỏi đê, qua cái lạch lớn, thấy có chiếc chiếu trôi, vội tìm cách vớt lên và giặt luôn bên lạch. Đó là một chiếc chiếu còn khá tốt tuy chiều rộng bị xén đi mất một phần ba.

Mẹ tôi chỉ vào chiếc chiếu phơi trên đòn gánh nói:

– Về đến nhà thì chiếu vừa khô con ạ. Tối hôm nay thằng Tư – tên thằng em út tôi – có được chiếu đắp ấm.

– Mẹ ơi, “giàu con út, khó con út”, mẹ chẳng để ý gì đến chúng con, chỉ chăm chút cho chú Tư thôi.

Mẹ tôi đi trước, gió ngược chiều nên tiếng tôi mất hút về phía sau. Tuy nghe tiếng được tiếng không, nhưng mẹ tôi vẫn hiểu câu nói đùa. Người vừa giữ cái chiếu vừa quay nhìn tôi mỉm cười.

Tối hôm đó khi đi ngủ thằng chú Tư được mẹ tôi đắp cho chiếc chiếu vớt ở lạch. Chân nó

thò ra một tí khiến tôi nhận thấy chiếc bút tất cũ vàng xỉn của tôi, chỗ đầu rách được buộc túm lại để các ngón chân xinh của nó khỏi “thoát ly” ra ngoài.

Đạo đó chỉ còn một tháng nữa là Tết. Tôi lại có dịp tạm rời trường Luật, đợi đến qua Giêng mới có giáo sư. Tôi về vừa đúng lúc gia đình đương cần nhân công xay thóc giã gạo. Giấn vốn của gia đình tôi còn đủ đóng được năm nôi thóc. Dùng số tiền đó làm tiền đặt mẹ tôi có thể đóng về được tám nôi. Theo như mẹ tôi phác tính, mỗi nôi thóc làm được lợi ít ra là hai ca gạo, vị chi với tám nôi thóc, chúng tôi sẽ lợi ít nhất là một nôi rưỡi gạo. Cứ như vậy mà đủ việc liền trong một tháng, nghĩa là vừa đến Tết, thì chúng tôi có thừa tiền đóng gạo nếp gói bánh chưng và mua thịt cá để đón một mùa xuân kháng chiến tương đối huy hoàng.

Chúng tôi ngoại giao ổn thỏa với các nhà có cối xay, cối giã rồi bắt đầu vào việc. Thấy tôi trông nom mấy đứa nhỏ sửa soạn cơm nước. Tôi và thằng em trai xay thóc trong khi mẹ tôi

điều khiển vợ tôi và cô em gái sàng gạo. Xay hết thóc chúng tôi đã có gạo đem đi giã, giã đến đâu mẹ và em tôi sàng tằm, sấy cám đến đấy. Trong khi xay thóc, tôi nhẩm ôn các đạo luật, các án lệ để sửa soạn kỳ thi cuối niên khóa. Khi giã gạo với vợ, tôi cùng nàng thủ thủ xây mộng tương lai. Ngày kháng chiến thành công hẳn chúng tôi đã có những đứa con kháu khỉnh, đã trở về quê hương dựng lại căn nhà xinh, sống tự do bình dị trong tổ ấm gia đình.

Ngày đầu chúng tôi làm được tám nôi thóc với số gạo dư là hai nôi. Một cụ già ở đấy gạt gù nói: “Vạn sự xuất ư nho, đúng thật. Học trò thì cái gì cũng làm được. Cứ bảo người Hà Nội không chịu được lam lũ!”

Ngày hôm sau có tin quân Pháp đánh lên Vĩnh Yên. Những người có thóc giữ lại. Mẹ tôi phải vất vả lắm mới mua được bằng giá khá cao sáu nôi thóc để chúng tôi có việc làm.

Quân Pháp chiếm Vĩnh Yên, tiền Hồ Chí Minh sụt giá vùn vụt. Vẫn số tiền cũ, giờ đây chưa chắc mẹ tôi mua nổi bốn nôi thóc.

Quân Pháp theo sông đào tiến lên chiếm chợ Me. Dân chúng xao xác chuẩn bị chạy. Số tiền trong tay mẹ tôi hầu trở thành giấy lộn. Chúng tôi ăn một bữa quà bánh đúc, lúc trả tiền thấy vợ hằn tui. Viễn ảnh những ngày đầu xuân có gạo nếp, có thịt gà, thịt lợn bị dập vùi trong khói súng và biến thành một điểm kỷ niệm mong manh chết đuối giữa cảnh tàn phá rùng rợn của bom đạn rơi bời, cha lạc con, vợ lạc chồng, anh em tán loạn mỗi người một phương.

Đạo đó tuy đã có phong trào “rèn cán chỉnh cơ” nhưng chưa có cố vấn Tàu, chưa có chính sách “ba cùng” học tập đấu tố, nên mặc dầu kinh tế nguy ngập, ai nấy vẫn tin tưởng ở ngày mai huy hoàng của dân tộc, tin tưởng ở thắng lợi cuối cùng dưới sự lãnh đạo sáng suốt của già Hồ (như lời loa tuyên truyền phát thanh chiếu chiếu).

Sang hạ tuần tháng Chạp, suốt ngày mưa phùn gió bắc lạnh như cắt ruột. Không hiểu là vì rét nhiều hơn hay vì chúng tôi đã bắt đầu giảm khẩu phần! Chiếc chiếu mẹ tôi vớt ở lạch đập cho thằng em út đã rách xơ xác. Trong khi gia

đình tôi giết gấu vá vai tìm cách nhường nhau miếng cơm manh chiếu thì xảy cuộc hỗn chiến giữa quân đội Pháp và quân đội kháng chiến ở chân núi Tam Đảo. Để giữ vững ưu thế quân sự về mình tại mặt trận Vĩnh Yên, tướng Pháp De Lattre quyết định hy sinh đoàn quân hấn, và hạ lệnh cho thả bom tận diệt đôi bên.

(Trong cái đình ba của một cuộc thế lực lừa phản trắc, người ta giày xéo lên tình người, điếm nhiên hy sinh xương máu đồng bào đồng loại nơi này cho quyền lợi thực dân, nơi kia cho học thuyết giai cấp. Tôi không ghê tởm những bộ mặt lãnh tụ của chúng sao được?)

Từ chân núi Tam Đảo, quân Pháp đánh tỏa ra ba mặt, đồng thời từ hữu ngạn sông Hồng, một toán Lê Dương vượt sang càn quét bến Rau ở tả ngạn. Dân chúng từ bốn mặt chạy về huyện Yên Lạc, đổ xô vào các làng. Mẹ tôi bèn thối cơm hàng gánh đến bán cho họ.

Trong số rất đông các người ở làng Rau mang đồ đạc chạy đến làng Lũng Thượng, có gia đình

ông Lý Cựu vốn là bà con với ông chủ nhà nơi tôi tản cư. Ông Lý nói chuyện với thầy tôi rất tương đắc, nhất là khi ông biết tôi đương học trường Luật sắp thi ra thăm phán.

Ông nói:

– Tôi có thằng cháu năm nay lên sáu; giời cho làm người, sau này kháng chiến thành công, tôi nhất định sẽ gửi cháu lên Hà Nội phiên ông, bà và cậu cả trông nom giúp cho thành người.

Quân Pháp sau khi từ chợ Me vượt qua sông Đáy tiến sâu vào huyện Lập Thạch đốt phá một ngày rồi rút lui về tỉnh. Cánh quân tiến sang tả ngạn sông Hồng đốt phá bến đò Rau cũng rút về vị trí cũ bên hữu ngạn. Dân chúng chạy loạn lục tục đầu trở về đấy ngay để còn kịp sửa soạn Tết.

Làng Lũng Thượng trở lại yên tĩnh.

Trưa hôm đó mẹ tôi ra phía bụi tre đầu nhà thấy cong queo dưới hầm trú ẩn một chiếc chiếu hoa cạp điều. Đúng là chiếc chiếu của một gia đình chạy loạn nào khi về mừng quá bỏ quên.

Mẹ tôi nói: “Thôi thế cũng là giờ thương mà cho nhà mình!”

Đã lâu lắm, đêm đó tôi mới được thấy thằng em út tôi có chiếc chiếu đắp kín chân không trông thấy đôi bít tất buộc túm chỗ rách. Sáng ra, mẹ tôi cẩn thận gấp chiếu rồi vắt lên chiếc dây thùng căng cao ngang mái nhà. Thế là từ đấy đêm đêm nghe tiếng gió rít và những hạt mưa táp vào đầu hồi tôi cũng yên chí cho các em đã tạm đủ chiếu nằm, chiếu đắp. Hai ngày sau, tới buổi sớm ba mươi Tết, khi sức tỉnh, tôi thấy không khí trong làng có vẻ từng bừng hơn vì những tiếng bàn tán xôn xao xen với tiếng cười giòn giã ngoài đường xóm. Tôi vùng dậy ra thẳng ngõ. Trời tuy lạnh ngọt nhưng quang đặng và êm ả vô cùng. Tôi gặp mọi người, mắt ai nấy sáng ngời tin tưởng. Thì ra ở khắp các tường làng đều đã kẻ khẩu hiệu: “Chuẩn bị tổng phản công.”

Đồng bào thủ đô bàn nhau ngày về nhận nhà nhận cửa, đồng bào địa phương hơi có vẻ ngậm ngùi tưởng như giờ phút chia tay đã điểm.

Buổi trưa hôm đó, ông Lý Cự từ làng Rau mang theo vài thứ xa xỉ phẩm làm quà biếu ông chủ nhà vào dịp Tết. Ông Lý Cự có xuống căn nhà dưới thăm thầy tôi. Câu chuyện vừa xong phần xã giao thường lệ thì ông ngừng nhìn thấy chiếc chiếu hoa cạp điều vắt ở dây thừng, ông đứng nhóm dậy chạy lại kéo tuột xuống nói gọn:

– Chiếc chiếu này của tôi!

Mẹ tôi chợt có một cử chỉ phản ứng, y như sự phản ứng của một người mẹ gìn giữ con trong cơn nguy biến.

Người nói:

– Ấy chiếc chiếu đó của nhà tôi...

Mẹ tôi vốn là một Phật tử trung thành. Người chỉ nói được đến đây thì lương tâm Phật tử trở lại và người lúng túng quay nhìn ra ngõ.

Ông Lý Cự thản nhiên gấp chiếu lại, cạp gọn dưới nách rồi thản nhiên nói:

– Không, chiếc chiếu của tôi. Tôi mua đôi

chiếu cặp điều này từ năm mới tác chiến, một chiếc còn trên kia.

Thì ra đôi chiếu đó, ông Lý mang đến gửi ông chủ nhà trong dịp vừa qua, rồi những người đến chạy loạn tự động mượn đem ra trải ở bụi tre nghỉ tạm. Lúc về vì chiếu rơi xuống hầm trú ẩn nên họ quên không trả lại chỗ cũ.

Tuy chỉ một thoáng qua nhận biết hết sự thể là vậy nhưng tôi vẫn chưa chịu và tiếp lời mẹ tôi:

– Chiếc chiếu này mẹ tôi mua của một người ở chợ Lầm. (Ý tôi muốn nói người đó lấy chiếu ở đây mang ra chợ Lầm bán.)

Ông Lý vẫn thản nhiên, thản nhiên một cách cương quyết:

– Không, chiếc chiếu này của tôi!

Rồi ông cặp chiếu đi thẳng lên nhà. Lúc đó vợ tôi cũng vừa trở lại với tôi để nhớ ra rằng cuối năm nay tôi đã thi xong, có thể ra thăm phán. Tôi thoáng nghe phía sau tiếng vợ tôi thở dài rồi quay vào buồng.

Tối hôm đó khi thấy tôi lấy chiếc chiếu rách cũ vớt ở lạch đập cho thằng em út, mẹ tôi chép miệng nói khẽ:

– Thôi, sang Giêng trời bắt đầu ấm, vả lại cũng sắp tổng phản công rồi!

“Vả lại cũng sắp tổng phản công rồi!” – Mẹ tôi nghĩ thật chí lý. Tổng phản công để bờ cõi được vinh quang độc lập, để mọi người được trở về dựng lại quê hương yên vui.

Tôi hiểu khi đó hầu hết các gia đình khác, cũng như chúng tôi, chịu đựng bao nhục nhằn với những phút sa ngã nhỏ như chuyện chiếc chiếu hoa cạp điều. Tất cả những hy sinh đó – kể cả khi hy sinh một chút ít danh dự do sự yếu đuối thường tình của con người – tuy dằn vặt, ray rức mà không tàn phá nổi niềm vui trong sáng, thanh thản của tâm hồn, vì ai nấy sống ngợp hy vọng một ngày mai vinh quang.

Sớm mừng một năm đó, mẹ tôi ra chùa lễ. Người quỳ rất lâu trước bàn thờ Phật. Giọng người thành kính thiết tha cầu đức Phật phù hộ

cho chóng trở lại yên bình, gia đình được qua thì đói, khỏi thì loạn.

Tiếng người khấn đôi khi nức nở. Tôi nghe, nước mắt muốn trào ra.

Cộng sản dìm nhân loại trong thiếu thốn để chứng minh nguyên lý “Vật chất quyết định hết thảy”. Chúng lầm! Con người càng từng trải cảnh thiếu thốn vật chất, niềm tin vào đạo đức càng được hun đúc và tình cảm thêm dạt dào.

Sau này khi về vùng quốc gia, rồi di cư vào Nam, tôi còn trải qua nhiều gian lao nghèo túng và nhiều lần bị khinh rẻ, nhưng dù nghèo túng đến đâu, dù bị khinh rẻ đến đâu, điều đau nhứt nhất đối với tôi vẫn là chiếc chiếu hoa cạp điều, tuy thực tình câu chuyện chỉ giản dị có vậy.

Cách đây ít lâu khi mua được đôi chiếu hoa Phát Diệm ở đường 20 về trải lên phản cho con nằm, tôi thấy vợ tôi chột úp mặt vào hai bàn tay trước bàn gương. Có lẽ nàng nghĩ đến câu chuyện chiếc chiếu hoa cạp điều khi xưa. Chuyện đó như biến thành chiếc phao xắm màu, bất chấp mọi

dông tố vẫn nổi lên bên trên biển, biển thời gian của đời, biển kỷ niệm của hồn. Cũng kể từ sau ngày xảy ra chuyện đó, thái độ của tôi đối với người đời khác xưa nhiều. Tôi thận trọng tránh mọi thái độ hẹp hòi, kiêu ngạo, ích kỷ, sắc cạnh. Lòng dễ xúc động, tôi thương người như thương chính thân mình vậy. Tôi thương những em nhỏ sớm phải lăn lung vào cuộc đời để tự nuôi sống. Tôi thương những người đói khát ham ăn ham uống. Tôi thương những hình ảnh lam lũ một sương hai nắng, những hình ảnh nghèo túng giật gấu vá vai. Tôi thương những kẻ thù dân tộc hôm qua, ngày nay thất thế ngơ ngác đi giữa kinh thành.

Ở thế giới thực dân tư bản người ta tung vật chất ra để giam lỏng linh hồn; ở thế giới thực dân cộng sản, người ta phong tỏa vật chất để mua rẻ linh hồn. Cả hai cùng thất bại! Linh hồn nhân loại chỉ có thể mua được bằng tình thương yêu rộng rãi và chân thành.

Thấy tôi hằng kiếm chế được nóng giận và nhất là vẫn mỉm cười khi ứa nước mắt, các bè

bạn thân thường khen tôi có thái độ hồn nhiên của Trang Chu.

Các bạn yêu quý của tôi!

Các bạn có ngờ chẳng thái độ hồn nhiên đó là kết quả của biết bao cảnh cơ hàn mà tôi và những người thân của tôi đã trải qua, trong đó có chuyện CHIẾC CHIẾU HOA CẠP ĐIỀU!

(Truyện ngắn “Chiếc chiếu hao cạp điều” đã in trong tạp chí Sáng Tạo số 6 – tháng Ba 1957. Được chọn in trong tập “Những truyện ngắn hay nhất của quê hương chúng ta” gồm 45 tác giả, xuất bản năm 1973)

GÌN VÀNG GIỮ NGỌC

Gìn vàng giữ ngọc cho hay

Nguyễn Du

Tôi và Huân mến nhau nhiều và tình thân của chúng tôi bền bỉ!

Huân lấy cô em họ tôi và hơn tôi tới mười tuổi, nhưng chúng tôi không coi nhau như anh vợ em rể mà như hai anh em ruột. Trong những năm sa sút chỉ với Huân là tôi có thể đàn hoàng kể cảnh nghèo của gia đình mình. Trong những ngày đen tối nhất của sa sút – vụ đói tháng ba năm Dậu — tôi chỉ có thể điềm nhiên ngồi vào mâm cơm với gia đình Huân mà không một chút mặc cảm và chỉ với Huân tôi mới có thái độ rất « buông xuôi »: nhận mà không hề lo việc trả. Sở dĩ vốn tính hay thắc mắc mà với Huân tôi dám vậy

vì căn bản tình thân của chúng tôi hoàn toàn xây dựng trên sự thành thực. Giá trị không ở vật trao hay người trao, chúng tôi chỉ thấy cả hai chúng tôi cùng xứng đáng với nhau vì kẻ trao người nhận đều rất thành thực.

Tôi nghĩ: thành thực là một chuyện dễ, có được hoàn cảnh cho mình thành thực một cách thoải mái – như trường hợp tôi với Huân – đó mới là chuyện khó.

Ấy thế mà là có một lần tôi không thành thật với Huân. Nhưng khoan, các bạn hãy nghe chuyện những ngày tôi mới hồi cư gặp Huân đã:

Huân vào thành trước tới hai năm, đúng vào dịp buồn bán dễ nên khi tôi gặp lại Huân lại phố chợ Hòm Hà Nội thì Huân đã có ô tô có nhà và vừa gửi mua từ Pháp về cho cô trưởng nữ Thu Hương — con cháu lớn của tôi năm đó vừa lên mười bốn — một chiếc piano à queue tuyệt đẹp.

Huân nói:

– May quá anh về thật đúng lúc. Tôi không sành nhạc cho lắm nên cũng chẳng hiểu nên chọn

cho cháu học thầy nào? Tôi định cho cháu học một nhạc sư người Ý ở gần chùa Quan Thánh có nên chăng?

Tôi rất thành thực mà bảo Huân:

– Tôi chơi piano không cừ, nhưng trước đây tôi được may mắn học một bà người Pháp rất giỏi về khoa sư phạm dạy dương cầm. Bà đó bỏ Hà Nội về Pháp ngay sau cuộc cách mạng tháng tám năm 1945. Bây giờ cho cháu học người Ý cũng được nhưng giỏi lắm cũng chỉ đến hai giờ một tuần. Học đàn, bước đầu là bước tối quan trọng phải hết sức chuyên cần mới được. Vậy không gì hơn là tôi đích thân hàng ngày trông nom cho cháu trong mấy tháng đầu.

Huân hơi có vẻ ngần ngại nói:

– Anh tự trong quê, ngày ngày lóc cóc đạp xe vượt năm cây số ra đây để dạy cháu thì vất vả quá.

Tôi bảo Huân, giọng nồng nàn:

– Cậu đừng ngại việc đó. Lẽ nào cậu vào

thành trước tôi hai năm mà đã mất lòng tin ở sự thành thực của nhau rồi sao?

Huân vội vã gật đầu:

– Được rồi, thế anh nhất định vào giờ nào để tôi đánh xe về chờ ở quãng đường rẽ vào làng.

Tôi gật đi:

– Thôi vế! Người có phải là máy đầu mà ngày nào cũng như ngày nào đúng giờ đó thì có mặt ở đó. Xin cậu cứ yên chí về công việc này mặc tôi!

Chỉ thoáng một giây suy nghĩ, rồi Huân gật đầu liền:

– Thôi được tùy anh.

Tôi vào phòng trong xét lại đàn, lên lại mấy giây sai rồi giao hẹn Huân:

– Tôi dạy cháu bắt đầu từ sáng mai, khoảng bảy, tám giờ gì đó.

– Vâng — Huân đáp — lát nữa cháu ở quê ra, tôi sẽ bảo cháu.

Vì tôi thuộc loại « Việt minh qui thuận » nên Nha Công An Bắc Việt chỉ cấp cho giấy thông hành tạm thời, tháng tháng phải tới bàn giấy phòng Tổng thư ký trình diện. (Tuy tôi về quê, nhưng vẫn khai ở nhà Huân để lấy căn cước Hà Nội cho dễ việc đi lại sau này).

Cũng vì tôi chưa có thể căn cước nên việc xin bổ nhiệm giáo sư tại một trường công không thành. Trong khi đó, sáng sáng tôi vẫn đến dạy piano đều cho cháu Hương và chiều chiều đi dạy lớp riêng cho một tư gia. Số tiền kiếm ít đến hầu như có thể coi là không có gì.

Có những buổi trưa tôi ở lại ăn cơm với Huân, có những buổi chiều tôi bị Huân giữ lại để ăn cơm xong là đi xi nê toàn gia, nhất là khi có phim nói về một nhạc sĩ nào như *Passion immortelle* tả đời Schuman, *Chanson du souvenir* tả đời Chopin, *Casta Diva* – phim cũ chiếu lại – tả đời Bellini v. v. . .

Nhàn, vợ Huân, rất tỉnh trong việc thoảng nhận điều gì khác thường.

Ngay bữa cơm thứ hai tôi ăn với gia đình Huân, Nhàn đã nói:

– Quái anh Sơn có điều gì suy nghĩ mà lắm khi giữa bữa ăn, anh bỗng thần người ra.

Tôi chối:

– Cô chỉ nói bậy, tôi thì còn có chuyện gì nữa.

Từ đấy nhiều khi giữa bữa ăn tôi có trót thần người thì vội làm ra vẻ tỉnh táo ngay nhưng chẳng lần nào thoát khỏi sự quan sát của cô em gái tôi.

Huân thường gạt lời vợ:

– Em nên nhớ anh Sơn bỏ ngoài kia vào đây cũng chỉ để tránh những thái độ soi mói vào đời tư một cách rất bất lịch sự vô chính trị và vô giáo dục như vậy.

Sự thực mỗi khi ăn cơm với Huân tôi thần người như vậy vì tôi nghĩ đến một bữa cơm ở hậu

phương, gần ba năm trước, tôi đã không thành thật với vợ chồng Huân.

Cuối tháng chạp năm 1945 gia đình tôi và gia đình Huân cùng tản cư một ngày nhưng về hai ngả khác nhau: Huân đưa vợ con về quê mẹ ở Ninh Bình tôi theo thầy mẹ tôi lên Bồ Hạ (Bắc Giang). Ở Bồ Hạ tôi vào công tác ở Sở Thông Tin Khu 12 sau sát nhập vào Liên khu I. Rồi thầy mẹ tôi cùng toàn thể gia đình rời đi Phúc Yên chỉ còn một mình tôi ở lại Bắc Giang để tiếp tục công tác tại chỗ cũ.

Bốn tháng sau tôi nhận được thư nhà báo tin gia đình một lần nữa chuyển đến làng N.H. ngay bên kia hữu ngạn sông Đáy, gần chân dãy Tam Đảo. Tôi biết, như vậy vốn liếng gia đình lại một phen hao hụt để sa sút thêm. Nhưng cũng trong thư đó tôi được cô em gái cho hay là gia đình Huân đã bỏ Ninh bình chuyển đến một làng nào đó, ở gần một cái chợ nào đó, thuộc Phúc Yên.

Tôi vừa nhẩm ôn đoạn thư vừa nghĩ thầm: « một làng nào đó, ở gần một cái chợ nào đó thuộc

Phúc Yên » địa chỉ tuy mơ hồ thật nhưng mình quyết tìm cho ra.

Tôi viết thư cho một ông cùng làng tản cư ở Phủ Lỗ và thường buôn bán hàng ngoại hóa trên con đường Phúc Yên – Sơn Tây, để nhờ ông chú ý tìm giúp gia đình Huân. Ba tháng sau tôi nhận được hồi âm của ông báo rõ cho hay – thực may mắn – chỗ ở của Huân: đó là một thôn nhỏ ngay gần chợ Sặt và ở về phía tay phải con đường mòn từ chợ đi Huyện Yên Lãng. Vừa đúng dịp tôi xin thôi tại Sở để về công tác ở Ty Thông Tin Vĩnh Yên cho được gần gia đình. Tôi có xin về thẳng thăm nhà đã, rồi nửa tháng sau mới phải đến cơ quan nhận công tác

Hành trình của tôi được phân chia rất hợp lý. Từ Đa Phúc tôi sẽ đi đến Phố Nỉ bên kia sông Cầu, đường dài mười hai cây số. Từ Phố Nỉ tôi sẽ vượt qua Kẽm, Dõm để gặp con đường nhựa nối liền Phúc Yên – Vĩnh Yên, quãng đường này cũng khoảng mười hai cây số. Tôi sẽ theo đường nhựa mấy cây số rồi rẽ vào con đường đất lớn đi đến chợ Sặt. Đến chợ Sặt rồi, thì thôn nhỏ gia đình Huân ở tôi đã « cầm lòng » trong tay.

Đường đi tính ngót bốn mươi cây số; có bỏ ngỡ lằm trong việc hỏi thăm thì cũng chỉ vừa chập tối là cùng, tôi đã nằm trên giường của Huân đợi một mâm cơm nóng sốt, thơm tất. Sau khi đã kể cho nhau nghe hết mọi chuyện tần cư, tôi sẽ ngồi uống rượu với Huân. Tôi biết làm gì mà Huân chẳng mua được rượu ngang (1), chỉ cần một cút thôi. Tửu lượng của tôi và Huân cùng kém cả mà, nhưng chúng tôi sẽ khê khà uống thật lâu cho thực hết tác phong các bậc tửu đồ ngày xưa.

Chà! Như vậy cho bỏ một ngày bại cảnh vượt ngót bốn mươi cây số. Ngày hôm sau tôi có thể hoặc đi từ sớm, hoặc ở lại ăn sáng với Huân cũng nên, rồi mới lên đường vì quãng hành trình còn lại chỉ chừng ba mươi hay ba mươi mốt cây là cùng. Vừa đi vừa hình dung trước cảnh hội ngộ đó mà tôi thấy hơi dạ, tưởng có thể đi hết ngày mà không biết mỗi chân. Ấy tinh thần tuy có phần khởi, thêm trí tưởng khéo thêu dệt, nhưng thực tế vẫn giữ được cái uy tín cuối cùng của thực tế.

(1) Tức là rượu ba xi đế (xin giải thích thêm để độc giả miền Nam hiểu)

Kể từ sau lúc mặt trời đứng bóng tối đã thấy hai đầu gối mỏi và hai bắp chân từng tức. Tôi tìm một quán nước nghỉ chân, mua kẹo vùng và đồ nhắm cơm nếp ra ăn trưa. Cũng do việc toan tính trước, tôi thối cơm nếp thật nát để nửa năm còn lại có thể sang trưa ngày hôm sau ăn còn dẻo.

Lúc mặt trời chếch bóng bước đi thêm lệt bệt, đầu gối đau, bắp chân và đùi tôi thấy nặng ngang nhau; tới lúc mặt trời xế bóng thì hai bên thái dương tôi bùng bùng, trước mắt tôi đổ những hoa cà hoa cải tựa hồ trong đầu có ai đốt một cây bông tí hon và những hoa ánh sáng tóe ra từ hai con mắt. Tôi có cảm tưởng phần thân thể từ háng trở xuống là mình mượn của ai lấp vào. Tôi bước lảo đảo, hình như đi được là nhờ sức gió thổi xuôi nhiều hơn là nhờ ý chí và sức lực của chính mình. Đến năm cây số cuối cùng thì tôi phải lượm một cái gậy bên vệ đường để chống và cứ đi được một cây số lại ngồi phệt xuống bên lề cỏ để nắn, bóp, chà xát suốt từ đùi đến bắp chân.

Mặt trời vừa khuất bóng thì tôi vào đến con đường hẻm do người trong thôn chỉ để tới nhà

Huân tản cư. Và cũng đến lúc đó thực tế mới tạm lùi bước nhường sức mạnh của niềm vui tinh thần một chút: tôi uốn ngực nhìn thẳng, bước chững chạc.

Lẽ cố nhiên là nỗi vui mừng của vợ chồng Huân của đàn con Huân khi nhận ra tôi không biết lấy chi cân, hay — để cho vui — nếu cân được thì cũng đến nặng bằng bộ giò của tôi lúc đó là cùng.

Tôi thở phào sung sướng quẳng ba lô vào tay Huân, ngồi bệt xuống cái chõng tre ở giữa sân rồi tức khắc nằm xuống, ngửa mặt nhìn mấy con diều hâu đương lượn lờ mãi trên cao vút trông chỉ còn nhỏ như mấy con đò. Lúc bấy giờ tôi mới ôn lại những hình ảnh vừa nhìn và xét rằng vợ chồng Huân cùng các cháu tôi đều gầy và đen đi nhiều. Có tiếng chõng kê ngay góc gần đấy rồi tiếng Nhàn, vợ Huân:

– Anh Sơn ra nằm đây, chõng ấy để giả ông chủ.

Tôi ngồi nhóm dậy mấy sợi tóc dài bị nan chống cắn rút mất. Kể ra cũng khá đau nhưng cái mệt lẫn mất cái đau, hơn nữa tôi muốn đổi chỗ thật nhanh để tiếp tục cho các bắp thịt nghỉ. Ông chủ ở trong nhà vừa ra tôi chỉ kịp cúi chào thật lễ phép và nói một câu xã giao thật ngắn rồi nằm ườn ngay sang chỗ bên. Khi lưng và đầu áp xuống rồi, xúc giác mới báo cho tôi biết là cái chỗ này hẹp hơn, ngắn hơn và nan thưa hơn cái chỗ kia.

Tiếng Huân hỏi:

– Anh Sơn mệt lắm hả?

Tôi chặc lưỡi:

– Gọi là thôi!

– Anh đi bao nhiêu cây số đến đây?

Nhận thấy nói thật thì không tiện và nói dối thì không nỡ tôi vờ như không nghe thấy. May sao Huân nói sang câu khác:

– Tôi bảo thôi cơm thêm xuất anh đấy nhé.

Tôi đáp gọn:

– À, cố nhiên! Các cậu ăn cơm tối nhỉ, tưởng mình đến giờ này thì các cậu đã ăn xong tám hoành và phải đi thổi riêng cho mình niêu khác.

Rồi vui câu chuyện tôi nói tiếp:

– Nếu có gà nhà thì cứ giả vờ thịt đi cho vui.

Huân đáp ngay, nhưng giọng nghe ra hơi ngượng ngập:

– Ô, thịt gà... ừ... có chứ!

Nằm ruỗi đã được một phút hưởng gió mát buổi chiều phe phẩy, tôi thấy lại sức nhiều, do đấy có sự phản tỉnh, ngay để nghĩ thầm:

– Bỏ xừ, nói vậy ngộ nhà Huân không nuôi gà, Huân phải đi lòng mua quanh xóm thì mình cũng hơi khỉ.

Tôi vừa toan hỏi lại Huân xem nhà có gà thực không thì Huân đã đứng dậy đi vào nhà. Không hiểu Huân nói gì, chỉ biết sau đó con cháu lớn Thu Hương, tất tưởi đi ra ngõ. Khi Huân tới bên,

tôi cũng vừa vỗ lên túi con áo sơ mi để sức nhớ ra rằng mình có một điếu Cotab của bạn cho mà chưa hút.

Vừa rút điếu thuốc ra khỏi túi, tiếng Huân reo vui:

– A thuốc lá!

Tôi nhớ ngay Huân vốn nghiện nặng thuốc lá thơm nên lạnh trí đáp liền:

– Gặp một thằng bạn giữa đường cho đấy, tôi vốn dừng dưng với thuốc lá nên để dành cho cậu.

Tôi vẫn nằm ngửa trên chõng, đuổi thẳng chân cho máu chạy đều và khẽ đưa mắt để khuôn mặt Huân lọt vào trong nhãn giới; vì lần này trông nghiêng nên khuôn mặt Huân có những nét gầy hốc hác, mà lúc này có lẽ vì trông thẳng, có lẽ cả vì chân mỗi mắt hoa nữa nên tôi không nhận thấy. Châm xong điếu thuốc lá, môi Huân dẩu ra để hít lấy khói thuốc, mấy sợi râu mép và râu cằm được dịp nổi bật lên trong ánh chiều bàng khuâng khiến khuôn mặt Huân càng đượm một vẻ xanh xao sâu thẳm. Tôi tự đặt thâm nghi vấn:

Hay là ngày nay Huân cũng hoàn toàn khánh tận, và gia đình Huân cũng hoàn toàn sống kiểu độ nhật như gia đình tôi hiện giờ bên bờ Sông Đáy, dưới chân Tam Đảo?

Huân không biết là đương bị tôi ngắm, vừa hút thuốc lá vừa tuần tự hỏi kỹ về mọi chi tiết tản cư của gia đình tôi. Tôi vẫn đáp lời và vẫn tiếp tục quan sát. Cách Huân hút thuốc quả là cách hút của một người nghèo đã lâu lắm nay mới được một điều.

Tôi hốt hoảng ôn lại một lần nữa lời vừa nói khi nãy: « nếu có gà nhà thì cứ giả vờ thịt đi cho vui » và tự thấy mình vô duyên biết mấy.

Đến lượt tôi hỏi lục vấn về cách chạy loạn của gia đình Huân. Tôi được biết hồi còn ở Ninh Bình vợ chồng Huân buôn bán khá. Sau vụ quân Pháp nhảy dù ở Đồng Quan, vợ chồng Huân sợ chúng sẽ tấn công toàn thể Liên khu Tư bèn mang cả con cái theo đường Hòa Bình Vụ Bản, đường số 6, rồi vượt sông Hồng sang Vĩnh Yên. Bị bom napalm thiêu chụi hết đồ đạc, một lần nữa Huân chuyển gia đình xuống Phúc Yên, ở đây.

Hỏi về cách sinh sống hiện tại thì Huân cho biết Nhàn cùng đứa con gái lớn lên mười hai – Thu Hương – vẫn sớm gánh đôi bồ hàng xén ra chợ Sặt bán, chiều gánh về.

Tôi hỏi thêm:

– Thế hàng xén của Nhàn có những thứ gì?

Huân trả lời hoàn toàn « ngoài đề »:

– Đường từ chợ Sặt về đây ngắn, nên việc sớm gánh đi tối gánh về không có gì là vất vả lắm.

Thấy tôi ngồi dậy, Huân cười hỏi — tôi biết — để lắng câu chuyện:

– Anh khỏi mệt rồi chứ?

Tôi gật đầu và đáp với giọng cố làm cho trong sáng để chứng tỏ tôi không có gì thắc mắc:

– Khỏi mệt rồi! Cậu ở đây rộng và thoáng thật đấy.

Sự thực tôi ngồi nhòm dậy vì thấy Nhàn

đương vo gạo ở đằng góc bể. Cứ trông cái giá vo và cách sóc gạo tôi cũng thấy rõ rằng nồi cơm sắp thối không thể là nồi cơm đủ cho ba người lớn và ba đứa trẻ. Hai đứa cháu nhỏ của tôi... một trai, một gái quãng tuổi lên năm và lên bảy, cùng gầy gò và xanh xao như nhau... lúc đó vẫn quần lầy bên Nhàn.

Cũng cảnh đó, một năm trước đây, đã diễn ra trong gia đình tôi, hồi chúng tôi còn ở Bồ Hạ, Bắc giang. Tôi còn nhớ hôm đó ông Bác tôi từ Bến Tuần Lục Liễu sang chơi. Nguyên nửa tháng trước đây, thầy tôi và tôi có tới Lục Liễu thăm người, được người thết cơm rượu thịt gà, trịnh trọng lắm. Lần này lẽ cố nhiên thấy tôi cũng phải nghĩ cách trả nợ, mặc dầu nhà đương rất nghèo túng. Dưới chuồng còn một con gà mái đang đẻ: phải làm thịt. Trong thúng còn hai đấu gạo định để thối độn ngô, nay bỏ ngô để thối cơm trắng. Bữa rượu thiết hôm đó ngồi tiếp Bác có thầy tôi, tôi và thằng em thứ hai...

Để đáp câu nói của Bác:

– Thím Hai vào ngồi ăn một thể cho vui.

Mẹ tôi cười giòn và rất tự nhiên:

– Mời bác sôi rượu với Thầy cháu, em phải trông cho mấy cháu bé ăn ở dưới này.

Kỳ thực các em bé tôi có gì mà ăn!

Khi bác tôi ra về, cơm thừa trong nồi còn chừng hai bát. Lẽ cố nhiên là Thầy tôi, tôi và thằng em thứ hai đã phải hết sức ăn cầm chừng mới được vậy. Mẹ tôi đơm một bát cho thằng em út và bát kia cho đứa em gái thứ tư của tôi, năm đã lên tám. Mẹ tôi ăn cháy. Đứa em gái lên tám của tôi đỡ bát cơm rồi cúi mặt xuống khóc lặng lẽ — nó biết là cảnh nhà bần bách quá rồi. Mẹ tôi thấy vậy thì vỗ vai nó rồi vừa cười vừa khóc, cả nụ cười với hai dòng nước mắt cùng chân thành như nhau, – hẳn các bạn cũng thừa hiểu vì sao. Tôi cũng vội quay đi để kịp giấu hai giọt nước mắt nóng hổi vừa tràn khỏi bờ mi.

Ngồi nói chuyện hàn huyên với Huân, tôi giữ bề ngoài bình thản nhưng bên trong, lòng tràn ứ kỷ niệm chua chát.

Lễ nào ngày nay tôi để Nhân và các cháu tôi tái diễn phần dưới tấn bi kịch năm xưa.

Tôi thoáng thấy cháu Hương – hai tay áp vào ngực – đi quanh tường đất thấp nhà hàng xóm để có thể vượt tường vào thẳng trong bếp. Nhưng khi Hương vừa nhảy xuống thì tự hai bàn tay bé nhỏ của nó tuột ra cái mề gà sống có một quãng lòng ngắn dính ở đầu. Tôi vờ ngẩng nhìn ngọn tre lắc lư trong gió chiều như thể mình không biết gì. Huân bảo vợ:

– Em làm thức nhắm trước rồi thổi cơm sau.

Nhàn đáp « vâng » rồi cười – giọng cười giòn tan y như tiếng cười của mẹ tôi ngày nào, hay nói cho đúng, đó là tiếng cười đặc biệt của bất cứ người đàn bà Việt Nam nào trong những cảnh nhường nhịn kín đáo. Tiếng cười tôi nghe mà sót sa, và tự nhiên có ý nghĩ ngộ nghĩnh: giả sử sau này có quyền hành nhất định ở mỗi công trường chính của mỗi thành phố tôi sẽ cho dựng tượng bán thân một người đàn bà Việt Nam để tượng trưng cho tình mẫu tử, đức hy sinh đáng được kính mến vào bậc nhất thế giới của dân tộc nhà.

Vừa kịp có một ý định, tôi thấy cần phải hành động nhanh chóng, bèn đứng dậy đủng đỉnh ra ngõ.

Huân hỏi:

– Anh đi đâu đó?

– A — tôi đáp – đi xem qua phong cảnh thôn này một chút.

Rồi tiến ra đầu thôn trên con đường dẫn tới chợ.

Ánh chiều vừa tắt, vùng trăng rằm tròn vành vạnh lên ngôi, óng ánh như tình cảm một người con gái đến tuổi vừa biết rằng mình đẹp. Nhìn trăng tôi càng thấy vững tâm trên quãng đường trường mà tôi sắp phải đi nốt.

Đợi mười phút qua, tôi quay về làm dáng hốt hoảng bảo Huân:

– Hồng rồi cậu Huân ạ! Như lúc nãy tôi nói là sau nửa tháng nghỉ phép để sống với gia đình, tôi sẽ trở lại làm việc trong Ty Thông Tin Vĩnh

Yên. Tôi vừa gặp ông Trưởng Ty ngoài chợ, ông ta nhất định kéo mình đi dự hội nghị thông tin liên ty Vĩnh Phúc (Vĩnh Yên – Phúc Yên) ngay bây giờ.

Huân giấy nẩy người, chỉ mâm thức ăn úp lồng bàn trên chõng:

– Sao, ngay bây giờ là thế nào?

Nhàn nghe rõ câu chuyện cũng nhô ra khỏi bếp, tay còn cầm đôi đĩa sào nấu, rồi nói:

– Ăn cơm đã anh ạ, em đương làm món cánh gà sào chua ngọt mà anh thích.

Tôi tiếp tục buộc lại ba lô và đáp:

– Thôi được chẳng lần này thì lần khác, cô nên nhớ từ nay tôi công tác ngay tỉnh bên chứ có đâu xa xôi như trước.

Huân mở lồng bàn cho tôi thấy đĩa miến sào mè gà còn bốc khói và đĩa thịt gà luộc tuy không được đầy đặn nhưng cũng khá thơm, rồi bảo tôi:

– Đã thế anh hãy ngồi đây, chúng ta nâng chén luôn, cơm mang lên sau là vừa.

Tiếng Nhàn họa theo lập tức:

– Phải đấy.

Óc tôi thoáng nhớ lại một kỷ niệm ăn giỗ năm đói, rõ chi tiết sau đây – và cương quyết khoác ba lô lên vai:

– Lạ thật – (tôi vừa cười vừa nói, tiếng cười, lạ thế, cũng trong và giòn như tiếng cười của mẹ tôi năm xưa, và tiếng cười của Nhàn khi nãy) — các cậu làm như thể tôi là khách không bằng.

Vừa lúc đó thằng bé cháu út ngã và khóc. Dịp may hiếm có tôi bảo Huân:

– Kìa cậu ra dỗ cháu ngay đi. Thôi tôi đi, cậu đừng phải tiễn.

Nhàn lại nhô ra khỏi bếp:

– Khổ, sao anh vội thế? Đâu phải là khách, nhưng anh em đã lâu quá rồi mới gặp nhau.

Tôi giờ tay chào đùa kiểu quân sự:

– Ôi chà, chuyến này còn nhiều dịp gặp nhau lo gì. A lê, me xừ Huân ra đỡ cháu đi kia. Thôi nhé chào cả nhà.

Vợ chồng Huân buồn thiu không chào lại được tôi, trong khi tiếng hai con cháu lớn lạnh lạnh:

– Lạy bác ạ... Lạy bác ạ.

Tôi mỉm cười nhìn chúng một lần nữa, đứa nào cũng gầy và đen. Chúng vẫn còn giữ được lối chào kiểu cách ở Hà Nội hồi chưa tác chiến. Tôi đi vội vã ra khỏi xóm, sợ Huân theo tiễn. Ra tới đầu làng nhìn bóng mình in dài dưới chân, tôi mới biết là chiều đã thật hết, trăng bắt đầu tỏ.

Mùi hoa ngâu ngổ ngang từ trong xóm tỏa ra, thơm nhẹ như hồn tôi.

Ngẩng nhìn trăng tôi nghĩ thầm: “Quãng đường còn lại chẳng có gì là khó, chỉ việc theo sông máng con đến huyện Yên Lạc; đi một quãng đường nhựa rồi theo sông máng lớn ngược lên;

tới chợ Phú Vinh thì rẽ xuống tay trái theo đường đã qua chợ Me, qua một con đê, qua một cánh đồng, sang sông Đáy, thế là đến nhà; khi trăng rằm đi hết đường từ Đông sang Tây trên vòm cao, chắc ở dưới này tôi cũng vừa đi hết quãng đường từ Nam lên Bắc. Phải, tôi sẽ đi suốt đêm nay để gặp gia đình bên bờ sông Đáy vào buổi hoàng hôn ngày mai. Tôi biết sức lực tôi vừa hồi lại đôi chút sẽ tan rã ngay như đoàn quân khởi nghĩa non ngày, nhưng tôi đã có bí quyết khả dĩ đánh lừa nổi một phần nào cái mệt: tôi sẽ ôn lại những chuyện cảm động trong đời, rồi tôi suy nghĩ để tự an ủi hay tự khuyến khích. Trong khi tâm trí chìm trong suy tư, hai cặp giò tôi cứ nhịp nhàng cử động đều như máy. Tôi ôn chuyện anh người làm tên là Trung đến ăn giỗ ông tôi, năm đói 1945.

Gia đình tôi bắt đầu sa sút từ năm 1942. Sang 1943 mẹ tôi phải thải hết các đầy tớ trai gái lớn chỉ giữ lại một con bé lên mười để sai bảo vặt. Giữa năm 1945 tôi phải bán nốt chiếc piano, người bạn và niềm an ủi cuối cùng, để mẹ tôi có tiền cấy vụ chiêm ở trong quê. Giỗ ông tôi vào

trung tuần tháng sáu âm lịch. Đúng ngày giỗ thì Trung từ trong quê anh, làng So (Sơn Tây), ra tới làng tôi. Đường đi, qua các cánh đồng, dài chừng hai mươi cây số. Chính tôi phải chú mục đến một phút sau mới nhận ra Trung. Mấy năm trước đây anh to lớn, vạm vỡ bao nhiêu mà lúc đó mặt anh hốc hác, tiêu tụy, râu ria mọc xồm xoàm, trên má, trên mép, trên cằm tang thương như cỏ dại mọc trên đất hoang; đôi mắt thao láo có vẻ to hơn đầu, cổ ngắc, quần áo đã vá mền vá đụp, còn rách mướp không chỗ nào được kín hoàn toàn kể cả khoảng che hạ bộ. Anh quả là hiện thân của đói và rách.

Trung nói với thầy mẹ tôi:

– Thưa cậu mợ, con nhớ hôm nay là ngày kỵ, con là tôi tớ cũ trong nhà nên ra để hầu hạ.

Mẹ tôi gật đầu cảm ơn và nói cho Trung hay là năm nay làm giỗ chỉ cơm canh xoàng chẳng có gì mà hầu hạ, nhưng anh đã từ trong quê ra thì cũng cứ ở đây cho hết ngày.

Trung đã ở hết ngày hôm đó và cả ngày hôm sau nữa. Bữa chiều gia đình tôi ăn cháo. Mẹ tôi và tôi cùng thoáng thấy Trung múc cháo húp vụng rất lâu ở dưới bếp, nhưng không nổi mẩn. Bữa cháo đó các em tôi bị thiếu.

Tôi biết mẹ tôi vốn hiền đức hiếm có, hẳn người cũng đã suy nghĩ khổ tâm lắm khi sớm hôm sau người nói với Trung:

– Anh nhớ ngày giỗ ông ra giúp cậu mợ thực đáng quý lắm, nhưng, anh thấy đấy, gia đình cậu mợ độ này cũng chẳng còn gì. Bây giờ anh hãy tạm về độ giữa tháng chín anh lại ra đây giúp mợ gặt lúa chiêm, lúc đó hẳn mợ con mình được bụng bát cơm đầy.

Chắc Trung cũng thừa hiểu nỗi khổ tâm của mẹ tôi nên anh chỉ “vâng” được một tiếng rồi cúi mặt xuống mắt rơm rớm. Một lúc sau, mắt còn đỏ hoe anh lên nhà chào thày mẹ tôi rồi quay ra ngõ bước hơi hấp tấp càng làm những mụn vá xố chỉ thêm tươi tắn. Ra tới ngõ anh mới đứng lại chụp cái nón rách lên đầu, ngơ ngác nhìn về hai

phía. Sau cùng anh rẽ sang phía không phải là phía đưa về làng anh.

Tôi đưa mắt thấy mẹ tôi ngồi thân trên ghế ngựa. Tôi biết người vẫn hằng nhin và vui lòng tiếp tục nhin cho bất cứ ai, nhưng thấy đàn con đói người không nở. Một lát sau người thở dài nói:

– Tội nghiệp cho nó! Gia đình nhà ta sở dĩ sa sút mà không hề bị anh em bà con làng nước dè bủ chỉ vì khi có dư bát ăn mẹ chỉ biết cứu giúp mà không biết khinh ai. Ngày nay lúc giờ làm đói khó phải đuổi nó đi thực vạn bất đắc dĩ.

Một tháng sau tôi được mẹ tôi cho hay tin Trung đã chết, anh chết đói, gục mặt xuống vế cỏ trên quãng đường Bương, Cẩn. Chỗ này còn cách quê anh chừng hơn chục cây số nữa. Chắc là biết mình sắp chết anh tìm đường quay về quê mà không kịp.

Cái chết của Trung đã làm tôi ân hận và suy nghĩ trong mấy tháng liền. Tôi nghĩ rằng giá Trung đừng đến ăn giỗ ông tôi; hay có đến những

anh về ngay sớm hôm sau. Rồi tôi lẩn thẩn nghĩ giá mẹ tôi đừng bảo anh đi, cứ mặc anh ở lại đến ngày nào thì ở. Hẳn khi thấy gia đình tôi cũng ăn cháo, anh chẳng dám ở lâu nào. Tào Tháo nói: “Thà ta phụ người còn hơn để người phụ ta”, lời nói bỉ ổi của gian hùng, của vị kỷ, Tôi muốn mình thực hiện được tiếng nói của vị tha, bác ái: “Thà chịu để người phụ ta còn hơn ta đành tâm phụ người”, và cái khôn ngoan thật là khôn ngoan, theo ý tôi, chỉ là cách mà người ta giáo dục trực tiếp hoặc gián tiếp cho người khác biết tự giác tự trọng tránh không hại ai.

Tin Trung chết đè chũu tâm hồn tôi như vậy, nhiều lúc tôi tưởng như gia đình tôi có chịu một phần trách nhiệm về cái chết đó.

Viết đến những dòng này, kiểm soát lại ký ức tôi thấy rằng những câu chuyện sâu thẳm tương tự tôi đã gặp rất nhiều trong đời. Đành cho rằng “đó cũng là tại số” chứ còn biết nói sao?

Trăng đã lên cao và sáng lắm nhưng tôi cảm thấy mệt là và ánh nước của sông máng loang loáng hoa lên như làm run rẩy cả cảnh vật xung

quanh. Thì ra tôi đói! Không sao, tôi còn một nửa nắm cơm nếp. Chọn khoảng cỏ sạch bên bờ sông tôi ngồi xuống, giở ba-lô ra.

Tôi vừa ăn vừa tiếp tục nghĩ. (Vừa đi vừa nghĩ để quên mỗi; vừa ăn vừa nghĩ để quên hương vị nhạt nhẽo của nửa nắm xôi xoàng).

Chuyện cái chết của Trung với việc tôi khoác ba lô vội vã rời khỏi gia đình nghèo của Huân, một người em, một người bạn, thoát xét tưởng không có liên lạc gì, kỳ thực liên lạc rất tế nhị. Tôi ra đi để tránh cho gia đình Huân một điểm ân hận có thể có — nhỏ hơn và khác hơn điểm ân hận của gia đình tôi đối với Trung, nhưng dầu sao thì cũng là ân hận. Hãy thử tưởng tượng cảnh trong nồi cơm chỉ còn hai lưng bát mà Nhà sẽ chia cho hai con nhỏ...

Nghệ thuật sống với nhau — nếu quả sống với nhau là một nghệ thuật — chính là ở những điểm đó.

Hãy dừng lại nơi thiện chí chân thành của nhau!

Hãy gìn giữ cho nhau khỏi sa ngã!

Dại gì mà đồn nhau vào thế cùng để rồi cất lời phê bi quan: tình người vụ lợi?

Hãy giúp nhau thối thêm ánh sáng vào những lúc hỗn chột lóe bình minh để cùng chia vui giây phút thiên thần. Như thế mới là thái độ trân trọng, thái độ “gìn vàng, giữ ngọc” cho nhau, vàng ngọc của tâm hồn.

Khi ăn xong đứng dậy tôi nhận thấy rằng trăng đêm đó sáng thực, chiếu vàng vạc trên những ngọn tre lả gió.

Sáng trăng suông sáng cả đêm rằm

Nửa đêm về sáng trăng nằm đột tre.

Về sau này ôn lại ánh trăng đêm ấy tôi hơi lấy làm lạ lòng về một chuyện. Nguyên hồi còn ở Sở Thông Tin tôi có trải qua một đam mê mãnh liệt. Tôi yêu một nữ cán bộ người Bắc Ninh và là cựu huấn luyện viên thể dục, có một thân hình nở nang, cân đối tuyệt mỹ, tôi thường gọi đùa nàng là Vệ nữ thần. Ngay tháng trước cũng vào ngày

rằm có trăng sáng lả lơi trên đọt tre, tôi đã nửa đùa nửa thật ôm nàng trên đôi sim và đọc câu ca dao:

Nửa đêm về sáng trăng nằm đọt tre,

Em có yêu anh cho trọn một bề...

Thực là kỳ dị khi tôi ngồi ăn cơm nếp trên bờ sông máng, rồi khi đứng dậy đi, tiếp tục ngắm trăng rằm trước mặt với những ngọn tre lả gió mà người đẹp “Vệ nữ thần” thảng trước hoàn toàn chìm trong quên lãng. Tôi chỉ thấy trăng rất sáng và rất lạnh. Sáng, có lẽ vì tôi nghĩ rằng các cháu tôi đã bất ngờ mà được hưởng một bữa cơm tương đối thịnh soạn có thịt gà luộc, cánh gà sốt chua ngọt, lòng gà sao với miến...; Lạnh, có lẽ vì nghĩ đến cái chết của Trung và biết bao kỷ niệm buồn rầu khác của chính đời tôi. Rồi hồn tôi như bâng bạc hòa vào sương khuya, và trong cùng thẳm cõi lòng tôi cảm thấy một nỗi niềm man mác, tê tái như một người đàn bà nghèo gánh gạo về trên quãng đường xa heo hút, chợt nhiên thấy thương chồng, thương con thương mình.

Lẽ cố nhiên là đêm đó tôi đi vất vả lắm, nhất là kể từ khoảng nửa đêm về sáng trở đi, lắm khi đầu choáng váng mắt hoa, chân lão đảo muốn khụy hẳn xuống. Mệt đã đành còn buồn ngủ và đói nữa, cũng may phần lớn đường đi là ngay trên bờ sông máng nên mỗi khi mệt quá hay nôn nao quá tôi lại lợi ủa xuống sông, vốc nước lên mặt cho tỉnh. Tỉnh sương vừa rạng thì đi đến Bờ sông Đáy. Ngồi trên con đò ngang, tôi lẳng lặng nhìn dòng sông Đáy lấp loáng gợn từng đợt lớn theo nhịp mái chèo. Khi đò sang tới bờ bên kia thì cả mặt sông Đáy đã chan hòa ánh hồng của buổi bình minh cuối Hạ. Vùng đông vừa ló, tôi tìm thấy gia đình. Cả nhà reo vui.

Thầy tôi hỏi:

– Con đi suốt đêm sao?

Tôi đáp:

– Dạ vâng, con đi suốt đêm để tránh máy bay.

Em gái lớn tôi cười, nói đùa:

– Râu ria ông anh mọc trông có gớm không!

Mẹ tôi cười thương hại:

– Trông gớm chết. Như ngáo!

Thằng em thứ hai tôi:

– Số huynh trưởng đỏ. Hôm nay mẹ có nấu cháo đậu đen buổi sáng, vừa múc lên xong kia.

Mẹ tôi hỏi:

– Con có mệt lắm không?

Tôi đáp:

– Mệt thì con cũng phải ăn cháo đã.

Húp liền mấy bát xong, tôi giải chiếu vào một góc nhà lăn quay ra ngủ; mùi mồ hôi, mùi quần áo ẩm xông lên sức nực, nhưng tôi cho đó khác gì mùi hăng hăng tràn trề sức sống của một khu rừng nhiều lá mục?

Đó là câu chuyện tôi đã không thành thực với Huân về một bữa ăn.

Hai tháng sau tôi được tin Huân đưa gia đình qua sông Đuống về thành. Chú tôi – ông nhạc Huân – làm tiệc linh đình đón con rể con gái và các cháu ngoại. Vợ Huân bán hết ruộng ở nhà quê để hùn vốn với một người bạn mở hãng xuất nhập cảng. Công việc buôn bán phát đạt, một năm sau vợ chồng Huân thành lập hãng xuất nhập cảng riêng của mình.

Khi tôi theo gia đình về, vừa hai năm qua, thì Huân đã tậu nhà, sắm ô tô, vừa mua piano à queue cho con gái. Cách Huân đặc biệt săn sóc bắt tôi ăn uống, đi xi nê, đi xem hát..., khiến tôi ngờ ngợ là Huân đã đoán biết sự thực hôm tôi khoác ba lô ra đi vội vã. Một hôm tôi bảo Huân:

– Hôm nay tôi thết cậu một châu miến gà chợ Đồng Xuân.

Huân gật đầu vui vẻ:

– Được lắm.

Rồi đánh xe đưa tôi đi liền.

Vào chợ Đồng Xuân, đến ngôi hàng miễn, mỗi đứa chúng tôi gọi một bát lớn. Thấy Huân ăn xong trước, e “hắn” trả tiền, tôi bảo:

– Cậu Huân lấy một điều Cotab châm trước cho mình.

Huân điềm nhiên đáp:

– Anh lại dùng « hoãn binh chi kế » với tôi phỏng?

Rồi Huân điềm nhiên mở ví trả tiền. Tôi chỉ còn biết lắc đầu mà không phản đối. Chuyện tuy nhỏ nhưng thái độ tế nhị của Huân làm tôi cảm động thấm thía. Tôi ở lại Hà nội với Huân cả ngày hôm đó để tính toán sổ sách giúp.

Sau bữa cơm tối, Huân ngâm một câu Kiều:

Gió đưa bằng tiện đã lìa dặm khơi.

Châu Thu Hương hỏi tôi:

– Thưa bác “bằng tiện” nghĩa là gì ạ?

Tôi đáp:

– “Bằng” là một giống chim rất lớn, bay rất xa, hay ở ngoài bể cả.

Thằng bé thứ ba hỏi:

– Lớn như thế nào hả bác?

Tôi vuốt tóc nó rồi đáp:

– Lớn lắm, lớn đến nỗi khi nó đương vỗ cánh bay người ta tưởng là một đám mây lướt tới, lớn đến nỗi nó thường phải chờ một cơn lốc biển thổi tới để nương vào đấy mà vỗ cánh vút lên chín tầng mây rồi bay luôn vạn dặm.

Tôi đưa mắt nhìn Huân giây lâu rồi mỉm cười.

Tiếng Nhàn:

– Kìa, anh ấy vừa thần người rồi lại mỉm cười.

Tôi gật đầu đáp:

– Tôi mỉm cười và nghĩ rằng tình cảm của con người muốn lên cao như cánh chim bằng cũng cần cơn gió lốc làm đà. Tôi nguyện sẽ làm cơn gió đó cho các cậu.

Sợ còn ngồi đó lại thần người ra, tôi bèn bảo cháu Thu Hương:

– Thôi cháu gái theo bác vào tập đàn đi, sáng ngày chưa học. Rồi trong khi bắt nó tập lại các gammes và arpèges, tôi để mặc cho trí tưởng tượng ôn lại cảnh mâm cơm chiều nào, cảnh đi dưới đêm trăng bên bờ sông máng, cảnh mặt sông Đáy lấp loáng hồng ánh bình minh, cảnh tôi húp cháo rồi ngủ trong mùi mồ hôi và quần áo ẩm...

Có tiếng đàn chối tai, tôi thấy con cháu thè lưỡi, so vai. Biết là nó đánh hỏng tôi nói chặn:

– Sai rồi!

Nó quay lại nhìn tôi cười:

222 | Doãn Quốc Sỹ

– Mọi bận cháu đánh hồng, bác mắng cháu ngay.

(Đã đăng trong tạp Chí Sáng Tạo số 9 – tháng Sáu 1957)

